



FIGURES & EVENTS REVIEW  
OF THE GSO (MPI)

# TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

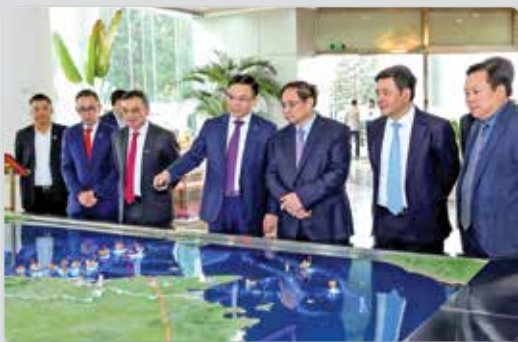
TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 63 - SỐ 668 / Kỳ II - 4/2024



## MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP 2024



## TẠI SAO PHẢI THAY ĐỔI THỜI GIAN PHỔ BIẾN BÁO CÁO KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG, QUÝ I, 6 THÁNG, 9 THÁNG VÀ NĂM?



## PHÁT HUY VAI TRÒ MỞ ĐƯỜNG, DẪN ĐẮT CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ



## LẠNG SƠN: CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

## CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 4/2024 (668) Ra hàng tháng. Năm thứ 63  
Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN  
Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971  
Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn  
Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản  
In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc  
Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

# TRONG SỐ NÀY

## HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Tổng cục Thống kê tổ chức Hội giao ban Lãnh đạo cấp Vụ quý I năm 2024

3. Một số nội dung chủ yếu của phương án Điều tra doanh nghiệp 2024

5. Điều tra doanh nghiệp năm 2024: Những điểm mới và một số lưu ý

7. Nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê tại tỉnh Bình Định

Nguyễn Thị Mỹ

11. Tại sao phải thay đổi thời gian phổ biến Báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng và năm?

Trần Thị Luyến

## KINH TẾ - XÃ HỘI

12. Phát huy vai trò mở đường, dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế

ThS. Trần Nam Hải

15. Tích cực chuẩn bị các điều kiện cho thị trường tín chỉ carbon

ThS. Đoàn Thị Kim Hương

18. Phát huy tiềm năng của các địa phương ven biển tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội đất nước

TS. Lê Thị Quỳnh Nhung

21. Xuất khẩu cà phê năm 2024: Rộng cửa chinh phục đỉnh cao mới

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh - ThS. Đặng Thị Hương

23. Sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường

Minh Thư

26. Triển vọng thị trường lao động năm 2024

Thu Hoàng

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

29. Báo cáo phát triển bền vững của các công ty niêm yết tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp

TS. Nguyễn Thị Mai Anh, Nguyễn Thành An, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Vũ Giang Châu, Bùi Anh Thư

35. Phát triển kinh tế tuần hoàn kinh nghiệm quốc tế và bài học gợi ý cho Việt Nam

TS. Trần Thị Minh Trâm

## SÁCH HAY THỐNG KÊ

40. Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2022

Thu Hiền

## QUỐC TẾ

41. Đẩy mạnh chuyển đổi số - Con đường đưa Ấn Độ trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới

Bích Ngọc

## LẠNG SƠN:

## CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

43. Những điểm nhấn trong phát triển kinh tế - xã hội ở Lạng Sơn

Trịnh Long

44. Lạng Sơn: Kết quả tích cực trong phát triển nông lâm nghiệp

Thành Nam

46. Lạng Sơn: Huy động nguồn lực phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, kết nối

Đình Đình

47. Lạng Sơn: Chăm lo phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi

49. Lạng Sơn: Giải quyết tốt bài toán đào tạo nghề, tạo việc làm góp phần giảm nghèo bền vững

Đình Long

50. Lạng Sơn: Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt kết quả tích cực

Minh Hùng

51. Cục Hải quan Lạng Sơn: Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng thí điểm mô hình cửa khẩu thông minh

Đ.L

Giá: 27.000 đ

# TỔNG CỤC THỐNG KÊ TỔ CHỨC HỌP GIAO BAN LÃNH ĐẠO CẤP VỤ QUÝ I NĂM 2024

Sáng ngày 11/4/2024, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Họp giao ban Lãnh đạo cấp Vụ quý I năm 2024 nhằm tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch công tác quý I/2024 và triển khai kế hoạch công tác quý II/2024. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì cuộc họp.

Tham dự cuộc họp có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu, Đỗ Thị Ngọc; Lãnh đạo các đơn vị thuộc Tổng cục. Tham dự trực tuyến có Lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp đóng ngoài địa bàn Hà Nội.

Tại cuộc họp, ông Nguyễn Bình, Chánh Văn phòng Tổng cục báo cáo kết quả công tác quý I năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ công tác quý II năm 2024. Theo báo cáo, với sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo Tổng cục và sự chủ động trong thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, Tổng cục Thống kê đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ trong Kế hoạch công tác được ban hành kèm theo Quyết định số 1436/QĐ-TCTK ngày 29/12/2023 và kết luận của Tổng cục trưởng tại Thông báo số 06/TB-TCTK ngày 16/01/2024 tại Hội nghị triển khai Kế hoạch công tác năm 2024 của Tổng cục Thống kê.

Trong quý I, toàn Ngành Thống kê đã có 56.505 công việc giao trên phần mềm quản lý công việc (taskgov), giảm 0,65% so với quý I/2023, trong đó: 49.041 công việc hoàn thành (chiếm 86,79%), giảm 1,96%; 4.765 công việc hoàn thành trễ hạn (chiếm 8,43%), tăng 1,12%; 2.233 công việc chưa hoàn thành



trễ hạn (chiếm 3,95%), tăng 38,78%; 466 công việc chưa hoàn thành (chiếm 0,82%), giảm 12,4%.

Theo kế hoạch công tác, trong quý I năm 2024, các đơn vị thuộc cơ quan Thống kê ở trung ương phải thực hiện 226 công việc, trong đó: 224 công việc đã hoàn thành đúng hạn, (chiếm 99,12%); 02 công việc chưa hoàn thành (chiếm 0,88%). Năm 2023 có 06 công việc chưa hoàn thành và chuyển sang năm 2024.

Theo các Thông báo kết luận của Lãnh đạo Tổng cục, trong quý I có 17 công việc phải hoàn thành, trong đó: 06 công việc đã hoàn thành đúng hạn; 04 công việc hoàn thành trễ hạn; 07 công việc chưa hoàn thành. Có 163 công việc phát sinh được giao cho các đơn vị trong Tổng cục trên Taskgov, trong đó: 136 công việc đã hoàn thành đúng hạn (chiếm 83,43%); 27 công việc hoàn thành trễ hạn (chiếm 16,57%).

Kết quả cụ thể, trong công tác chuyên môn, ngành Thống kê thực hiện tốt công tác biên soạn và phổ biến thông tin thống kê. Bảo đảm thông tin thống kê

định kỳ và đột xuất; hoàn thành tốt báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng và quý I; tổ chức thành công Họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý I năm 2024. Biên soạn GDP, GRDP quý I năm 2024; cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2024...

TCTK hoàn thành biên soạn các ấn phẩm như: Thực trạng kinh tế - xã hội các địa phương ven biển giai đoạn 2011-2022; Số liệu môi trường Việt Nam 2014-2021; Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2022... Đồng thời, hoàn thành việc cập nhật Khung số liệu thống kê kinh tế - xã hội năm 2023 được ban hành theo Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28/02/2023; cập nhật, biên soạn hệ thống phổ biến dữ liệu chung tăng cường (e-GDDS) quý I trên Trang dữ liệu tóm tắt quốc gia.

Trong công tác phân tích và dự báo thống kê, đã ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện chuyên đề/báo cáo phân tích và dự báo thống kê năm 2024 của TCTK; rà soát các chuyên đề/báo cáo phân tích và dự báo năm 2023 để tổng hợp Kỳ yếu.

Thực hiện nhiệm vụ điều tra thống kê và xử lý thông tin điều tra thống kê, TCTK đã hoàn thành dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quyết định về tổ chức Tổng điều tra nông thôn nông nghiệp 2025, Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương. Tổ chức 11 cuộc điều tra tháng, 04 cuộc điều tra quý, 03 cuộc điều tra năm và các cuộc điều tra theo thời vụ của nông nghiệp (tổng số kỳ điều tra là 49 kỳ).

Trong công tác phương pháp chế độ và quản lý chất lượng thống kê, TCTK tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Luật Thống kê và sửa đổi, bổ sung một số điều; ký kết Quy chế phối hợp về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...

Trong quý I/2024, TCTK tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê; triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam; đồng thời tích cực triển khai thực hiện các đề án, nhiệm vụ lớn của Ngành.

Bên cạnh tập trung thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, TCTK cũng chú trọng thực hiện tốt công tác tổ chức cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng và thi đua, khen thưởng; quản lý tài chính và đầu tư xây dựng; hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài và quản lý dự án ODA; pháp chế, thanh tra, kiểm tra, giám sát; tuyên truyền, văn phòng; xuất bản và công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên.

Quý II/2024, TCTK sẽ tập trung thực hiện 12 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nâng cao chất lượng công tác biên soạn và phổ biến thông tin thống kê; hoàn thành biên soạn

các ấn phẩm thống kê năm 2024; đẩy mạnh công tác phân tích và dự báo thống kê; tập trung thực hiện, xử lý thông tin điều tra của các cuộc điều tra thống kê triển khai năm 2024; thực hiện tốt công tác chuẩn bị cho các cuộc điều tra thống kê sẽ được tổ chức triển khai năm 2025. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật; tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam và các đề án, nhiệm vụ lớn của Ngành; làm tốt các công tác tổ chức cán bộ; quản lý tài chính và đầu tư xây dựng; hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài và quản lý dự án ODA; công tác pháp chế, thanh tra, kiểm tra, giám sát...

Tại cuộc họp, các đại biểu đã tập trung trao đổi, thảo luận các nội dung công việc còn khó khăn trong triển khai nhiệm vụ trong quý I/2024 xuất phát từ cả yếu tố khách quan và chủ quan để sớm có những giải pháp tháo gỡ như: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức ngành Thống kê; Đề án vị trí việc làm; Phần mềm điều tra thống kê; Công tác chuẩn bị Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025;...

Phát biểu tại buổi họp, Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu đánh giá cao chất lượng công việc các đơn vị đã triển khai trong quý I/2024 vừa qua và đề nghị các đơn vị tiếp tục tập trung triển khai nhiệm vụ chuyên môn được giao trong quý II, trong đó tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị trong Tổng cục để đảm bảo có được số liệu thống kê chính xác cao theo đúng thời gian quy định. Đồng thời đẩy mạnh phối hợp với các đơn vị ngoài ngành để khai thác triệt để nguồn thông tin dữ liệu hành chính sẵn có...

Bổ sung, làm rõ các nội dung cần triển khai trong quý II/2024,

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đề xuất tập trung chuẩn bị tốt cho Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp năm 2025; triển khai công tác thi đua khen thưởng phù hợp với quy chế mới; có kế hoạch xây dựng nguồn nhân lực toàn Ngành trong trung hạn và dài hạn; tăng cường công tác tuyên truyền cho các cuộc điều tra thống kê...

Kết luận cuộc họp, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao kết quả thực hiện trong quý I/2024 và đề nghị các đơn vị rà lại các nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, bám sát nhiệm vụ trọng tâm quý II/2024 để chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ. Tổng cục trưởng yêu cầu các đơn vị tăng cường phối hợp để triển khai thực hiện tốt các cuộc điều tra, tổng điều tra, trong đó trọng điểm là Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024; Điều tra thu thập thông tin thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc; thực hiện tốt công tác chuẩn bị Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp năm 2025; tăng cường khai thác dữ liệu hành chính trong Điều tra Doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm; biên soạn GDP, GRDP...; thực hiện tốt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các đề án lớn của Ngành; tập trung triển khai các nội dung công việc trong công tác tổ chức cán bộ; hợp tác quốc tế đảm bảo huy động nguồn lực bên ngoài; hoàn thiện bộ máy tổ chức bộ phận thanh tra theo quy định mới;.../.

**B.N**

# MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP 2024

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 được tiến hành theo Chương trình điều tra thống kê quốc gia do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia); và Phương án điều tra doanh nghiệp năm 2024 do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành (Quyết định số 638/QĐ-TCTK ngày 17/7/2023).

## Mục đích điều tra

Cuộc điều tra được tiến hành nhằm thu thập các thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp) phục vụ công tác quản lý, điều hành, đánh giá và dự báo tình hình kinh tế - xã hội, lập chính sách, kế hoạch phát triển của toàn bộ nền kinh tế và từng địa phương.

Số liệu thu thập từ điều tra được sử dụng để tính một số chỉ tiêu quan trọng như: Chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) năm 2023, các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia và các chỉ tiêu thống kê của các chuyên ngành kinh tế. Kết quả từ điều tra doanh nghiệp năm 2024 được dùng để biên soạn "Sách Trắng Doanh nghiệp năm 2024" và "Sách Trắng Hợp tác xã năm 2024"; Cập nhật cơ sở dữ liệu làm mẫu của các cuộc điều tra thống kê về doanh nghiệp; Và đáp ứng nhu cầu của các đối tượng dùng tin khác.

## Yêu cầu điều tra

Ngành Thống kê khi tiến hành Điều tra doanh nghiệp năm 2024

cần bảo đảm các yêu cầu: Thực hiện đúng các nội dung quy định trong Phương án điều tra; Phạm vi, nội dung điều tra phải đầy đủ, thống nhất và không trùng chéo với các điều tra khác; Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê; Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả; Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước; đảm bảo tính so sánh quốc tế.

## Phạm vi điều tra

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc tất cả các ngành trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018) trừ 3 ngành (do đối tượng điều tra không phát sinh trong các ngành này): Ngành O - Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc; Ngành U - Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế; Ngành T - Hoạt động làm thuê

các công việc trong các gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình.

## Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra doanh nghiệp năm 2024 là cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi một ngành kinh tế tại một địa điểm (đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn) của tất cả ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành O, U và T trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân).

## Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra gồm 64 tập đoàn, tổng công ty; doanh nghiệp; hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) và các chi nhánh hạch toán độc lập trực thuộc doanh nghiệp.

Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp; Luật Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã, các quỹ tín dụng nhân dân hoạt động theo Luật hợp tác xã và các doanh nghiệp được thành lập, chịu sự điều chỉnh bởi các Luật chuyên ngành như: Luật Bảo hiểm, Luật Chứng khoán...

## HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

Chi nhánh hạch toán độc lập là đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; Có mã số thuế riêng 13 số; có con dấu riêng; tài khoản ngân hàng riêng, sử dụng hóa đơn và báo cáo tài chính sử dụng hóa đơn tại chi nhánh; trực tiếp kê khai thuế tại chi nhánh; có tổ chức bộ máy kế toán; tự lập và nộp Báo cáo tài chính tại chi nhánh.

### Nội dung điều tra

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 thu thập các thông tin sau:

- Thông tin nhận dạng: Thông tin định danh của đơn vị điều tra; ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh; loại hình doanh nghiệp; cơ sở trực thuộc của doanh nghiệp;

- Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động: Số lao động; thu nhập của người lao động;

- Thông tin về kết quả, chi phí sản xuất kinh doanh: Kết quả hoạt động, chi phí sản xuất kinh doanh; vốn đầu tư; sản lượng sản xuất của sản phẩm; tiêu dùng năng lượng; các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ theo Hệ thống

ngành kinh tế Việt Nam và Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam;

- Thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ của doanh nghiệp.

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 là cuộc điều tra thực hiện điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu. Theo đó, áp dụng đối với toàn bộ doanh nghiệp nhằm thu thập thông tin cơ bản về thông tin định danh, ngành nghề sản xuất kinh doanh, lao động; Áp dụng đối với các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra nhằm mục đích mở rộng nội dung điều tra, phục vụ tính các chỉ tiêu chuyên ngành, giúp nâng cao chất lượng điều tra nhất là đối với các câu hỏi phức tạp, chuyên sâu.

Thời điểm điều tra được tiến hành vào ngày 01/4/2024. Các chỉ tiêu thu thập theo thời điểm điều tra được quy định cụ thể trong từng phiếu điều tra.

Thời kỳ thu thập thông tin đối với các chỉ tiêu của cuộc điều tra là số liệu năm 2023. Các chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ như: Kết quả sản xuất kinh doanh, vốn đầu tư thực hiện, sản lượng sản phẩm sản xuất và một số chỉ tiêu khác.

Do tính chất quy mô không giống nhau nên các địa phương trong cả nước có thời gian tiến hành điều tra khác nhau. Tại thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 31/7/2024. Đối với các tỉnh, thành phố có số lượng doanh nghiệp từ 5.000 doanh nghiệp trở lên, thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 30/6/2024; Các tỉnh, thành phố còn lại: Thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 30/5/2024.

Dự kiến, kết quả chính thức của cuộc điều tra doanh nghiệp 2024 sẽ được công bố vào quý I năm 2025./.

Nguồn: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT Thống kê - TCTK

**ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2024**

**MỤC ĐÍCH**

- Phục vụ công tác quản lý, điều hành, đánh giá và dự báo tình hình kinh tế - xã hội, lập chính sách, kế hoạch phát triển của toàn bộ nền kinh tế và từng địa phương;
- Phục vụ tính chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP) năm 2023, các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia và các chỉ tiêu thống kê của các chuyên ngành kinh tế;
- Biên soạn "Sách Trắng doanh nghiệp năm 2024" và "Sách Trắng hợp tác xã năm 2024";
- Cập nhật cơ sở dữ liệu làm đàn mẫu của các cuộc điều tra thống kê về doanh nghiệp;
- Đáp ứng nhu cầu của các đối tượng dùng tin khác.

**THỜI GIAN**

- Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 31/7/2024;
- Các tỉnh, thành phố có số lượng doanh nghiệp từ 5.000 doanh nghiệp trở lên: Thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 30/6/2024;
- Các tỉnh, thành phố còn lại: Thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2024 đến hết ngày 30/5/2024.

**NỘI DUNG**

- 1 Thông tin nhận dạng
- 2 Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động
- 3 Thông tin về kết quả, chi phí sản xuất kinh doanh
- 4 Thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ của doanh nghiệp

Phổ biến thông tin thống kê

# ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2024 NHỮNG ĐIỂM MỚI VÀ MỘT SỐ LƯU Ý

**Điều tra Doanh nghiệp năm 2024 là cuộc điều tra thống kê quốc gia được thực hiện hàng năm, nhằm thu thập thông tin toàn diện về hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên cả nước. Ngày 17 tháng 7 năm 2023, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ký Quyết định 638/QĐ-TCTK về việc ban hành Phương án Điều tra doanh nghiệp năm 2024.**

## Điểm mới trong Điều tra doanh nghiệp năm 2024

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 là cuộc điều tra thực hiện điều tra toàn bộ (áp dụng đối với toàn bộ doanh nghiệp nhằm thu thập thông tin cơ bản về thông tin định danh, ngành nghề sản xuất kinh doanh, lao động, kết quả sản xuất kinh doanh), kết hợp với điều tra chọn mẫu (áp dụng đối với các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra nhằm mục đích mở rộng nội dung điều tra, phục vụ tính các chỉ tiêu chuyên ngành, giúp nâng cao chất lượng điều tra nhất là đối với các câu hỏi phức tạp, chuyên sâu).

Điều tra sẽ sử dụng phương pháp điều tra gián tiếp thông qua hình thức thu thập thông tin trực tuyến. Các đơn vị điều tra thực hiện cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê (Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê).

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với các doanh nghiệp

có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc tất cả các ngành trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, trừ 3 ngành (do đối tượng điều tra không phát sinh trong các ngành này): Ngành O - hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc; Ngành U - hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế; Ngành T - hoạt động làm thuê các công việc trong các gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình.

Đơn vị điều tra gồm: 64 tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn ngành (bao gồm 3 tập đoàn, tổng công ty thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng); các doanh nghiệp, hợp tác xã; và các chi nhánh hạch toán độc lập trực thuộc doanh nghiệp.

Thời điểm điều tra được tiến hành vào ngày 01/4/2024. Các chỉ tiêu thu thập theo thời điểm điều tra được quy định cụ thể trong từng phiếu điều tra. Thời kỳ thu thập thông tin đối với các chỉ tiêu của cuộc điều tra là số liệu năm 2023.

Các chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ như: Kết quả sản xuất kinh doanh, vốn đầu tư thực hiện, sản lượng sản phẩm sản xuất và một số chỉ tiêu khác.

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 thu thập các thông tin sau:

- Thông tin nhận dạng: Thông tin định danh của đơn vị điều tra; ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh; loại hình doanh nghiệp; cơ sở trực thuộc của doanh nghiệp;

- Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động: Số lao động; thu nhập của người lao động;

- Thông tin về kết quả, chi phí sản xuất kinh doanh: Kết quả hoạt động, chi phí sản xuất kinh doanh; vốn đầu tư; sản lượng sản xuất của sản phẩm; tiêu dùng năng lượng; các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam;

- Thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ của doanh nghiệp.

Dữ liệu thu thập của cuộc điều tra này sẽ là nền tảng vững chắc cho các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu và các tổ chức trong việc: (1) Phục vụ công tác quản lý, điều hành, đánh giá và dự báo tình hình kinh tế - xã hội; Phân tích nhịp đập của nền kinh tế, từ đó đưa ra chiến lược đúng đắn, phù hợp, thúc đẩy sự phát triển chung. (2) Lập kế hoạch phát triển: Vạch ra con đường chiến lược cho các ngành,

lĩnh vực, đưa Việt Nam tiến xa hơn trên con đường hội nhập quốc tế. (3) Biên soạn "Sách Trắng Doanh nghiệp" và "Sách Trắng Hợp tác xã": Cung cấp kho tàng tri thức quý giá cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững. (4) Cập nhật cơ sở dữ liệu làm mẫu của các cuộc điều tra thống kê về doanh nghiệp: Góp phần hoàn thiện hệ thống thống kê quốc gia, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. (5) Đáp ứng nhu cầu của các đối tượng dùng tin khác: Cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ cho các nhà nghiên cứu, nhà đầu tư, tổ chức quốc tế và các cá nhân quan tâm.

Năm 2024, Điều tra Doanh nghiệp có một số điểm mới nhằm góp phần nâng cao hiệu quả và tính chính xác của dữ liệu thu thập. Cụ thể:

Cải tiến nội dung và giải thích chi tiết bảng hỏi: Giúp các doanh nghiệp dễ dàng nắm bắt yêu cầu và cung cấp thông tin chính xác.

Bổ sung thông tin lao động là người nước ngoài: Phản ánh bức tranh đa dạng của thị trường lao động Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

Thu thập bổ sung một số thông tin phục vụ biên soạn các chỉ tiêu liên quan đến tài khoản quốc gia: Góp phần hoàn thiện hệ thống thống kê quốc gia, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Chuyển sang điều tra thêm 2 phiếu chuyên ngành: Nâng cao độ sâu và chi tiết của dữ liệu thu thập, phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý và hoạch định chính sách.

### **Một số lưu ý trong Điều tra doanh nghiệp năm 2024**

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 là cuộc điều tra quy mô lớn, thời gian thực hiện không dài

với nhiều nội dung chuyên sâu nhằm giúp tổng hợp bức tranh chung về tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên cả nước. Do vậy, sự tham gia và đồng hành của các doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác theo tình hình thực tế tại doanh nghiệp là rất quan trọng, góp phần vào thành công của cuộc điều tra. Cụ thể như sau:

Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời: Mỗi thông tin quý giá của DN góp phần vẽ nên bức tranh toàn diện và chân thực về nền kinh tế Việt Nam.

Hợp tác chặt chẽ với các điều tra viên: Cung cấp hỗ trợ cần thiết để đảm bảo quá trình điều tra diễn ra suôn sẻ và hiệu quả.

Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp khác tham gia: Góp phần nâng cao nhận thức và sự đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp.

Để chất lượng số liệu điều tra doanh nghiệp năm 2024 được tốt nhất, việc xác định đúng ngành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như xác định đúng loại hình kinh tế là hết sức quan trọng. Quá trình này có liên quan mật thiết đến toàn bộ dữ liệu sau này của cuộc điều tra.

Việc xác định đúng tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp trong quá trình điều tra cũng là một trong những vấn đề cần được quan tâm trong quá trình điều tra. Một doanh nghiệp được xác định đúng tình trạng hoạt động sẽ tránh được việc gây nhiễu dữ liệu trong quá trình tổng hợp thông tin.

Cuối cùng, số liệu của các doanh nghiệp cần được thu thập đầy đủ, chính xác tránh những sai sót, ví dụ như sai sót về đơn vị tính.

Trong khâu thu thập thông tin, doanh nghiệp sẽ trực tiếp đăng

nhập vào hệ thống qua trang web [thongkedoanhnghiep.gso.gov.vn](http://thongkedoanhnghiep.gso.gov.vn) để kê khai thông tin theo tài khoản là mã số thuế của doanh nghiệp cùng mật khẩu sẽ được điều tra viên ngành Thống kê cung cấp để thực hiện việc kê khai thông tin của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có thể liên hệ với điều tra viên phụ trách để nhận được sự hỗ trợ, hướng dẫn trong quá trình kê khai thông tin trên phiếu điều tra để giảm thiểu những sai sót, tạo thuận lợi cho công tác điền phiếu điều tra.

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 là cuộc điều tra có ý nghĩa rất quan trọng đối với ngành Thống kê, các nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách. Điều tra được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các thông tin thu thập của cuộc điều tra này bao trùm toàn bộ các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của các tập đoàn; tổng công ty; doanh nghiệp; hợp tác xã và các chi nhánh hạch toán độc lập trực thuộc doanh nghiệp.

Điều tra doanh nghiệp năm 2024 có thành công hay không phụ thuộc chính vào sự tham gia, đồng hành và ủng hộ của các doanh nghiệp cung cấp thông tin và các điều tra viên trực tiếp tham gia điều tra.

Các thông tin của doanh nghiệp cung cấp sẽ được bảo mật tuyệt đối theo Luật Thống kê. Cơ quan Thống kê chỉ sử dụng cho việc tổng hợp dữ liệu và thực hiện các báo cáo phục vụ quản lý điều hành.

Việc chấp hành cung cấp thông tin cho cơ quan Thống kê của doanh nghiệp là cực kỳ quan trọng quyết định đến sự thành công của cuộc Điều tra doanh nghiệp năm 2024./.

*Nguồn: Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT Thống kê - TCTK*



# NHU CẦU VÀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG THÔNG TIN THỐNG KÊ TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

**Nguyễn Thị Mỹ**

*Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bình Định*

Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023 tại Bình Định đã nhận được sự phối hợp, ủng hộ rất cao của các đối tượng điều tra với tỷ lệ trả lời đạt 100%. Các ý kiến đánh giá của đối tượng điều tra về những mặt tích cực cũng như những hạn chế, tồn tại trong việc phổ biến thông tin của ngành Thống kê có ý nghĩa quan trọng, giúp cho Ngành có thêm cơ sở để hoàn thiện chính sách, kế hoạch sản xuất và phổ biến thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dùng tin. Những đánh giá này cũng sẽ giúp ngành Thống kê biết được nhu cầu, mong đợi của người sử dụng thông tin đối với những thông tin mà ngành Thống kê sẽ biên soạn, phổ biến, cung cấp trong thời gian tới.

## Một số kết quả về tình hình sử dụng thông tin thống kê của các đơn vị điều tra

Kết quả cuộc Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023 tại tỉnh Bình Định đã cung cấp một bức tranh khái quát về tình hình sử dụng thông tin thống kê của người dùng tin hiện nay trên địa bàn Tỉnh. Theo đó nhìn chung, người dùng tin tiếp tục đánh giá cao những cố gắng của ngành Thống kê trong việc sản xuất và phổ biến thông tin thống kê những năm vừa qua với các tỷ lệ đều cao hơn so với kết quả cuộc điều tra năm 2020. Tỷ lệ đối tượng điều tra sử dụng thông tin thống kê đạt tới 99%, trong đó 84,8% có được thông tin là do ngành Thống kê cung cấp. Các đối tượng điều tra cũng cho rằng khả năng tiếp cận thông tin của ngành Thống kê ngày càng dễ dàng và tương đối dễ dàng (tỷ lệ đạt 99%), có tới 98% đánh giá việc phổ biến thông tin thống kê hiện nay là bình đẳng



và tương đối bình đẳng với người sử dụng thông tin. Đa số người dùng tin cảm thấy hài lòng và tương đối hài lòng đối với hoạt động phổ biến, cung cấp thông tin của ngành Thống kê (100%), đặc biệt tỷ lệ người cảm thấy hài lòng tăng 3,7% so với cuộc điều tra năm 2020.

Đánh giá chung của các đối tượng điều tra về thông tin thống kê thể hiện sự ghi nhận những chuyển biến tích cực trong hoạt động sản xuất cũng như phổ biến thông tin thống kê của ngành Thống kê: Có 99,5% đối tượng

được điều tra đánh giá thông tin thống kê rất có tác dụng và có tác dụng; có 97% người trả lời cho rằng thông tin thống kê rất kịp thời và tương đối kịp thời; có 97,5% đánh giá là đầy đủ và tương đối đầy đủ và có 99% cho rằng thông tin thống kê hiện nay là tin cậy và tương đối tin cậy. Bên cạnh đó, cuộc điều tra cũng đã tìm hiểu được những đánh giá của người dùng tin đối với một số sản phẩm cụ thể quan trọng của ngành, trên cơ sở đó có căn cứ để hoàn thiện các sản phẩm thông qua việc phát huy những ưu điểm, khắc phục

nhược điểm, bất cập nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các đối tượng sử dụng trong thời gian tới.

Cuộc điều tra cũng đã đạt được mục đích tìm hiểu nhu cầu thông tin thống kê trong tương lai, có tới 99% số người trả lời khẳng định chắc chắn sẽ sử dụng số liệu của ngành Thống kê. Ngoài ra, người dùng tin quan tâm nhất trong thời gian tới tập trung vào các lĩnh vực: Số liệu kinh tế tổng hợp; dân số lao động; thương mại, dịch vụ và giá; công nghiệp, doanh nghiệp; đầu tư, xây dựng.

Mặc dù, các đối tượng điều tra đã đánh giá khá cao các thông tin do ngành Thống kê cung cấp và phổ biến nhưng chủ yếu là ở mức “tương đối” (tương đối hài lòng, tương đối công bằng, tiếp cận tương đối dễ dàng, tương đối kịp thời, tương đối đầy đủ), nghĩa là thực tế mới ở mức khá là chủ yếu. Mặt khác, vẫn còn một bộ phận nhỏ (chiếm 1% đối tượng được điều tra) chưa sử dụng thông tin của ngành Thống kê với nhiều lý do khác nhau nhưng chủ yếu là đã có nguồn thông tin khác hoặc lý do khác, đặc biệt có cả nhóm đối tượng là công chức, viên chức. Chính vì vậy, thay vì sử dụng thông tin thống kê chính thống thì người dùng tin lại phải sử dụng thông tin từ các nguồn khác, điều này có thể dẫn tới tình trạng thiếu thống nhất, thậm chí còn mâu thuẫn với thông tin thống kê do ngành Thống kê có thẩm quyền công bố. Hình thức thông tin và sản phẩm thông tin thống kê hiện nay tuy đã đa dạng hơn nhưng chủ yếu vẫn là in và phát hành các ấn phẩm theo cách làm truyền thống. Bên cạnh đó, phần lớn người được phỏng vấn đều có mong muốn được sử dụng số liệu ở Website của Ngành Thống kê (84,3%) và ấn phẩm in trên giấy (59,1%) nhưng những sản phẩm

chính này còn chưa đáp ứng đầy đủ được nhu cầu ngày càng cao của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê. Những vấn đề này đòi hỏi ngành Thống kê cần phải tiếp tục hoàn thiện và đổi mới cả về chất lượng số liệu, công tác phân tích chuyên sâu, đa chiều và hoạt động phổ biến thông tin thống kê.

### **Kết quả đánh giá mức độ hài lòng và sự thỏa mãn về một số sản phẩm thống kê chủ yếu**

Tại cuộc Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023, để có đánh giá về mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin đối với 5 loại sản phẩm thống kê chủ yếu, các đối tượng điều tra được phỏng vấn bằng câu hỏi định tính với 3 mức độ: Hài lòng, tương đối hài lòng và chưa hài lòng. Tỷ lệ người trả lời hài lòng đối với từng loại sản phẩm thống kê dao động từ 48%-59%, cao hơn nhiều so với kết quả của cuộc điều tra năm 2020. Năm 2020, tỷ lệ tương tự là 35%-55%. Nếu tính chung mức độ hài lòng và tương đối hài lòng đối với từng sản phẩm thống kê chủ yếu thì tỷ lệ này rất cao, đều đạt 100% (riêng Website Cục Thống kê Bình Định đạt mức thấp hơn với 99%).

Để đo lường cụ thể hơn mức độ thỏa mãn của các đối tượng điều tra về 5 loại sản phẩm trên, những đối tượng đã sử dụng các sản phẩm được yêu cầu cho đánh giá theo 5 mức độ thỏa mãn: Rất không hài lòng, không hài lòng, bình thường, hài lòng và rất hài lòng; kết quả nhận được như sau:

(i) Đối với Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung đánh giá: Nội dung phong phú, đầy đủ các vấn đề xã hội quan tâm; thông tin

phản ánh chính xác tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương; hình thức trình bày khoa học, dễ theo dõi và thời gian công bố, phổ biến kịp thời ở mức 22%-27%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng khá tập trung đối với cả 4 nội dung đánh giá, ở mức 63%-69%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 8%-14% và không có người đánh giá không hài lòng và rất không hài lòng.

(ii) Đối với Niên giám Thống kê, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung đánh giá: Giải thích thuật ngữ, nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đầy đủ, dễ hiểu; thông tin phong phú, đa dạng, phân tổ chi tiết, phản ánh tương đối đầy đủ các lĩnh vực kinh tế - xã hội; số liệu chính xác, phản ánh đúng thực trạng ngành, lĩnh vực; hình thức trình bày khoa học, dễ hiểu, dễ theo dõi; thời gian công bố, phổ biến kịp thời ở mức 24%-29%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng khá tập trung đối với cả 5 nội dung đánh giá, ở mức 64%-67%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 6%-9% và không có người đánh giá không hài lòng và rất không hài lòng.

(iii) Đối với Ấn phẩm phân tích kinh tế - xã hội nhiều năm, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung đánh giá: Nội dung phân tích đầy đủ, phong phú, phản ánh những vấn đề người dùng tin quan tâm; phân tích, đánh giá cụ thể, chính xác thực trạng tình hình kinh tế - xã hội; hình thức trình bày khoa học, dễ hiểu, dễ theo dõi; sử dụng những công cụ phân tích, dự báo hiện đại, khoa học và tin cậy; thời gian công bố kịp thời ở mức 25%-31%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng đối với cả 5 nội dung

đánh giá ở mức 63%-71%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 3%-11% và không có người đánh giá không hài lòng và rất không hài lòng.

(iv) Đối với Kết quả các cuộc điều tra thống kê, tỷ lệ người trả lời ở các nội dung đánh giá: Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin; phản ánh chính xác tình trạng ngành/lĩnh vực điều tra; thời gian công bố kịp thời tùy thuộc vào các cuộc điều tra. Trong đó, đối với Kết quả cuộc điều tra Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung đánh giá: Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin; phản ánh chính xác thực trạng ngành/lĩnh vực điều tra; thời gian công bố kịp thời ở mức 16%-19%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng đối với cả 3 nội dung đánh giá ở mức 67%-74%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 9%-16% và tỷ lệ người đánh giá không hài lòng là 0,6% và không có người đánh giá rất không hài lòng.

Đối với Kết quả cuộc điều tra Tổng điều tra kinh tế năm 2021, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung đánh giá: Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin; phản ánh chính xác thực trạng ngành/lĩnh vực điều tra; thời gian công bố kịp thời ở mức 18%-21%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng đối với cả 3 nội dung đánh giá ở mức 69%-74%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 7%-13% và không có người đánh giá không hài lòng và rất không hài lòng.

Đối với Kết quả cuộc Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung

đánh giá: Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin; phản ánh chính xác thực trạng ngành/lĩnh vực điều tra; thời gian công bố kịp thời ở mức 17%-22%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng đối với cả 3 nội dung đánh giá ở mức 68%-70%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 8%-14% và không có người đánh giá không hài lòng nhưng tỷ lệ người đánh giá rất không hài lòng là 0,7%.

Đối với Kết quả cuộc Điều tra doanh nghiệp, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung đánh giá: Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin; phản ánh chính xác thực trạng ngành/lĩnh vực điều tra; thời gian công bố kịp thời ở mức 13%-15%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng đối với cả 3 nội dung đánh giá ở mức 74%-76%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 8%-14% và không có người đánh giá không hài lòng và rất không hài lòng.

Đối với Kết quả cuộc Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung đánh giá: Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin; phản ánh chính xác thực trạng ngành/lĩnh vực điều tra; thời gian công bố kịp thời ở mức 10%-15%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng đối với cả 3 nội dung đánh giá ở mức 73%-78%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 10%-15% và không có người đánh giá không hài lòng nhưng tỷ lệ người đánh giá rất không hài lòng là 0,8%.

Đối với Kết quả cuộc Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung đánh giá: Đầy đủ thông tin,

đáp ứng nhu cầu của người dùng tin; phản ánh chính xác thực trạng ngành/lĩnh vực điều tra; thời gian công bố kịp thời ở mức 15%-18%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng đối với cả 3 nội dung đánh giá ở mức 68%-71%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 12%-14% và không có người đánh giá không hài lòng nhưng tỷ lệ người đánh giá rất không hài lòng là 0,8%.

Đối với Kết quả cuộc Điều tra lao động việc làm, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung đánh giá: Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin; phản ánh chính xác thực trạng ngành/lĩnh vực điều tra; thời gian công bố kịp thời ở mức 11%-14%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng đối với cả 3 nội dung đánh giá ở mức 70%-72%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 13%-18% và không có người đánh giá không hài lòng nhưng tỷ lệ người đánh giá rất không hài lòng là 0,8%.

Đối với Kết quả cuộc điều tra Khảo sát mức sống dân cư, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung đánh giá: Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin; phản ánh chính xác thực trạng ngành/lĩnh vực điều tra; thời gian công bố kịp thời ở mức 11%-16%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng đối với cả 3 nội dung đánh giá ở mức 72%-73%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 10%-16% và không có người đánh giá không hài lòng nhưng tỷ lệ người đánh giá rất không hài lòng là 0,8%.

(v) Đối với Website của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung

đánh giá: Giao diện thân thiện, có tính thẩm mỹ; bố cục hợp lý, dễ tìm kiếm thông tin; công cụ khai thác thông tin tiện ích và dễ sử dụng; hoạt động ổn định, tương thích với máy tính và hầu hết các thiết bị di động; nội dung đa dạng, phong phú, đáp ứng đầy đủ nhu cầu người sử dụng thông tin; thông tin phổ biến phản ánh chính xác tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước; hình thức thể hiện thông tin đa dạng, phù hợp nhu cầu của nhiều đối tượng sử dụng; thông tin cập nhật nhanh chóng, kịp thời ở mức 17%-22%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng đối với cả 8 nội dung đánh giá ở mức 59%-65%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 15%-22% và không có người đánh giá không hài lòng và rất không hài lòng.

Riêng đối với Website của Cục Thống kê tỉnh Bình Định, tỷ lệ người trả lời cho mức độ rất hài lòng ở các nội dung đánh giá: Giao diện thân thiện, có tính thẩm mỹ; bố cục hợp lý, dễ tìm kiếm thông tin; công cụ khai thác thông tin tiện ích và dễ sử dụng; hoạt động ổn định, tương thích với máy tính và hầu hết các thiết bị di động; nội dung đa dạng, phong phú, đáp ứng đầy đủ nhu cầu người sử dụng thông tin; thông tin phổ biến phản ánh chính xác tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước; hình thức thể hiện thông tin đa dạng, phù hợp nhu cầu của nhiều đối tượng sử dụng; thông tin cập nhật nhanh chóng, kịp thời ở mức 19%-24%; tỷ lệ người cho mức độ hài lòng đối với cả 8 nội dung đánh giá ở mức 59%-65%; tỷ lệ người cho mức độ bình thường dao động trong khoảng từ 13%-20% và người đánh giá không hài lòng ở các nội dung công cụ khai thác thông tin tiện ích và dễ sử dụng; hoạt động ổn định, tương thích với máy tính và hầu hết các thiết bị di động; thông tin phổ biến phản ánh chính xác tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước là 0,5% và không có người đánh giá rất không hài lòng.

Như vậy, có thể nhận thấy chất lượng của công tác thống kê nói chung và số liệu thống kê nói riêng của ngành Thống kê được không ngừng nâng lên qua thời gian. Theo đó, bên cạnh việc không ngừng nâng cao chất lượng thông tin đầu vào, ngành Thống kê đã đẩy mạnh công tác phổ biến thông tin thống kê với nhiều sản phẩm và cách thức đa dạng đây là hướng đi đúng đắn của ngành Thống kê./

### ***Quy định hiện hành về ngày công bố, phổ biến Báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng và năm***

Ngày 01 tháng 7 năm 2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 94/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê (sau đây viết gọn là Nghị định số 94/2016/NĐ-CP). Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2016/NĐ-CP quy định "thời gian phổ biến Báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng và năm là ngày 29 của tháng báo cáo, riêng tháng Hai là ngày cuối tháng".

Ngày 07 tháng 11 năm 2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 94/2022/NĐ-CP quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Nghị định số 94/2022/NĐ-CP). Nghị định này quy định quy trình biên soạn GDP, GRDP và hệ biểu thu thập thông tin để biên soạn GDP, GRDP phục vụ cho việc công bố số liệu vào ngày 29 hằng tháng, tháng Hai là ngày cuối tháng.

Thực hiện các quy định nêu trên, công tác thu thập, biên soạn, công bố, phổ biến thông tin thống kê đã khắc phục được những hạn chế, bất cập trong nhiều năm trước đây, đó là: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng thông tin thống kê đã tiếp cận được nguồn thông tin để khai thác, sử dụng; khối lượng lớn thông tin thống kê được phổ biến kịp thời, minh bạch; sản phẩm thông tin thống kê đa dạng hơn; thông tin thống kê do Hệ thống tổ chức thống kê tập trung, thống kê Bộ, ngành và các cơ quan Nhà nước khác thu thập, tổng hợp, phổ biến đã trở thành nguồn thông tin thống kê chủ yếu được các cơ quan, tổ chức, cá nhân thống nhất sử dụng. Việc phổ biến thông tin sớm, đúng thời gian quy định về tình hình kinh tế - xã hội của cả nước cũng đã đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin thống kê của các cơ quan Đảng, Chính phủ, chính quyền các cấp trong quản lý điều hành.

### ***Một số hạn chế, bất cập trong việc biên soạn, công bố, phổ biến số liệu vào ngày 29 hằng tháng, tháng Hai là ngày cuối tháng***

Để kịp thời công bố, phổ biến số liệu vào "ngày 29 hằng tháng, tháng Hai là ngày cuối tháng" theo quy định nêu trên, khâu thu thập, tổng hợp, biên soạn thông tin thống kê phải được thực hiện sớm để cơ quan thống kê trung ương có đủ thời gian tổng hợp, kiểm tra, xác minh thông tin từ cấp huyện, cấp tỉnh đến cấp trung ương. Trong quá trình thực hiện gặp một số hạn chế, bất cập sau đây:

Một là, thông tin thu thập không phản ánh đầy đủ, đúng thực tế hoạt động của các đơn vị theo tháng hành chính, không phản ánh đúng thuật ngữ số liệu trong tháng, trong quý; số liệu có sự gối đầu từ tháng trước

# TẠI SAO PHẢI THAY ĐỔI THỜI GIAN PHỔ BIẾN BÁO CÁO KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG, QUÝ I, 6 THÁNG, 9 THÁNG VÀ NĂM?

**Trần Thị Luyến**

*Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê -TCTK*

sang tháng sau, quý trước sang quý sau,... Vì thu thập thông tin sớm nên các số liệu chủ yếu là ước tính, dẫn đến kết quả có độ chính xác chưa cao và chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động của đơn vị cung cấp thông tin trong tháng, cụ thể:

- Thông tin, số liệu điều tra thống kê khối doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể của các đơn vị điều tra thống kê phải được thu thập sớm (từ ngày 01 đến ngày 12 hằng tháng), do vậy, các đơn vị điều tra thống kê phải ước tính số liệu của ít nhất 2/3 thời gian của tháng báo cáo.

- Thông tin, số liệu lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản liên quan đến báo cáo tiến độ sản xuất lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản hằng tháng phải ước sớm hơn so với kỳ sản xuất 1/2 tháng; đối với báo cáo 6 tháng, hầu hết các chỉ tiêu đều phải ước tính dựa trên kết quả điều tra của năm trước.

- Thông tin, số liệu xuất, nhập khẩu hàng hóa phải ước tính một số ngày trong tháng dẫn đến có sự chênh lệch với số liệu chính thức do Tổng cục Hải quan công bố (thời điểm công bố sau thời gian công bố số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê).

- Thông tin, số liệu ước tính thu, chi ngân sách phục vụ biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu Tổng sản phẩm



trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP), Bộ Tài chính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) vào ngày 15 tháng cuối quý, do đó vẫn phải ước tính khoảng 15 ngày cho quý...

*Hai là*, với quy định công bố vào ngày 29 hằng tháng dẫn đến xung đột, dễ gây hiểu nhầm cho người sử dụng thông tin thống kê đối với một số chỉ tiêu thống kê kinh tế tổng hợp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) công bố và do bộ, ngành có liên quan công bố vì thời điểm công bố, thời kỳ số liệu khác nhau. Ví dụ: Bộ Tài chính gửi thông tin số liệu ước tính thu, chi ngân sách cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) phục vụ biên soạn GDP vào ngày 15 tháng cuối quý, trong khi số liệu báo cáo của Bộ Tài chính tính đến ngày 28 hằng tháng.

*Ba là*, đối với thông tin, dữ liệu hành chính tổng hợp từ báo cáo

của các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh: Báo cáo của các cơ quan thường gửi muộn hơn so với thời gian yêu cầu của cơ quan thống kê. Ngoài ra, báo cáo của một số tháng phải cập nhật lại số liệu sát thời điểm công bố số liệu do ước tính của các đơn vị tại thời điểm gửi báo cáo cho cơ quan thống kê chưa sát với thực tế. Trong khi đó, thời gian kiểm tra, rà soát, tính toán, tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu tổng hợp ngắn, gấp; thời gian thu thập thông tin tại địa bàn ngắn và có nhiều cuộc điều tra cùng diễn ra nên tạo áp lực lớn đối với cơ quan thống kê.

Trước thực tế đó, việc cần có nghiên cứu, trình sửa đổi Nghị định số 94/2016/NĐ-CP quy định "thời gian phổ biến Báo cáo kinh tế-xã hội tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng và năm là ngày 29 của tháng báo cáo, riêng tháng Hai là ngày cuối tháng" là thực sự cần thiết./.

# PHÁT HUY VAI TRÒ MỞ ĐƯỜNG, DẪN ĐẦU CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ

ThS. Trần Nam Hải  
Đại học Thủy lợi

Doanh nghiệp nhà nước là lực lượng tiên phong, dẫn đầu trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của đất nước. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển cũng bộc lộ một số bất cập. Bài viết tập trung viết những thành tựu, đồng thời chỉ ra hạn chế và các giải pháp khắc phục để phát triển mạnh hơn khối doanh nghiệp nhà nước.

**Từ khóa:** DNNNN, lực lượng tiên phong, vai trò chủ đạo

## Thành công vượt sóng lớn năm 2023

Hiện doanh nghiệp nhà nước (DNNN) được xác định giữ vị trí then chốt và là lực lượng tiên phong, dẫn đầu trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Do đó, thời gian qua, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm và được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành trong thực hiện phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 2023 là năm khó khăn chung của thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong bối cảnh đó, với sự vào cuộc, nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của người dân và doanh nghiệp, Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, trở thành điểm sáng của kinh tế toàn cầu. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định,



lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được thúc đẩy, các cân đối lớn được bảo đảm. Nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài trong vòng kiểm soát. Quy mô nền kinh tế tăng lên khoảng 430 tỷ USD, GDP bình quân đầu người khoảng 4.300 USD. Uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên. Trong thành công chung đó có sự đóng góp to lớn, tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các DNNN.

Theo thống kê, hiện cả nước có 676 DNNN, trong đó có 19 tập đoàn và tổng công ty. Cộng đồng DNNN đang nắm giữ nguồn lực lớn về vốn, tài sản với tổng tài sản trị giá hơn 3,8 triệu tỷ đồng tính đến đầu năm 2023.

Tại buổi Chính phủ gặp mặt đầu xuân các doanh nghiệp nhà nước tiêu biểu trên toàn quốc diễn ra vào ngày 03/3/2024, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng cho biết,

mặc dù trải qua một năm đầy khó khăn nhưng tổng doanh thu ước thực hiện năm 2023 của DNNN vẫn vượt 4% kế hoạch năm, đạt khoảng 1,65 triệu tỷ đồng; trong đó doanh thu của riêng 19 Tập đoàn, Tổng công ty và Tập đoàn Viettel đạt hơn 1,3 triệu tỷ đồng, chiếm gần 80% tổng doanh thu của toàn bộ DNNN. Lợi nhuận trước thuế của DNNN là khoảng 125,8 nghìn tỷ đồng, vượt 8% kế hoạch năm. DNNN đồng thời đóng góp nhiều cho ngân sách nhà nước, ước thực hiện khoảng 166 nghìn tỷ đồng, vượt 8% kế hoạch năm.

Trong năm 2023 vừa qua, các DNNN đã tập trung thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo tiến độ, hiệu quả, tiết kiệm theo kế hoạch được duyệt. Riêng 19 Tập đoàn, Tổng công ty có tổng vốn đầu tư giải ngân ước đạt 161 nghìn tỷ đồng so với 208,328 nghìn tỷ đồng được giao, đạt gần 80% kế hoạch năm. Nhiều dự án trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ triển khai: Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3,4; Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành, nhà ga T3 Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; Dự án mở rộng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây...

Những năm qua, DNNN ngày càng thể hiện rõ vai trò dẫn dắt, chi phối, chủ đạo trong những ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu của nền kinh tế. Đặc biệt, các DNNN nỗ lực áp dụng công nghệ, quản trị hiện đại, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, một số doanh nghiệp lớn, tập đoàn, tổng công ty vươn lên về công nghệ mới, tiên phong đi đầu trong ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo như: Tập đoàn Viettel, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam VNPT...

**Các DNNN phải tự tin đi lên, thắng không kiêu, bại không nản, tạo động lực mới, khí thế mới, thành quả mới, thắng lợi mới, quan trọng là phát hiện kịp thời các khó khăn, vướng mắc, phản ứng chính sách kịp thời, phát triển chủ yếu dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, lấy con người là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu, là động lực, nguồn lực phát triển.**

**Thủ tướng Chính phủ  
PHẠM MINH CHÍNH**

Không những đóng góp vào sự phát triển của đất nước, các DNNN đã giải quyết công ăn việc làm cho nhiều lao động, nhất là góp phần quan trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của khu vực DNNN còn bộc lộ một số hạn chế, đó là: Một số doanh nghiệp chưa phát huy hết hiệu quả nguồn lực, vốn, tài sản Nhà nước giao; Giải ngân vốn đầu tư cả năm 2023 chưa đạt kế hoạch đề ra; Một số doanh nghiệp nhà nước hoạt động còn thua lỗ; Năng lực cạnh tranh, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số còn hạn chế; Công tác đổi mới quản trị doanh nghiệp còn chậm, chưa tiệm cận với các nguyên tắc và thông lệ quốc tế tốt; Tỷ trọng nguồn vốn đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu chưa đạt yêu cầu; Chưa có các dự án đầu tư phát triển quy mô đủ lớn

để tạo động lực bứt phá có sức lan tỏa cũng như tạo ra động lực mới cho tăng trưởng, nhất là trong các lĩnh vực mới như sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghệ cao (sản xuất chip bán dẫn, hydrogen...).

Những tồn tại, hạn chế trên trước hết xuất phát từ các nguyên nhân khách quan, đó là: Một số vướng mắc về cơ chế chính sách chưa được tháo gỡ kịp thời. Các quy định pháp luật liên quan về quản trị doanh nghiệp, quản lý vốn và tài sản, đất đai, đấu giá, đấu thầu... chưa đồng bộ, chưa phù hợp với đầu tư kinh doanh và quản trị điều hành DNNN trong nền kinh tế thị trường. Pháp luật hiện hành về DNNN nói chung chưa thật sự phân cấp, chưa trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp chủ động quyết định hoạt động đầu tư, kinh doanh...

Cùng với đó là các nguyên nhân chủ quan từ chính phía các DNNN như: Các DNNN, nhất là các tập đoàn, tổng công ty mặc dù đã rất nỗ lực triển khai các dự án đầu tư mới nhưng vẫn chưa tương xứng với nguồn lực được giao nắm giữ; hiệu quả đầu tư chưa như kỳ vọng, đầu tư ra nước ngoài gặp khó khăn. Năng lực cạnh tranh, khoa học công nghệ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Công tác đổi mới quản trị kinh doanh còn chậm, chưa thực sự hướng tới các nguyên tắc, thông lệ quốc tế. Chi phí sản xuất kinh doanh còn lớn, công nghệ, công cụ quản trị kinh doanh còn chậm đổi mới.

**Tiếp tục phát huy vai trò chủ đạo, mở đường, dẫn dắt trong nền kinh tế**

Năm 2024, dự báo kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục đối mặt

với khó khăn, thách thức lớn hơn, nhất là đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đây cũng là năm Việt Nam tăng tốc phát triển bút phá huy động tối đa, tập trung mọi nguồn lực với chủ đề điều hành được Chính phủ xác định là “Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững” quyết tâm thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, Kế hoạch 5 năm 2021-2025 và thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Nhằm phát huy hơn nữa vai trò đầu tàu của DNNN trong nền kinh tế, ngay từ đầu năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 01/NQ-CP với 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trong đó một số nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng mà các doanh nghiệp, đặc biệt khu vực doanh nghiệp nhà nước cần triển khai thực hiện như: Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống đường cao tốc, cảng hàng không, bến cảng, hạ tầng đô thị, hạ tầng liên vùng, hạ tầng số, hạ tầng xã hội, y tế, giáo dục; Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án hạ tầng quy mô lớn; Triển khai kịp thời, hiệu quả Quy hoạch điện VIII; Tiếp tục chuyển dịch, phát triển và phổ cập hạ tầng viễn thông truyền thống sang hạ tầng số; phổ cập nền tảng số quốc gia; Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các lĩnh vực mới nổi, làm mới các động lực tăng trưởng cũ và khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới...

Ghi nhận sự đóng góp quan trọng, tích cực của cộng đồng doanh nghiệp nói chung và DNNN nói riêng với sự phát triển của đất nước, tại buổi làm việc đầu năm

**“DNNN phải đóng vai trò tiên phong, dẫn dắt trong đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, các ngành mới nổi; trên cơ sở đa dạng hóa thị trường, sản phẩm, chuỗi cung ứng và liên kết với các tập đoàn, tổng công ty nước ngoài, tập đoàn tư nhân để tạo ra chuỗi giá trị, không làm ăn riêng lẻ trong bối cảnh hội nhập hiện nay”.**

**Thủ tướng Chính phủ  
PHẠM MINH CHÍNH**

với các DNNN, Thủ tướng Phạm Minh Chính tiếp tục khẳng định Chính phủ luôn đồng hành cùng các DNNN, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp tư nhân trong nước. Thủ tướng nhấn mạnh quan điểm cần phát triển DNNN nhanh, bền vững, đúng hướng, góp phần thực hiện chủ trương kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo của nền kinh tế, trong đó DNNN đóng vai trò tiên phong.

Đóng vai trò chủ đạo của nền kinh tế, là lực lượng quan trọng, nòng cốt, vị trí then chốt, thúc đẩy, dẫn dắt phát triển kinh tế thì DNNN phải phát huy vai trò tiên phong, đầu tàu, gương mẫu, xứng đáng với niềm tin của Đảng, Nhà nước. Gánh vác sứ mệnh đó, Thủ tướng yêu cầu các DNNN cần vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bền bỉ vượt khó khăn thách thức và có những bước phát triển đột phá.

Cụ thể, các DNNN cần tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 07/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/2/2024 về đổi mới quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư phát triển của các tập đoàn, tổng công ty, DNNN.

DNNN cần tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh theo hướng nâng cao chất lượng, chú trọng nghiên cứu, hợp tác triển khai một số dự án năng lượng, công nghệ mới theo xu hướng dịch chuyển trên thế giới, tập trung làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng), đồng thời đẩy mạnh các động lực mới về tăng trưởng liên quan chuyển đổi số, xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ, ứng phó biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, các DNNN cần tăng cường liên kết với các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, tạo các chuỗi liên kết, cung ứng trong nước, giảm lệ thuộc vào nước ngoài. Chú trọng xây dựng thương hiệu, đánh giá đúng và phát huy tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của từng DNNN để vươn lên. Xử lý dứt điểm các tồn tại, các dự án yếu kém trên cơ sở xem xét lợi ích tổng thể. Làm tốt việc giải ngân vốn đầu tư công; đẩy mạnh thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia, khơi thông nguồn lực DNNN ngang tầm chiến lược, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, manh mún, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, thu hút đầu tư xã hội, huy động nguồn lực của xã hội.

Các DNNN cũng cần đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ, khuyến khích



hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp, tạo động lực bứt phá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh thực hiện hiệu quả các đề án cơ cấu lại, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển hàng năm, 5 năm đã được phê duyệt, rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp tình hình thực tế.

Thủ tướng đặc biệt nhấn mạnh cần tái cấu trúc quản trị, cụ thể là tái cấu trúc bộ máy hoạt động tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tái cấu trúc lực lượng lao động theo hướng nâng cao chất lượng, giảm số lượng; tái cấu trúc về vốn, bảo đảm an toàn, phát triển vốn, tập trung cho đầu tư phát triển; tái cấu trúc về sản xuất, kinh doanh theo hướng bám sát thị trường, tôn trọng quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh; nâng cao năng lực cạnh tranh, sức chống chịu với các cú sốc kinh tế cả ở trong nước và nước ngoài; bảo đảm tăng trưởng, từ đó đóng góp cho tăng trưởng chung, ngân sách nhà nước, nâng cao đời sống của người lao động.

Ngoài sự nỗ lực của DNNN, Thủ tướng Chính phủ đồng thời yêu cầu các bộ, ngành, địa phương cùng chung tay hỗ trợ DNNN để tháo gỡ khó khăn, vượt qua thách thức, phát huy mặt mạnh, hạn chế điểm yếu, tiến cùng, theo kịp và vươn lên, tăng tốc phát triển.

Tin tưởng với sự đồng hành của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, các DNNN tiếp tục duy trì, thúc đẩy đà phát triển, đưa con tàu kinh tế Việt Nam tiến xa hơn trên hành trình mới./.

# TÍCH CỰC CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN CHO THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON

**ThS. Đoàn Thị Kim Hương**

*Đại học Xây dựng Hà Nội*

Trong thế giới toàn cầu hóa, thị trường tín chỉ carbon được coi là một trong những công cụ quan trọng hướng đến thực hiện mục tiêu trung hòa carbon trong cam kết của các nền kinh tế tham gia Công ước khung về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc. Tại Việt Nam, thị trường tín chỉ carbon là một trong những giải pháp hữu hiệu để tạo động lực cho doanh nghiệp hành động góp phần giảm thiểu phát thải, cắt giảm lượng khí thải hoặc hướng tới chuyển đổi sử dụng các công nghệ xanh, sạch, ít thải khí carbon. Hiện nay, Việt Nam đang nỗ lực chuẩn bị các điều kiện để vận hành thị trường này hiệu quả, từ việc hoàn thiện khung khổ pháp lý đến các tiêu chuẩn về kỹ thuật.

**T**ại Việt Nam, việc phát triển thị trường carbon trong nước đã được đặt ra từ năm 2011 tại Đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ carbon ra thị trường thế giới, ban hành kèm theo Quyết định số 1775/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp sau đó, phát triển thị trường carbon trong nước được coi là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên nêu tại Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương năm 2013, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris được Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2016.

Với chủ trương đó, thời gian qua, Việt Nam thực hiện trao đổi tín chỉ carbon theo các cơ chế hợp tác với quốc tế, ví dụ như Cơ chế phát triển sạch (CDM) từ năm 2005 với tổng số tín chỉ carbon (VCCs) ban hành đạt gần 30 triệu. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng phát triển các dự án theo các tiêu chuẩn quốc tế độc lập. Theo cơ sở dữ liệu của Dự án Carbon Berkeley,



tính đến nay, Việt Nam có 71 dự án đăng ký theo Tiêu chuẩn Vàng (GS) và 53 dự án đăng ký theo Tiêu chuẩn carbon được thẩm định (VCS) với số lượng tín chỉ được phát hành lần lượt là 7,6 triệu và 4,3 triệu tín chỉ. Ngoài ra, còn có một số dự án phát hành tín chỉ carbon theo cơ chế tín chỉ chung (JCM) và cơ chế của hội đồng carbon toàn cầu (GCC). Các dự án phát hành các tín chỉ carbon tại Việt Nam thời gian qua chủ yếu tập trung vào các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo (thủy điện, điện sinh khối, điện mặt trời, điện gió), hộ gia đình và cộng đồng (phân hủy sinh học, nước sạch, bếp nấu, chiếu sáng), quản lý rác thải và rừng.

Tại Hội nghị COP26 diễn ra vào năm 2021, Việt Nam đã cam kết đạt được mục tiêu đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần hình thành và phát triển thị trường carbon trong nước. Để phát triển thị trường tín chỉ carbon thì việc xây dựng khung pháp lý là một trong những nhiệm vụ tiên quyết, do đó Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản chiến lược quan trọng về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, trong đó có lộ trình phát triển công cụ định giá carbon, nhất là thị trường carbon tuân thủ.

Cụ thể, Luật Bảo vệ môi trường 2020 được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10 đã quy định về tổ chức và phát triển thị trường carbon. Năm 2021, Nghị quyết 50-NQ/CP của Chính phủ xác định "thực hiện Đề án phát triển thị trường carbon tại Việt Nam" là một trong các nhiệm vụ nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Lộ trình và thời điểm triển khai thị trường carbon trong nước

cũng đã được quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozone và phát triển thị trường carbon. Theo đó, giai đoạn đến hết năm 2027, Việt Nam hoàn thiện xây dựng quy định quản lý tín chỉ carbon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon; xây dựng quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon; triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong các lĩnh vực tiềm năng và hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ carbon kể từ năm 2025; triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường carbon. Từ năm 2028, Việt Nam sẽ chính thức đưa vào vận hành thị trường giao dịch tín chỉ carbon.

Tại Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 còn ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm 2022, danh sách đối tượng tham gia vào thị trường carbon. Theo Quyết định số 01, danh sách có 1.912 doanh nghiệp có nghĩa vụ phải báo cáo về kiểm kê khí nhà kính, tuy nhiên đến năm 2024, danh sách trên sẽ có gần 3.000 cơ sở phải thực hiện kiểm kê. Đây chính là các khách hàng sẽ tham gia thị trường tín chỉ carbon sau khi được hình thành, đảm bảo thị trường carbon hoạt động hiệu quả.

Về giao dịch, quy trình giao dịch được thực hiện theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu; Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.

Với các văn bản đã được ban hành, có thể thấy thị trường carbon đang được định hình rõ nét hơn, tăng khả năng tương thích với các cơ chế định giá tín chỉ carbon quốc tế, tạo cơ hội liên kết với thị trường tín chỉ carbon trên thế giới và khu vực, nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Hiện nay, với vai trò là cơ quan được giao chủ trì xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ carbon và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường carbon, Bộ Tài chính đang cùng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành khác có liên quan nghiên cứu xây dựng Đề án Phát triển thị trường carbon để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhằm bảo đảm thị trường tín chỉ carbon trong nước hoạt động công bằng, công khai, minh bạch, an toàn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện và thông lệ quốc tế; hài hòa lợi ích của các chủ thể trên thị trường tín chỉ carbon, tăng sức cạnh tranh của quốc gia theo hướng phát triển kinh tế phát thải ít carbon và Tăng trưởng Xanh gắn liền với phát triển bền vững.

Theo dự thảo đề án, thị trường tín chỉ carbon tại Việt Nam được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển của quốc gia, cam kết giảm nhẹ phát thải khí nhà kính với quốc tế và xu hướng phát triển thị trường tín chỉ carbon toàn cầu, góp phần

tận dụng tối đa nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước trong việc tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Hàng hóa trên thị trường tín chỉ carbon tại Việt Nam sẽ gồm 2 loại: Hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận được giao dịch trên sàn giao dịch của thị trường trong nước. Chủ thể tham gia thị trường bao gồm: Cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính; Các tổ chức thực hiện chương trình, dự án tạo tín chỉ carbon; Tổ chức và cá nhân đủ điều kiện tham gia hoạt động đầu tư, kinh doanh theo quy định của pháp luật; Tổ chức hỗ trợ giao dịch.

Sau khi Đề án Phát triển thị trường carbon được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, từ nay đến hết năm 2027, Bộ Tài chính sẽ tập trung xây dựng các hệ thống quy định, chính sách tạo nền tảng cho thị trường vận hành cũng như thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ carbon, hướng đến chính thức vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon vào năm 2028 để giải quyết bài toán hướng dẫn cụ thể việc trao đổi, mua bán tín chỉ tại thị trường trong nước, quy định quản lý hoạt động trao đổi, mua bán tín chỉ carbon ra quốc tế khi thị trường trong nước đi vào hoạt động, nhu cầu tín chỉ carbon sẽ tăng lên.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, ban hành các cơ chế quản lý toàn bộ tín chỉ carbon, tiến tới sẽ thiết lập hệ thống đăng ký quốc gia. Theo đó, toàn bộ doanh nghiệp, tổ chức có lượng tín chỉ tạo ra trên cả nước sẽ phải đăng ký trên hệ thống này.

Bên cạnh việc từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách,

gần đây các doanh nghiệp Việt Nam cũng từng bước góp mặt vào sân chơi thị trường carbon. Đơn cử vào tháng 9/2023, Tập đoàn CT Group chính thức ra mắt Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Tín chỉ Carbon ASEAN (CCTPA), trở thành doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam khởi động sàn giao dịch tín chỉ carbon, chủ động thích ứng chính sách thương mại về môi trường quốc tế, đồng thời hướng tới nền kinh tế carbon thấp và có tốc độ phát triển vượt bậc. CCTPA cũng sẽ trở thành đơn vị đầu tiên ở Việt Nam cung cấp thông tin tư vấn đầy đủ cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân ở Việt Nam về cách thức xây dựng dự án tín chỉ carbon, cách thức đăng ký, kiểm định, xác nhận cùng các cơ chế trao đổi, đền bù, vay tín dụng đối với các khoản tín dụng carbon và áp dụng thuế carbon trong khu vực và trên toàn cầu. Điều này sẽ khuyến khích các doanh nghiệp chuyển sang công nghệ sạch hơn, ít carbon và hiệu quả hơn.

Ngoài ra, hướng tới thị trường carbon, FPT IS (Công ty thành viên của Tập đoàn FPT) cùng Carbon EX - nền tảng giao dịch tín dụng carbon, chứng chỉ năng lượng tái tạo tại Nhật Bản đã ký biên bản ghi nhớ về việc hợp tác cung cấp dịch vụ và giải pháp nhằm thúc đẩy dự án tín chỉ carbon theo các tiêu chuẩn toàn cầu như Verra Carbon Standard, Gold Standard, J-Credit. Sự hợp lực của hai bên là mô hình đột phá để đồng hành cùng Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện mục tiêu Net Zero năm 2050 và xây dựng thị trường carbon sôi động.

Thời gian không còn nhiều khi trường carbon tại Việt Nam sẽ vận hành thí điểm vào năm 2025 và chính thức vào năm 2028.

Nhấn mạnh vai trò dẫn dắt, kiến tạo của Nhà nước, Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà cho rằng, thời gian tới cần có đánh giá tác động của các công cụ kinh tế, tài chính, thuế, bảo đảm sự hài hòa trong nước với quốc tế, tính minh bạch trong trách nhiệm, quyền lợi của các chủ thể tham gia thị trường trao đổi hạn ngạch phát thải, tín chỉ carbon.

Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường nâng cao năng lực xác định/phân bổ hạn ngạch phát thải cho các ngành, lĩnh vực theo kế hoạch cụ thể, rõ ràng; thực thi các quy định, tiêu chuẩn về cơ chế thống kê, đo đếm, chứng nhận hạn ngạch phát thải, tín chỉ carbon theo tiêu chuẩn quốc tế, nhất là trong lĩnh vực vận tải, điện tử, nông nghiệp...

Bộ Tài chính cần huy động sự tham gia của đại diện các bộ, ngành liên quan, đội ngũ chuyên gia về cắt giảm phát thải khí nhà kính, kinh tế, tài chính, luật pháp quốc tế về biến đổi khí hậu; nghiên cứu đầy đủ, toàn diện, kỹ lưỡng việc hình thành các chính sách liên quan đến thị trường tín chỉ carbon ở các quốc gia khác; từ đó đề xuất cách tiếp cận, quan điểm, mục đích, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện Đề án phát triển thị trường carbon đang được xây dựng.

Việt Nam là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề và tiêu cực bởi biến đổi khí hậu toàn cầu. Hy vọng Việt Nam chuẩn bị thật tốt để vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ carbon năm 2028, không chỉ giúp đẩy nhanh tiến độ thực hiện cam kết giảm phát thải ròng khí nhà kính Net Zero vào năm 2050 mà còn là chìa khóa để Việt Nam thành công chuyển đổi xanh, không ngừng gia tăng vị thế trong các chuỗi giá trị xanh toàn cầu./



# PHÁT HUY TIỀM NĂNG CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VEN BIỂN TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẤT NƯỚC

**TS. Lê Thị Quỳnh Nhung**  
*Học viện Ngân hàng*

Với đường bờ biển trên 3.260 km kéo dài từ Bắc tới Nam, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh mẽ những ngành kinh tế liên quan đến biển và tài nguyên biển. Do đó, các địa phương ven biển không chỉ có tiềm năng phát triển tại chỗ mà còn giữ vai trò quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế đất nước và bảo vệ an ninh, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

**Từ khóa:** Kinh tế biển, địa phương ven biển

## Tiềm năng, thế mạnh phát triển kinh tế - xã hội các địa phương ven biển

Đường bờ biển Việt Nam kéo dài qua 28 tỉnh, thành phố, từ thành phố Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh) đến thành phố Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang), với chiều dài đứng thứ 27/157 quốc gia ven biển, đảo quốc trên thế giới, đem lại lợi thế lớn trong phát triển kinh tế biển và hội nhập kinh tế quốc tế. So với các vùng khác trong nội địa, vùng ven biển Việt Nam có nhiều lợi thế với nguồn tài nguyên biển

phong phú và đa dạng, trong đó có một số loại có giá trị kinh tế cao được tập trung phát triển.

Đáng chú ý, Việt Nam là một trong những quốc gia được thiên nhiên ưu đãi về nguồn tài nguyên dầu khí - nguồn tài nguyên quý giá đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới để cung cấp năng lượng quan trọng trong phục vụ cho các hoạt động của nền kinh tế. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), trữ lượng dầu mỏ của Việt Nam đứng thứ 23 trong tổng số các quốc gia sở hữu mỏ dầu.

Trong nhiều năm, Việt Nam đã không ngừng nỗ lực nghiên cứu các công nghệ mới để khai thác hiệu quả và tìm kiếm nguồn tài nguyên này.

Vùng biển Việt Nam có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng với 2.458 loài cá, gồm nhiều bộ, họ khác nhau, trong đó có khoảng 110 loài có giá trị kinh tế cao. Trữ lượng cá biển thuộc hải phận Việt Nam đạt khoảng 5 triệu tấn/năm, có thể đánh bắt hàng ngày khoảng 2-3 triệu tấn/năm. Có hàng ngàn loài động vật

thân mềm, trong đó có nhiều loài là thực phẩm được ưa thích, nhiều loài có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao, được ưa thích trong và ngoài nước như: Tôm, cua, mực, hải sâm... Ngoài động vật, vùng biển Việt Nam còn có khoảng 638 loài rong biển, là nguồn thực phẩm giàu dinh dưỡng và là nguồn dược liệu phong phú, cho năng suất thu hoạch cao và tiềm năng trở thành nguồn thực phẩm quan trọng trong tương lai. Dọc ven biển có trên 37 nghìn ha mặt nước các loại có khả năng nuôi trồng thủy sản nước mặn - lợ, nhất là nuôi các loại có giá trị xuất khẩu như: Tôm, cua, rong biển... Nguồn lợi hải sản phong phú cũng là tiền đề quan trọng, góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu thủy sản có thương hiệu trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh nguồn lợi từ sinh vật biển, đường bờ biển Việt Nam có khoảng 125 bãi biển đẹp với khoảng 20 bãi cát đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nhiều địa điểm được bình chọn trong danh sách những bãi biển đẹp và có vịnh đẹp nhất thế giới như: Bãi biển Mỹ Khê (Đà Nẵng), biển Thiên Cầm (Thừa Thiên - Huế), vịnh Hạ Long, vịnh Lan Hạ... Nhờ đó, thu hút lượng lớn du khách trong và ngoài nước, nhất là khách quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi phát triển du lịch biển, đảo với nhiều loại hình du lịch khác nhau, góp phần phát triển kinh tế biển, đồng thời đem lại cơ hội phát triển kinh tế, cơ hội việc làm, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống cho người dân ở nhiều địa phương ven biển trên cả nước.

Nguồn lực con người là một trong những tiềm năng, lợi thế quan trọng của các địa phương ven biển. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2022, dân số

trung bình của Việt Nam đạt 99,5 triệu người, trong đó, dân số của các địa phương ven biển đạt 48,6 triệu người, chiếm 48,9% tổng số dân cả nước; tỷ lệ tăng dân số đạt 0,79%. Với tiềm năng phát triển kinh tế biển, điều kiện sống thuận lợi, cơ hội việc làm, các địa phương ven biển thu hút lượng lớn lao động, vì vậy mật độ dân số tại đây đạt 354 người/km<sup>2</sup>, cao hơn nhiều so với mật độ trung bình 262 người/km<sup>2</sup> các địa phương khác. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 25,2 triệu người, chiếm 48,7% tổng số lao động trong độ tuổi của cả nước. Một số địa phương có tỷ lệ lao động qua đào tạo cao hơn mức chung 26,4% của cả nước như: Đà Nẵng 48,5%; Quảng Ninh 41,8%; Hải Phòng 36,5%; Thành phố Hồ Chí Minh 35,6%.

Nhờ phát huy tiềm năng lợi thế, hầu hết các địa phương ven biển đa phần là các đô thị lớn có kết cấu hạ tầng khá tốt, nguồn lao động dồi dào, hệ thống hạ tầng giao thông thuận tiện và nhất là có các vùng kinh tế trọng điểm đang được đầu tư phát triển mạnh. Nhiều địa phương có tỷ lệ đô thị hóa cao, phát triển nhanh và trở thành động lực tăng trưởng kinh tế - xã hội của vùng và cả nước. Năm 2023, các tỉnh, thành phố ven biển có tỷ lệ đô thị hóa khá cao so với tốc độ đô thị hóa của cả nước. Một số tỉnh, thành phố ven biển đạt tốc độ đô thị hóa trên 50% phải kể đến: Đà Nẵng 87,45%; thành phố Hồ Chí Minh 77,77%; Cần Thơ 70,50%; Quảng Ninh 67,50%; Bà Rịa - Vũng Tàu 66,96%; Thừa Thiên - Huế 52,81%. Các đô thị ven biển phát triển theo hướng phát huy vai trò động lực kinh tế của từng đô thị như: Du lịch, khai thác dầu khí, hàng hải, đánh bắt xa bờ, nuôi trồng thủy sản. Các địa phương có tỷ lệ

đô thị hóa cao đã thu hút được sự quan tâm của Chính phủ với nhiều văn bản, chính sách quan trọng định hướng phát triển. Một số địa phương ven biển có chính sách đặc thù để phát triển thể mạnh, được khẳng định trong Nghị quyết của Trung ương về phát triển kinh tế biển như: Hải Phòng thể mạnh về cảng biển, Thừa Thiên - Huế thể mạnh phát triển du lịch biển, Thanh Hóa và Nghệ An thể mạnh về công nghiệp ven biển...

### **Đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế - xã hội đất nước**

Các địa phương ven biển Việt Nam đã tự khẳng định vị trí, vai trò, chức năng trong quá trình hình thành và phát triển. Cùng với xu hướng phát triển của toàn nền kinh tế, tăng trưởng của vùng ven biển Việt Nam cũng có xu hướng ngày càng tăng. Theo Tổng cục Thống kê, bình quân giai đoạn 2011-2015, tổng sản phẩm (GRDP) của các địa phương ven biển tăng 6,75%/năm, cao hơn tốc độ tăng GDP của cả nước 0,58 điểm phần trăm. Giai đoạn 2016-2020, do ảnh hưởng của tình trạng xâm ngập mặn nghiêm trọng tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long và dịch Covid-19, tốc độ tăng GRDP của khu vực này chỉ đạt 5,95%, thấp hơn 0,30 điểm phần trăm so với tốc độ tăng GDP cả nước. Năm 2021, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng nhờ được kiểm soát tốt trong năm 2022, cùng với chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ được triển khai quyết liệt, GRDP của các địa phương ven biển tăng lần lượt 0,99% và 9,18% đã cho thấy sức phục hồi tốt của các địa phương này. Nhờ đó, bình quân giai đoạn 2011-2022, GRDP của các địa phương ven biển tăng 6,12%, cao hơn tốc độ tăng bình quân 6,06% của cả nước.

Năm 2023, 7/10 tỉnh, thành phố có mức tăng trưởng cao nhất cả nước là các tỉnh, thành phố có đường bờ biển. Trong đó phải kể đến các địa phương đạt mức tăng trưởng 2 con số như: Hậu Giang tăng trưởng đạt 12,27%, đứng thứ 2 cả nước; Quảng Ninh 10,35% đứng thứ 3; Hải Phòng và Nam Định lần lượt đạt 10,34% và 10,19% đứng thứ 5 và 6. Ninh Thuận và Phú Yên lần lượt đạt 9,40% và 9,16% đứng thứ 9 và 10 trong số 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ đã khẳng định vai trò quan trọng của các địa phương ven biển đối với kinh tế cả nước, đóng góp tỷ lệ lớn trong GDP và là động lực chủ yếu góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bình quân mỗi năm của giai đoạn 2011-2015, tăng trưởng của các địa phương ven biển đóng góp 50,33% vào tăng trưởng cả nước; giai đoạn 2016-2020 đóng góp 47,11%. Tính trung bình giai đoạn 2011-2022, các địa phương ven biển đóng góp 47,60% vào GDP đất nước mỗi năm.

Nhờ sức phát triển mạnh mẽ, môi trường đầu tư ngày càng được cải thiện, các địa phương ven biển đã trở thành điểm đến tin cậy của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, thu hút vốn đầu tư với quy mô ngày càng lớn, tập trung vào các dự án hạ tầng quan trọng và thiết yếu. Giai đoạn 2011-2022, tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tại đây đạt 14.158.9 nghìn tỷ đồng, bằng 51,2% tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cùng với sự tăng lên về quy mô, tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện cũng ở mức khá cao, phản ánh nhu cầu đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương này.

Theo đó, tốc độ tăng vốn đầu tư bình quân giai đoạn 2011-2022 đạt 9,8%/năm, cơ cấu vốn đầu tư chuyển dịch theo xu hướng chung của cả nước.

Các địa phương ven biển cũng nhận được sự quan tâm, thu hút của các nhà đầu tư nước ngoài. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký đạt hơn 5,85 tỷ USD, chiếm gần 16% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 48,5% so với trước năm 2022. Hải Phòng xếp thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 3,26 tỷ USD, chiếm 8,9% tổng vốn đầu tư cả nước, tăng 66,2% so với năm trước; tiếp theo lần lượt là Quảng Ninh đạt 3,11 tỷ USD, chiếm 8,5% và tăng 31,3%.

Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GRDP của các địa phương ven biển giảm nhanh chóng, trong khi tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng đạt khá cao trong cơ cấu kinh tế, khu vực dịch vụ cũng có sự gia tăng đáng kể nhờ chính sách đầu tư phát triển, mở rộng khu công nghiệp,

khu kinh tế tại đây. Các địa phương tập trung vào khai thác và phát triển các lợi thế vốn có như nguồn lợi thủy, hải sản. Vùng biển Việt Nam trở thành cầu nối nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới với hệ thống đường biển, đường sắt được củng cố, tạo điều kiện để phát triển ngành hàng hải, công nghiệp tàu thủy và logistics. Du lịch biển và hải đảo không chỉ phát huy vai trò của “ngành kinh tế không khói” mũi nhọn mà còn có tác động lan tỏa với tăng trưởng của một số ngành khác như lưu trú, vận tải, sản xuất, thương mại bán lẻ...

Trước tiềm năng và thực trạng đóng góp của các địa phương ven biển trong bức tranh tổng thể kinh tế Việt Nam, cần tiếp tục phát huy tiềm năng lợi thế, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội các địa phương ven biển một cách bền vững. Qua đó mới tận dụng được lợi thế vùng vàng biển bạc, tạo động lực vững chắc góp phần đưa đất nước phát triển bền vững, hội nhập và đạt được các mục tiêu phát triển dài hạn trong tương lai./



# XUẤT KHẨU CÀ PHÊ NĂM 2024: RỘNG CỬA CHINH PHỤC ĐỈNH CAO MỚI

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh - ThS. Đặng Thị Hương  
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

## Kim ngạch xuất khẩu liên tiếp đạt mức cao

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam năm 2023 đạt 4,18 tỷ USD, tăng 3,1% so với năm 2022 và là mức cao nhất từ trước đến nay. Đây cũng là năm thứ hai liên tiếp giá trị xuất khẩu cà phê của nước ta vượt 4 tỷ USD. Kết quả này là nhờ giá Robusta trên thế giới và giá cà phê nội địa ở mức cao.



Theo Sở Giao dịch hàng hóa Việt Nam (MXV), tính đến ngày 31/12/2023, giá Robusta trên Sở Giao dịch Liên lục địa châu Âu (ICE-EU) ở mức 3.046 USD/tấn, tăng 63% so với cuối năm 2022. Đặc biệt, giá Robusta trong năm qua chạm mức cao nhất trong 28 năm vào ngày 21/12/2023 với 3.179 USD/tấn. Cùng với đó, giá cà phê nhân xô năm 2023 tại Việt Nam đã chạm mức đỉnh lịch sử vào ngày 29/12, đạt 69.900 đồng/kg.

MXV cho biết, năm 2023, ngành cà phê Việt Nam đã tận dụng tốt lợi thế góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu cà phê tiếp tục đạt kỷ lục năm thứ hai. Đây là tín hiệu đáng mừng trong quá trình nâng cao giá trị xuất khẩu của ngành.

Bước sang những ngày đầu năm 2024, giá cà phê liên tục tăng cao, tiếp tục là lợi thế với các nước xuất khẩu như Việt Nam. Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, trong quý I/2024, cà phê là mặt hàng nông sản xuất khẩu tăng mạnh nhất. Trong 3 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 799 nghìn tấn cà phê, thu về 1,9 tỷ USD, tăng 44,45% về lượng và 54,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Đây là giá trị xuất khẩu kỷ lục trong 3 tháng đầu năm của ngành cà phê. Kim ngạch xuất khẩu cà phê lập kỷ lục lịch sử khi gần cán mốc 2 tỷ USD chỉ sau 3 tháng.

Cà phê Robusta được xuất khẩu nhiều nhất với 515.164 tấn, kim ngạch trên 1,57 tỷ USD; còn cà phê nhân Arabica chỉ xuất khẩu 16,474 tấn,



Xuất khẩu cà phê Việt Nam đã xác lập kỷ lục mới với kim ngạch đạt 4,18 tỷ USD trong năm 2023. Những tháng đầu năm 2024, giá cà phê Robusta lại tiếp tục ghi thêm nhiều đỉnh mới. Theo các chuyên gia, đây là những lợi thế giúp ngành cà phê có cơ sở vững chắc cho mục tiêu xuất khẩu đạt 5 tỷ USD năm 2024.

kim ngạch trên 69,27 triệu USD. Đối với cà phê rang xay và hòa tan, xuất khẩu khoảng 35.853 tấn, đạt kim ngạch trên 246,41 triệu USD.

Bên cạnh đó, 3 tháng đầu năm 2024 được coi là thời kỳ "hoàng kim" đối với giá cà phê Robusta khi liên tục thiết lập các mức đỉnh chưa từng có trong lịch sử. Nguồn cung ở mức thấp tại các nước xuất khẩu chính, kết hợp cùng nhu cầu tăng mạnh tại các thị trường

nhập khẩu hàng đầu tạo thành hỗ trợ kép cho đà tăng của giá cà phê những tháng đầu năm. Giá cà phê xuất khẩu bình quân trong tháng 3/2024 tiếp tục tăng và đạt mức cao nhất trong 6 tháng qua, đạt 3.555 USD/tấn, tăng 8% so với tháng trước và tăng 55,0% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung quý I/2024, giá cà phê xuất khẩu đạt 3.289 USD/tấn, tăng 48% so với cùng kỳ năm 2023.

Hiệp hội Cà phê, ca cao Việt Nam (Vicofa) cho biết, các nhà nhập khẩu trên thế giới đang tìm đến thị trường Việt Nam để mua cà phê. Các doanh nghiệp trong nước liên tục tiếp các đoàn khách từ nhiều nơi trên thế giới đến tìm hiểu và mua cà phê Việt Nam, bởi cà phê Việt Nam đang trở thành lựa chọn hàng đầu ở phân khúc Robusta. Đến nay, Việt Nam đang đẩy mạnh xuất khẩu cà phê Robusta sang nhiều thị trường, như: Ý, Tây Ban Nha, Nga, Indonesia, Bỉ, Trung Quốc, Philippines... Trong 3 tháng đầu năm nay, châu Âu là thị trường nhập khẩu cà phê nhân của Việt Nam nhiều nhất với 278.718 tấn (chiếm 51,3%) và thị trường Đức dẫn đầu với khối lượng 69.924 tấn, Italy thứ 2 với 63.952 tấn, Tây Ban Nha thứ 3 với 43.287 tấn...

### **Hướng tới mục tiêu xuất khẩu 5 tỷ USD năm 2024**

Cà phê Việt Nam ngày càng khẳng định vị trí trên thị trường thế giới khi giá trị xuất khẩu tăng đều đặn qua các năm, từ 2,7 tỷ USD vào năm 2020 lên gần 4,2 tỷ USD năm 2023. Giới chuyên gia dự báo, với tình hình giá thị trường như hiện nay, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam năm 2024 có thể đạt mốc 5 tỷ USD. Hiện cà phê Việt Nam đã có mặt ở hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ và đang là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 thế giới.

Dự báo năm 2024, ngành cà phê Việt Nam sẽ tiếp tục được hưởng lợi nhờ giá cà phê Robusta sẽ duy trì ở mức cao, thậm chí có thể lập đỉnh do lo ngại thiếu hụt nguồn cung. Xu hướng giá tăng cũng được thể hiện trên sàn giao dịch London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 1/2024, tháng 3/2024, tháng 5/2024 và tháng 7/2024 tăng lần lượt 21,9%, 15%, 13,6% và 12,8% (so với ngày 30/11/2023), lên mức 3.075 USD/tấn, 2.837 USD/tấn, 2.766 USD /tấn và 2.704 USD/tấn.

Tiềm năng từ hạt cà phê Việt Nam hiện rất lớn, các doanh nghiệp lớn trong ngành hàng cà phê ở các nước cũng đều đã có mặt tại Việt Nam. Theo các chuyên gia, vai trò của cà phê Việt Nam là không thể thay thế nhưng cần có giải pháp, chiến lược để phát triển bền vững cũng như đạt kim ngạch xuất khẩu cà phê 5 tỷ USD trong năm 2024.

Các chuyên gia cho biết, trong những năm qua, chất lượng cà phê Việt Nam dù đã được nâng lên, nhưng vẫn thấp hơn so với

nhiều quốc gia trên thế giới. Bên cạnh đó, tỷ lệ xuất khẩu cà phê nguyên liệu vẫn còn cao, sản phẩm chế biến tuy tăng nhưng mới chiếm gần 13%. Hơn nữa, tiêu thụ ở thị trường nội địa vẫn ở mức thấp, chưa xứng tầm quốc gia sản xuất cà phê lớn thứ 2 thế giới với dân số gần 100 triệu người. Do đó, cần thúc đẩy các khâu từ sản xuất, chế biến, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường mới có thể cải thiện được giá trị cũng như bảo đảm phát triển bền vững ngành hàng cà phê Việt Nam.

Bên cạnh đó, cần đầu tư xây dựng thương hiệu, tạo nên chất lượng độc đáo, phân loại cà phê thành các hạng tốt, thượng hạng, tiêu chuẩn... để xuất khẩu cà phê có giá trị gia tăng.

Về phía cơ quan quản lý nhà nước, Bộ NN&PTNT khuyến cáo, ngành cà phê cần được quan tâm đồng bộ với giải pháp tổng thể, trong đó, đẩy mạnh sản lượng và chất lượng vùng cà phê nguyên liệu, đồng thời, gia tăng tỷ lệ chế biến sâu. Đặc biệt, các địa phương cần quy hoạch vùng cà phê trọng điểm; đẩy mạnh tái canh, áp dụng quy trình sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận VietGAP, 4C, Rainforest, hữu cơ... mới có thể đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu gắt gao của các thị trường hiện nay./.







# SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Minh Thư

Ngành nông nghiệp Việt Nam đang phát triển theo hướng sản xuất xanh, an toàn, tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi. Sản xuất nông nghiệp áp dụng các biện pháp trồng trọt, chăn nuôi thân thiện môi trường, tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao. Theo Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Việt Nam đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2050 trở thành một trong những nước có nền nông nghiệp hàng đầu thế giới với ngành công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường.

## Sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường

Sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường (BVMT) đã được quy định rõ tại Điều 61 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Theo đó, tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón trong sản xuất nông nghiệp phải thực hiện quy định của pháp luật về BVMT và quy định khác của pháp luật có liên quan. Cụ thể, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y có độc tính cao, bền vững, lan truyền, tích tụ trong môi trường, tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người phải được đăng ký, kiểm kê, kiểm soát, quản lý thông tin, đánh giá, quản lý rủi ro và xử lý theo quy định của pháp luật.

Phân bón, sản phẩm xử lý môi trường chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn

thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã hết hạn sử dụng phải được quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan. Bao bì đựng phân bón, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sau khi sử dụng, bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải. Bùn nạo vét từ kênh, mương, công trình thủy lợi phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế và quản lý theo quy định của pháp luật. Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

Phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, sản xuất

phân bón, sản xuất năng lượng hoặc phải được xử lý theo quy định; không đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng gây ô nhiễm môi trường.

Việc sử dụng chất thải từ hoạt động chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây hoặc mục đích khác phải thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Nhà nước có chính sách khuyến khích đổi mới mô hình, phương pháp sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm nước, hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và sản phẩm xử lý môi trường trong nông nghiệp; phát triển mô hình nông nghiệp thân thiện môi trường.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn

đến năm 2050, những năm gần đây, sản xuất nông nghiệp hướng tới các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường như: Mô hình nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp theo tiêu chuẩn canh tác tốt... Đây là những mô hình người dân ưu tiên sử dụng tài nguyên sẵn có trong tự nhiên vào sản xuất. Các loại hóa chất như: Phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc kháng sinh, chất phụ gia, chất bảo quản... không được sử dụng kể cả những giống cây trồng, vật nuôi biến đổi gen.

Việc ưu tiên sử dụng tài nguyên sẵn có trong tự nhiên vào các mô hình sản xuất nông nghiệp, ngành nông nghiệp đang tạo ra những sản phẩm nông sản bổ dưỡng, tốt cho sức khỏe con người, ít tác động tới môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững và tăng khả năng phục hồi hệ thống sản xuất trước biến đổi khí hậu.

Nhận thấy được giá trị trong ưu tiên áp dụng mô hình nông nghiệp xanh, sạch vào gia tăng giá trị sản xuất và BVMT, hiện ngày càng xuất hiện nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp phát thải thấp đến môi trường. Nhiều doanh nghiệp nông nghiệp và nông hộ đã ứng dụng công nghệ sinh học vào xử lý môi trường bằng việc lên men thức ăn, ủ phân hữu cơ... để thay thế những sản phẩm không đảm bảo môi trường và sức khỏe của người dùng. Nhiều hộ nông dân đang dần chuyển sang phương pháp chăn nuôi, canh tác mới, thân thiện với môi trường với việc triển khai áp dụng những mô hình điểm nông nghiệp xanh, sạch như: Lúa - rươi - cáy, trồng cây quế, hồi hữu cơ, chế biến trà hoa vàng hữu cơ, áp dụng chương trình quản lý dịch hại trên đồng ruộng.

Việt Nam đã hình thành được các trang trại xanh, có phương án sản xuất khoa học. Phát triển sản xuất gắn liền với tạo lập môi trường sinh thái bền vững như: Phát triển mô hình canh tác lúa bền vững 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, 1 phải 6 giảm, SRI, ICM...

Cùng với việc chuyển đổi sang mô hình sản xuất nông nghiệp thân thiện với môi trường gia tăng giá trị sản phẩm, người dân cũng được khuyến khích tận dụng phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, làm phân bón cải tạo đất.

Áp dụng các mô hình nông nghiệp phát thải thấp góp phần BVMT và phát triển nông nghiệp bền vững sẽ là xu hướng phát triển chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp thời gian tới. Đây cũng được xem là một trong những giải pháp hiệu quả và phù hợp của ngành nông nghiệp trong việc tham gia góp phần thực hiện tốt Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam. Mô hình nông nghiệp xanh, BVMT còn là nền tảng để đồng đạo người dân phát triển kinh tế theo hướng bền vững và gia tăng giá trị.

Đối với giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp, ngành nông nghiệp thời gian qua đã triển khai kế hoạch giảm thiểu, thu gom, phân loại và tái sử dụng chất thải nhựa. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành điều tra, đánh giá tác động của chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông nghiệp đến môi trường và đề xuất giải pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường, đặc biệt là là chất thải nhựa trong nông nghiệp; xây dựng bộ dữ liệu chất thải nhựa trong sản xuất nông nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm quản lý thu gom phân loại chất thải nhựa trong sản xuất

nông nghiệp; tiếp tục tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức từ đó làm thay đổi hành vi của các cơ quan quản lý, các tổ chức, cá nhân và người dân về chất thải nhựa.

Nhận thức của người nông dân trong sản xuất nông nghiệp gắn với BVMT cũng đã có nhiều chuyển biến rõ thể hiện qua thay đổi tập quán canh tác của người nông dân trong sản xuất và việc sử dụng tài nguyên sẵn có trong tự nhiên vào sản xuất nông nghiệp thay thế sử dụng các sản phẩm không đảm bảo môi trường và sức khỏe của người dùng. Bên cạnh đó, nhiều địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã cũng có nhiều hoạt động giúp người nông dân nâng cao nhận thức hơn trong sản xuất nông nghiệp BVMT như giảm lượng giống gieo sạ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo "4 đúng", giảm lượng phân bón vô cơ, đi đôi với nhiều tiến bộ kỹ thuật như "3 giảm 3 tăng", kỹ thuật tưới nông - lộ - phơi hay đưa vào sản xuất các giống lúa chịu mặn cho vùng ven biển; ứng dụng quy trình sản xuất "1 phải 5 giảm" nhằm tiết kiệm vật tư đầu vào, giảm phát thải khí nhà kính và tăng thu nhập cho nông dân.

Thực hiện tốt vai trò trụ đỡ của nền kinh tế, những năm qua, ngành nông nghiệp tiếp tục phát triển trên cơ sở phát huy các lợi thế, chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023 Tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 5,05% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu một số nông sản tăng cao,

chăn nuôi phát triển ổn định, thủy sản phát triển khá, tập trung chuyển đổi theo hướng bền vững, khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi, áp dụng rộng rãi nuôi trồng ứng dụng công nghệ cao. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp năm 2023 tăng 3,88% so với năm trước, đóng góp 0,34 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

### **Phát triển nông nghiệp bền vững trên cả “trụ cột” kinh tế, môi trường**

Phát triển nông nghiệp xanh chính là bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, thân thiện với môi trường. Nông nghiệp xanh hướng đến nâng cao tính cạnh tranh của nông sản, phát triển công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế thải, ổn định kinh tế và giúp cho người nông dân có chất lượng cuộc sống tốt hơn, bảo vệ các nguồn tài nguyên và hệ sinh thái nông nghiệp... đảm bảo nông nghiệp bền vững trên cả trụ cột kinh tế-xã hội và môi trường.

Ngày 28/1/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Một trong những quan điểm phát triển của Chiến lược là phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường. Phát huy lợi thế, hiệu quả các nguồn lực (tài nguyên đất, nước, không khí) và khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, sản xuất sản phẩm có giá trị cao, đa dạng theo chuỗi giá trị phù hợp với yêu cầu của thị trường. Sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm, hiện đại, hiệu quả và bền vững;

phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải carbon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Một trong những mục tiêu chung là xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đồng thời phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực và trên thế giới, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng GDP nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 2,5 - 3%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 5,5 - 6%/năm. Mở rộng và phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 5 - 6%/năm. Tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%. Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn, phấn đấu giảm phát thải khí nhà kính 10% so với năm 2020. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 42%, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 1 triệu ha.

Tầm nhìn đến năm 2050, phấn đấu Việt Nam trở thành một trong những nước có nền nông nghiệp hàng đầu thế giới với ngành công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường.

Về định hướng nhiệm vụ phát triển nông nghiệp bền vững, Chiến lược cũng đưa ra 8 nhiệm vụ, một trong đó có các nhiệm vụ trong sản xuất nông nghiệp hướng tới BVMT như: Tập trung xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh đảm bảo tiêu chuẩn bền vững, đáp ứng theo từng nhóm thị trường. Hình thành một số khu, cụm công nghiệp và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp (kho tàng, bến bãi, nhà máy chế biến, trạm trại giống...) gắn vùng sản xuất với chế biến, thương mại. Xây dựng các khu nông nghiệp công nghiệp cao.

Phát triển công nghiệp sản xuất vật tư, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất, chế biến, tiêu thụ, bảo đảm cung ứng kịp thời, chất lượng và hạ giá thành sản xuất nông nghiệp. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí và nâng cao giá trị nông sản. Đầu tư nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và các dịch vụ logistics cho các vùng chuyên canh chính, tập trung cho các sản phẩm nông sản chiến lược quốc gia. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp đủ nguyên liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho cơ sở chế biến. Thu hút doanh nghiệp “đầu tàu” có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường, dẫn dắt chuỗi giá trị hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ tại các địa phương, vùng có sản lượng nông sản lớn.

Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến. Theo đó, chuyển mạnh từ xây dựng các “chuỗi cung ứng nông sản” sang phát triển các “chuỗi giá trị ngành hàng”.

*(Xem tiếp trang 39)*



# Triển vọng thị trường lao động năm 2024

Thu Hường

**Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, thị trường lao động việc làm năm 2024 đang có những tín hiệu khởi sắc khi nhiều doanh nghiệp đã có đơn hàng mới nên việc kinh doanh được mở rộng; các dự án trọng điểm cũng bắt đầu đi vào hoạt động, nhu cầu tuyển dụng đang tăng dần trở lại.**

## Tiếp nối những khởi sắc tích cực

Theo báo cáo tổng kết công tác năm 2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thị trường lao động tiếp tục được phục hồi, lực lượng lao động, số người lao động có việc làm và thu nhập đều tăng so với năm 2022. Tình trạng hàng trăm nghìn lao động bị buộc nghỉ giãn việc, thôi việc, mất việc ở các doanh nghiệp diễn ra từ quý IV/2022 đã giảm trong các tháng cuối năm 2023.

Bên cạnh đó, kết nối cung - cầu lao động được tăng cường và lần đầu tiên triển khai thí điểm sàn giao dịch làm việc trực tuyến toàn quốc, qua đó hỗ trợ kịp thời cho người lao động tìm kiếm việc làm. Hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài phục hồi

tích cực, cao hơn thời điểm trước đại dịch COVID-19, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, thị trường lao động năm 2023 đã được nâng tầm vị thế và được Chính phủ đặt ngang hàng so với các thị trường trọng yếu của nền kinh tế như thị trường vốn, thị trường chứng khoán hay thị trường bất động sản.

Bước sang năm 2024, thị trường lao động tiếp tục đà phục hồi và khởi sắc, thể hiện tại các thị trường lao động lớn trong cả nước.

Tại Hà Nội, Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội cho biết, nhiều tín hiệu tích cực cho thấy thị trường lao động tiếp tục duy trì đà phục hồi, khi số người có việc làm tăng và tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng giảm so với đầu năm, nhu cầu

tuyển dụng của đa số ngành sẽ có xu hướng tăng trưởng. Dự kiến, xu hướng tuyển dụng sẽ rất đa dạng, phân bố trên nhiều ngành nghề, trong đó những ngành nghề liên quan đến thương mại - dịch vụ sẽ có xu hướng tuyển dụng lớn hơn (tăng khoảng 20% so với giai đoạn trước); tiếp đến là các ngành liên quan đến sản xuất, công nghiệp chế biến chế tạo, điện tử, dệt may, da giày, xây dựng... (tăng khoảng 10 - 15%). Ngoài ra, nhóm ngành về khoa học, công nghệ thông tin tiếp tục có nhu cầu tuyển dụng lớn do ảnh hưởng của xu hướng phát triển công nghệ thông tin trên toàn cầu. Ngành kinh doanh bất động sản cũng có nhu cầu tuyển dụng lớn trở lại sau khi bị đóng băng trong nửa đầu năm 2023.

Mới đây, đầu năm 2024, Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội phối hợp Trung tâm Dịch vụ việc làm các tỉnh, thành phố: Ninh Bình, Bắc Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Thái Bình, Quảng Ninh, Hải Phòng tổ chức “Phiên Giao dịch việc làm trực tuyến kết nối chín tỉnh, thành phố”. Tổng hợp của Ban Tổ chức cho thấy, trong số hơn 44.000 chỉ tiêu tuyển dụng của các doanh nghiệp đăng ký tại phiên giao dịch việc làm này, nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị thuộc tỉnh Bắc Giang lớn nhất, lên tới 17.494 chỉ tiêu. Cũng có nhu cầu tuyển dụng lao động lớn là các doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh với 11.080 chỉ tiêu. Một số tỉnh, thành phố có chỉ tiêu tuyển dụng lên đến con số hàng nghìn, gồm Quảng Ninh 5.365 chỉ tiêu, Thái Bình 3.708 chỉ tiêu, Ninh Bình 3.174 chỉ tiêu... Đáng chú ý, mức thu nhập từ 15 triệu đồng/tháng trở lên có 154 chỉ tiêu; mức thu nhập từ 10 đến 15 triệu đồng/tháng có 283 chỉ tiêu; mức thu nhập từ 7 đến 10 triệu đồng/tháng có 345 chỉ tiêu; mức thu nhập từ 5 đến 7 triệu đồng/tháng có 167 chỉ tiêu; mức thu nhập thỏa thuận có 28 chỉ tiêu.

Còn tại TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động (Falmi) đã có dự báo ban đầu về nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực quý I/2024. Theo đó, riêng quý I/2024, nhu cầu nhân lực của thành phố là khoảng 77.500 - 86.000 chỗ làm việc. Trong đó, khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 72,63%; công nghiệp - xây dựng chiếm 27,23%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 0,14%...

Báo cáo về tình hình lao động việc làm của Tổng cục Thống kê cũng cho thấy nhiều điểm tích cực về thị trường lao động việc làm trong quý I/2024. Lực lượng

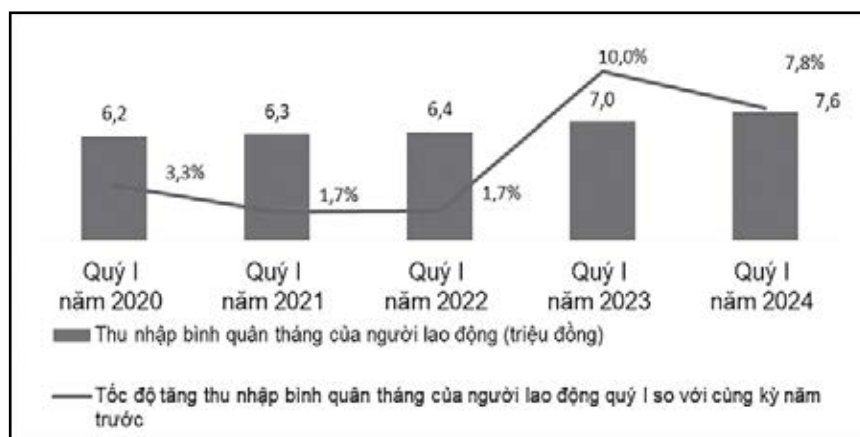
lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I năm 2024 là 52,4 triệu người, tăng 175,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Lực lượng lao động đã quay trở lại theo xu hướng phát triển bình thường như thời kỳ trước dịch Covid-19 (lực lượng lao động quý I thường có xu hướng giảm nhẹ so với quý IV năm trước nhưng vẫn cao hơn cùng kỳ năm trước).

Số lao động có việc làm đạt 51,3 triệu người, tăng 174,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam vẫn đang thời kỳ cơ cấu dân số vàng với quy mô dân số trong độ tuổi lao động dồi dào và tăng hàng năm, đây là lợi thế để bổ sung lực lượng lao động, bao gồm cả lao động có việc làm.

Nhờ việc tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các sàn giao dịch việc làm, so với quý trước, tình hình thất nghiệp quý I/2024 có cải thiện. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I/2024 là 2,24%, giảm 0,02 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,01 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của khu vực thành thị tiếp tục duy trì dưới mức 3% kể từ quý I năm 2022 (quý I các năm 2022, 2023, 2024 lần lượt là: 2,88%; 2,66% và 2,64%).

Một trong những điểm sáng tích cực của thị trường lao động là thu nhập bình quân tháng của người lao động tiếp tục được cải thiện. Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý I năm 2024 là 7,6 triệu đồng, tăng 301 nghìn đồng so với quý trước và tăng 549 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động tăng lên ở hầu hết các ngành kinh tế so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành ghi nhận tốc độ tăng thu nhập bình quân khá so với cùng kỳ năm trước: Ngành hoạt động kinh doanh bất động sản là 12,1 triệu đồng, tăng 15,3%, tương ứng tăng 1,6 triệu đồng; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước là 11,1 triệu đồng, tăng 12,7%, tương ứng tăng 1,3 triệu đồng; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm là 13,1 triệu đồng, tăng 12,7%, tương ứng tăng 1,5 triệu đồng; dịch vụ lưu trú và ăn uống là 7,3 triệu đồng, tăng 9,3%, tương ứng tăng 617 nghìn đồng; vận tải kho bãi là 10,5 triệu đồng, tăng 9,2%, tương ứng tăng 880 nghìn đồng.

**Thu nhập và Tốc độ tăng/giảm bình quân tháng của lao động quý I so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2020-2024**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Thu nhập bình quân của người lao động theo vùng kinh tế - xã hội tăng lên ở tất cả các vùng của cả nước, trong đó, vùng Đồng bằng sông Cửu Long ghi nhận tốc độ tăng khá cao 6,9 triệu đồng, tăng 6,1% (tương ứng tăng 340 nghìn đồng) so với quý trước và tăng 9,2% (tương ứng 584 nghìn đồng) so với cùng kỳ năm trước.

Giới chuyên gia cho rằng, mặc dù nền kinh tế vẫn còn chịu ảnh hưởng tiêu cực từ những biến động của kinh tế toàn cầu, song thị trường lao động Việt Nam đang dần khởi sắc trở lại, mang triển vọng tươi sáng cho bức tranh lao động, việc làm trong năm 2024.

### **Triển vọng năm 2024**

Để phát triển thị trường lao động Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-CP nhằm đưa thị trường lao động hoạt động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững hơn. Nghị quyết đã đưa ra một tầm nhìn dài hạn để hoạch định các chính sách xây dựng phát triển thị trường lao động.

Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2024, nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều thách thức và bất lợi do những bất ổn và rủi ro phát sinh từ các cuộc xung đột quân sự đang diễn ra trên thế giới. Tuy nhiên, xuất khẩu được dự báo sẽ phục hồi mạnh mẽ trong thời gian tới, khi nhu cầu thị trường thế giới tăng. Nhu cầu trong nước đang phục hồi, đầu tư công và đầu tư tư nhân dự kiến sẽ phục hồi, cải cách tiền lương trong năm 2024 sẽ tạo sức mua lớn, góp phần tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, triển vọng thị trường lao động việc làm phục hồi trở lại là rất khả quan.

Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ việc làm, phát triển sàn giao dịch việc làm trực tuyến quốc gia để tăng cường

các hoạt động kết nối cung - cầu lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm nhằm tăng sự linh hoạt trong việc cung ứng và sử dụng lao động, phù hợp với xu thế tất yếu của thị trường lao động.

Báo cáo triển vọng thị trường lao động năm 2024 cho thấy, dù có những biến động trong thị trường tuyển dụng, nhưng 59,1% doanh nghiệp cho biết vẫn sẽ tuyển dụng thêm khoảng 25% nhân sự trong năm 2024. Theo các chuyên gia lao động, thị trường lao động Việt Nam từ đầu năm 2024 đã có sự tiến triển khi nhiều doanh nghiệp có đơn hàng mới, mở rộng kinh doanh và các dự án trọng điểm bắt đầu đi vào hoạt động.

Theo Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, trong thời gian tới, cần tập trung cao độ cho công tác hoàn thiện thể chế, xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật về lao động, bảo đảm hiệu quả, hiệu lực, góp phần hoàn thiện thể chế chung, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Theo đó, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sẽ khẩn trương tham mưu trình Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới; hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi, tháng 6/2024) và cho ý kiến về dự án Luật Việc làm (sửa đổi, tháng 10/2024).

Tiếp đó, theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường lao động, thực hiện các giải pháp nhằm thu hút người lao động quay trở lại

làm việc, duy trì chuỗi cung ứng nguồn nhân lực; hạn chế xảy ra tình trạng thiếu lao động cục bộ; bảo đảm duy trì quan hệ lao động hài hòa, ổn định, hạn chế xảy ra tình trạng thiếu lao động cục bộ.

Tiếp tục rà soát, nắm bắt về tình hình sản xuất-kinh doanh của các doanh nghiệp, nhu cầu tuyển dụng lao động, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI, các ngành sử dụng nhiều lao động (may mặc, giày da, sản xuất gỗ...) để có phương án kết nối cung-cầu lao động, kết nối người lao động với người sử dụng lao động có nhu cầu; tăng tần suất tổ chức các phiên giao dịch việc làm, ưu tiên các phiên giao dịch việc làm trực tuyến, hỗ trợ người lao động khi tham gia giao dịch việc làm.

Thúc đẩy tạo việc làm bền vững và sử dụng hiệu quả lực lượng lao động thông qua các chương trình, đề án, chính sách tín dụng hỗ trợ tạo việc làm, tham gia thị trường lao động, đặc biệt quan tâm đến các nhóm lao động đặc thù, lao động yếu thế.

Các giải pháp hướng nghiệp, phân luồng, tuyển sinh đào tạo nghề được đẩy mạnh. Chú trọng đào tạo lại, đào tạo bổ sung, đào tạo tại doanh nghiệp, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, đào tạo đội ngũ lao động có chất lượng cao, kỹ năng cao đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp.

Với những giải pháp đồng bộ, theo sát thị trường, tin tưởng rằng, thị trường lao động việc làm trong năm 2024 sẽ dần khởi sắc và hoàn thành mục tiêu Quốc hội, Chính phủ giao, đó là, phấn đấu tỉ lệ thất nghiệp đạt dưới 4%; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt gần 69%, trong đó lao động được cấp chứng chỉ, bằng cấp đạt 28%; giảm nghèo đạt chuẩn đa chiều trên 1%.../.

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

**TS. Nguyễn Thị Mai Anh**

*Giảng viên khoa Kế Toán, Kiểm toán (SAA), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

**Nguyễn Thành An, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Vũ Giang Châu, Bùi Anh Thư**

*Sinh viên Viện Đào tạo tiên tiến và chất lượng cao AEP,*

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

**Tóm tắt:** Trong 10 năm trở lại đây, đặc biệt từ năm 2013, Phát triển bền vững trở thành vấn đề được các doanh nghiệp tại Việt Nam và trên thế giới đặt sự quan tâm lên hàng đầu. Do đó, Báo cáo Phát triển bền vững (BCPTBV) cũng đang được các doanh nghiệp đầu tư cả về cách thức công bố cũng như chất lượng thông tin công bố. Để chất lượng BCPTBV được đảm bảo cũng như ngày càng được nâng cao, các tổ chức quốc tế, tiêu biểu là GRI (Global Reporting Initiative) đã đưa ra những bộ quy chuẩn cụ thể, toàn diện về cách thức công bố BCPTBV mà tất cả các doanh nghiệp trên toàn thế giới có thể sử dụng rộng rãi. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số vấn đề khiến cho BCPTBV của các doanh nghiệp Việt Nam, ngay cả các doanh nghiệp niêm yết vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu về mặt chất lượng, khiến doanh nghiệp chưa thực sự thu hút được các nhà đầu tư cho các dự án phát triển bền vững của mình. Bài viết nghiên cứu các vấn đề cơ bản về BCPTBV, phân tích tổng quan thực trạng công bố BCPTBV tại doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, từ đó đưa ra một số khuyến nghị cho các bên liên quan, góp phần giúp nâng cao chất lượng BCPTBV của doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Báo cáo Phát triển bền vững, công ty niêm yết, GRI

## Đặt vấn đề

Trong thời đại ngày nay, cụm từ “Phát triển bền vững” xuất hiện ngày càng nhiều trong báo cáo thường niên của các doanh nghiệp trên thế giới, họ ngày càng chú trọng đến việc công bố một cách minh bạch các thông tin phi tài chính như tác động của hoạt động kinh doanh đến xã hội và môi trường, thay vì chỉ quan tâm đến hiệu quả kinh tế. Theo Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam, Báo cáo Phát triển bền vững là thông lệ đo đếm, công bố và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp trước các bên liên quan về các hoạt động

của mình nhằm hướng tới phát triển bền vững. Trong Báo cáo Phát triển bền vững, các doanh nghiệp xây dựng và công bố những thông tin về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên các khía cạnh môi trường và xã hội bên cạnh những thông tin về hiệu quả hoạt động tài chính và quản trị vốn. Việc công bố báo cáo phát triển bền vững là một bước tiến quan trọng trong việc nâng cao trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp Việt Nam.

Như đã nêu trên, phát triển bền vững đang là xu hướng được các doanh nghiệp trên toàn thế giới ưu tiên hàng đầu, một doanh nghiệp mạnh sẽ đáp ứng đầy đủ

những tiêu chuẩn về lợi nhuận ngắn hạn cũng như bền vững, lâu dài, hay nói cách khác, chỉ số tài chính và chỉ số bền vững của doanh nghiệp phải mang tính hỗ trợ lẫn nhau. Các chỉ số tài chính đóng vai trò đo lường hiệu quả sử dụng vốn cho hoạt động BCPTBV, từ đó đánh giá mức độ hiệu quả của các chương trình dự án PTBV mà doanh nghiệp đưa ra. Các chỉ số tài chính cũng góp phần cung cấp thông tin quan trọng, thuyết phục nhà đầu tư đưa ra quyết định vào các hoạt động PTBV của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp thu được nguồn viện trợ phù hợp để đầu tư cho BCPTBV của mình.

Các chỉ số tài chính cũng chính là công cụ để các nhà đầu tư đánh giá mức độ rủi ro và tiềm năng lợi nhuận của các dự án PTBV của doanh nghiệp, để có thể đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cao nhất.

Nghiên cứu này sẽ thực hiện chấm điểm Báo cáo Phát triển bền vững của 100 công ty niêm yết hàng đầu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, dựa trên mô hình nghiên cứu của (Dissanayake, 2016), trong trường hợp của Việt Nam, chúng tôi xây dựng mô hình chấm điểm Báo cáo Phát triển bền vững dựa trên quy chuẩn của GRI và bổ sung thêm các tiêu chí phù hợp với tình hình của từng công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Nhóm tác giả sử dụng mô hình chấm điểm Báo cáo Phát triển bền vững được xây dựng dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn của Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) để rút ra những tiêu chí chính, đánh giá chất lượng của các báo cáo này.

Bên cạnh đó, nhóm tác giả sẽ đánh giá tác động của từng chỉ số tài chính đến Báo cáo phát triển bền vững của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn cập nhật từ 2020-2022, từ đó cũng cấp thêm thông tin cho nhà đầu tư và các bên liên quan, đồng thời, đưa ra khuyến nghị tới doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp cải thiện hơn nữa báo cáo bền vững.

### **Những vấn đề cơ bản về BCPTBV**

#### *Khái niệm*

Theo nghiên cứu của Lục Trịnh và cộng sự (2020), Báo cáo Phát triển Bền vững là kênh thông tin hữu ích cho doanh nghiệp và các bên liên quan về ba khía cạnh quan trọng hiện nay bao gồm: Kinh tế, Xã hội và Môi trường. Còn theo nghiên cứu của Creixans

và các cộng sự (2019), báo cáo bền vững được thiết kế nhằm hệ thống hóa và phổ biến thông tin định lượng và định tính về các vấn đề kinh doanh bền vững, khuyến khích sự tham gia và cung cấp sự minh bạch cho tất cả các bên liên quan.

Mặc dù thể hiện được trách nhiệm của công ty, của doanh nghiệp đối với xã hội thế nhưng việc công bố trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp vẫn còn một vài tồn tại. Tính minh bạch trong việc công bố trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp về sự phát triển bền vững trên toàn thế giới vẫn chủ yếu là tự nguyện và không được kiểm toán, với rất ít nghiên cứu kiểm chứng tính hợp lệ của thông tin được công bố trong báo cáo phát triển bền vững (Carey và cộng sự, 2017). Park và cộng sự (2020), cho rằng việc báo cáo phát triển bền vững thường được thúc đẩy bởi lợi ích cá nhân của người quản lý và họ có thể sử dụng những thông tin sai lệch hoặc các chi tiết gây hiểu lầm nhằm mang lại lợi ích riêng cho bản thân mình (Griffin và cộng sự, 2006).

#### *Tầm quan trọng của BCPTBV đối với thị trường doanh nghiệp*

Theo Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam (2018), BCPTBV đóng vai trò là thông lệ đo đếm, công bố và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp trước các bên liên quan về các hoạt động của mình nhằm hướng tới phát triển bền vững. Các doanh nghiệp xây dựng và công bố những thông tin về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên các khía cạnh môi trường và xã hội, bên cạnh những thông tin về hiệu quả hoạt động tài chính và quản trị vốn là những thông tin vẫn được công bố theo thông lệ. BCPTBV là cách thức mới

để xây dựng và định lượng giá trị của doanh nghiệp.

BCPTBV giúp doanh nghiệp và tổ chức công bố thông tin về tính bền vững theo cách tương tự như báo cáo tài chính. Thông qua việc báo cáo một cách minh bạch, có tính giải trình và trách nhiệm, các doanh nghiệp củng cố lòng tin của các bên liên quan vào doanh nghiệp và nền kinh tế. Quá trình báo cáo đồng thời thúc đẩy cải tiến nhiều mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ở mức độ cơ sở, BCPTBV là công cụ có thể cải thiện khả năng nhận biết của doanh nghiệp về các rủi ro và cơ hội kinh doanh mới. Từ góc độ này, BCPTBV giúp doanh nghiệp chuẩn bị cho xu hướng phát triển mới, phân cấp trách nhiệm và cải thiện hệ thống quản lý để dần nâng cao hiệu quả hoạt động.

#### *Cách thức đánh giá nội dung công bố trong BCPTBV*

Có 3 nguyên tắc trọng yếu để xác định nội dung cần nêu trong BCPTBV:

- Nguyên tắc tham vấn các bên liên quan: Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp cần xác định được các bên có liên quan của mình và giải thích doanh nghiệp đã đáp ứng những mong đợi và lợi ích hợp lý của các bên có liên quan như thế nào? Các bên liên quan bao gồm những người đang đầu tư vào tổ chức và những người có mối quan hệ khác với tổ chức. Nói cách khác, các bên liên quan là những người hoặc những tổ chức ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, hoặc bị ảnh hưởng bởi hoạt động của doanh nghiệp. Các bên liên quan bên trong doanh nghiệp bao gồm các chủ sở hữu, quản lý doanh nghiệp, người lao động; bên ngoài doanh nghiệp bao gồm khách hàng, nhà cung cấp, người cho vay, cộng đồng, chính phủ, cổ đông.



Những mong đợi và lợi ích hợp lý của các bên có liên quan là điểm tham chiếu chính cho nhiều quyết định trong quá trình lập báo cáo.

- Nguyên tắc bối cảnh PTBV: Nguyên tắc này yêu cầu báo cáo phải thể hiện kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh rộng hơn của phát triển bền vững. Thông tin về kết quả hoạt động phải đặt trong bối cảnh nhất định. Câu hỏi cơ bản của báo cáo phát triển bền vững là doanh nghiệp góp phần hoặc hướng đến việc đóng góp như thế nào trong tương lai cho việc cải thiện hoặc làm suy giảm các điều kiện, sự phát triển và các xu hướng kinh tế, môi trường, xã hội ở cấp địa phương, khu vực, hoặc toàn cầu. Việc chỉ báo cáo riêng về các xu hướng trong kết quả hoạt động của doanh nghiệp (hoặc tính hiệu quả của doanh nghiệp) sẽ đáp ứng được câu hỏi cơ bản này. Do đó, các báo cáo phải tìm cách thể hiện kết quả hoạt động liên quan đến các khái niệm rộng hơn về phát triển bền vững. Điều này bao gồm việc thảo luận về kết quả hoạt động của tổ chức trong bối cảnh có những hạn chế và nhu cầu về nguồn lực, môi trường, xã hội ở cấp ngành, địa phương, khu vực, hoặc toàn cầu.

- Nguyên tắc trọng yếu: Nguyên tắc này yêu cầu báo cáo phát triển bền vững phải bao gồm các lĩnh vực phản ánh những tác động kinh tế, môi trường, xã hội đáng kể của doanh nghiệp hoặc ảnh hưởng tới sự đánh giá và quyết định của các bên có liên quan. Các chủ đề liên quan là các chủ đề có lý do để xem là quan trọng đối với việc phản ánh các tác động kinh tế, xã hội, môi trường của doanh nghiệp hoặc gây ảnh hưởng tới quyết định của các bên có liên quan, do vậy có khả năng được đưa vào báo cáo.

Quá trình BCBV đòi hỏi doanh nghiệp cân nhắc lợi ích các bên liên quan, là các cá nhân hoặc nhóm người có thể bị ảnh hưởng bởi hoạt động của doanh nghiệp, quan tâm tới hoạt động của doanh nghiệp và/hoặc có thể chịu ảnh hưởng theo cách nào đó. Các bên liên quan có thể là nhân viên, khách hàng, bạn hàng, nhà cung cấp, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng, nhà đầu tư, chính phủ và giới truyền thông. BCBV làm tăng thêm đáng kể giá trị về uy tín và năng lực kinh doanh của doanh nghiệp thông qua việc xây dựng lòng tin với các bên liên quan khác nhau.

*Tiêu chuẩn được sử dụng để chấm điểm BCPTBV*

Các công ty trong bài nghiên cứu khoa học này được đánh giá cao nếu sử dụng bộ tiêu chuẩn GRI để công bố báo cáo phát triển bền vững doanh nghiệp. Theo (Aggarwal, 2013), GRI là một tổ chức quốc tế, phi lợi nhuận, cung cấp một quy chuẩn báo cáo phát triển bền vững toàn diện mà tất cả các công ty trên toàn thế giới có thể sử dụng rộng rãi (Quy Chuẩn GRI). Tiêu chuẩn GRI được tổ chức thành bốn nhóm lớn: Chung, kinh tế, môi trường và xã hội và 1 số tiêu chuẩn có công thức và định lượng được giúp người sử dụng dễ dàng tính toán và so sánh các chỉ số đó giữa các công ty. (Mai Anh và Cộng sự, 2021).

*Thực trạng về công bố BCPTBV của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam*

Tại Việt Nam, việc công bố BCPTBV là nghĩa vụ bắt buộc đối với tất cả các doanh nghiệp niêm yết trên hai sàn chứng khoán Việt Nam - HNX và HOSE. Báo cáo bền vững góp phần bổ sung cho báo cáo tài chính, nhằm thông tin đầy đủ về doanh nghiệp trong mối quan hệ với các bên có liên quan khi thực hiện hoạt động kinh doanh.

Do đó, công bố BCPTBV không còn là nghĩa vụ mà còn là trách nhiệm của các doanh nghiệp niêm yết với xã hội, với cộng đồng đầu tư nói chung và các cổ đông nói riêng.

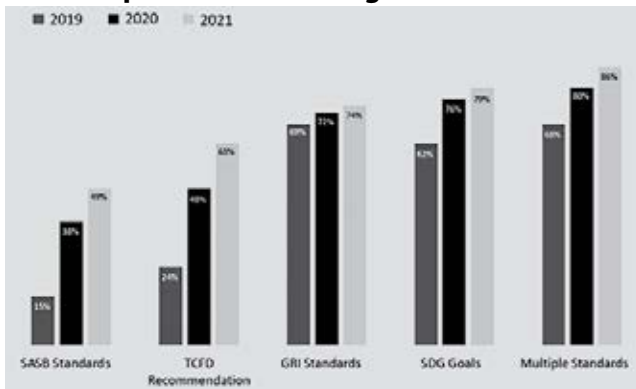
Trước kia, khái niệm về vấn đề phát triển bền vững trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng vẫn còn khá xa lạ. Các doanh nghiệp phần lớn chỉ quan tâm đến phát triển lợi nhuận, hướng đến phát triển kinh tế mà không hướng mỗi quan tâm đến sự cân bằng giữa kinh tế, xã hội, và môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

Nhưng kể từ sau Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, văn bản pháp lý đầu tiên yêu cầu các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam công bố thông tin về phát triển bền vững, vấn đề bền vững đã được các doanh nghiệp Việt Nam chú trọng và đề cao hơn. Theo Tạp chí Tài chính, sau hơn 4 năm, Thông tư số 155/2015/TT-BTC có hiệu lực thi hành cho đến nay, BCPTBV của các doanh nghiệp niêm yết đã có sự phát triển đáng kể. Năm tài chính 2016 là năm đầu tiên các doanh nghiệp phải thực hiện báo cáo thông tin phát triển bền vững nên nhiều doanh nghiệp còn bị động, nội dung báo cáo sơ sài, thậm chí một số doanh nghiệp còn bỏ qua nội dung này. Tuy nhiên, đến năm 2017, chỉ còn một số ít doanh nghiệp niêm yết chưa thể hiện nội dung phát triển bền vững trong báo cáo. Nội dung báo cáo của các doanh nghiệp đã tập trung vào 5 yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC, đó là quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách liên quan đến người lao động, báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng

địa phương. Tuy nhiên, thời điểm đó vẫn có nhiều doanh nghiệp không báo cáo nội dung liên quan đến thị trường vốn xanh. Năm tài chính 2020, tình hình BCBV của các doanh nghiệp niêm yết đã dần đi vào ổn định. Đa số các doanh nghiệp trình bày nội dung BCBV lồng ghép trong báo cáo thường niên và nội dung trình bày đã cơ bản tuân thủ theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Một số doanh nghiệp trình bày riêng BCBV, nội dung báo cáo phong phú. (Quang Tuấn, 2021).

Thực tế cho thấy, doanh nghiệp Việt Nam sử dụng khá đa dạng các khuôn khổ báo cáo và bộ tiêu chuẩn báo cáo, tiêu biểu phải kể đến bộ tiêu chuẩn báo cáo GRI (Global Reporting Index) hay SDG goals (Sustainable Development Goals). Nhiều doanh nghiệp có xu hướng kết hợp nhiều khuôn khổ và tiêu chuẩn báo cáo vào BCPTBV của riêng họ.

**Hình 1. Thực trạng công bố và đảm bảo thông tin phát triển bền vững 2019-2021**

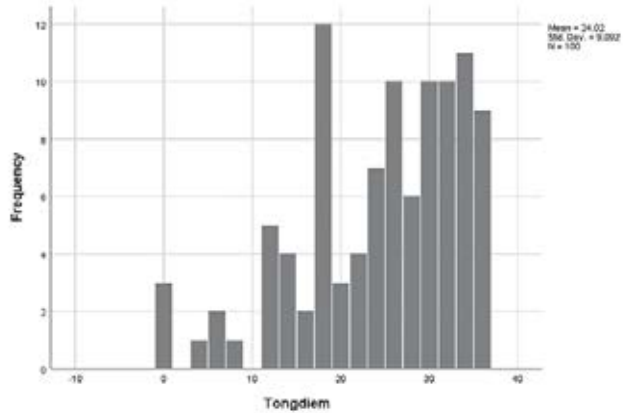


Nguồn: Ngọc Trần (2023)

Tại Việt Nam, tính đến năm 2021, có 268 công ty niêm yết tại Việt Nam, trong đó có 148 công ty (chiếm 55,5%) công bố báo cáo phát triển bền vững. Đây là tỷ lệ tăng đáng kể so với năm 2020, khi chỉ có 97 công ty (chiếm 36,2%) công bố báo cáo này (Anon, 2018). Đa phần doanh nghiệp sử dụng bộ tiêu chuẩn GRI đều đáp ứng các tiêu chí về kinh tế, môi trường và xã hội.

Nhận xét về tổng điểm báo cáo phát triển bền vững qua biểu đồ, chúng tôi đã phát hiện ra khoảng phân bố với số điểm thấp nhất là 0 và cao nhất là 36. Có 5 công ty đạt được tổng điểm báo cáo phát triển bền vững là 36, chiếm 5% tổng số công ty được khảo sát và 3 công ty (chiếm 3%) không đạt được điểm nào. Xét tổng quan về số liệu, ta có thể thấy đa phần điểm số báo cáo phát triển bền vững của công ty thuộc khoảng từ 22 đến 36 điểm. Số điểm phổ biến mà các công ty đạt được là 18 điểm (chiếm 30% tổng số công ty khảo sát).

**Hình 2. Điểm báo cáo bền vững của 100 công ty niêm yết hàng đầu trên sàn chứng khoán Việt Nam**



Về các tiêu chí chấm điểm báo cáo phát triển bền vững, có thể dễ dàng nhận thấy khía cạnh kinh nghiệm đạt trung bình điểm số cao nhất với 3,48 trên 4 điểm. Theo sau là 2 khía cạnh “chiến lược để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững” và “định dạng báo cáo phát triển bền vững” với trung bình 3,29 và 3,26 điểm. Khía cạnh “bảo đảm bởi các tổ chức bên ngoài” có số điểm trung bình thấp nhất, chỉ 0,36 trên 4 điểm.

Dựa trên mô hình chấm điểm, chúng tôi đã xây dựng tiêu chí chấm điểm “Các khía cạnh bền vững” dựa trên việc doanh nghiệp công bố bao nhiêu khía cạnh bền vững để chấm điểm báo cáo PTBV của doanh nghiệp. Ba khía cạnh bền vững được đề cập đến là khía cạnh về môi trường, khía cạnh về kinh tế và khía cạnh về xã hội. Theo bảng số liệu, ta có thể thấy, số lượng các công ty công bố ít khía cạnh bền vững hơn giảm dần. Trong 100 công ty được chấm điểm, 52 công ty (52%) công bố đủ 3 khía cạnh bền vững. Một phần ba số lượng công ty (33%) công bố 2 khía cạnh bền vững trong báo cáo PTBV của họ. Số lượng công ty công bố 1 khía cạnh và không công bố khía cạnh nào lần lượt là 10 công ty (10%), và 5 công ty (5%). 95 phần trăm số lượng công ty được chấm điểm quan tâm tới ít nhất 1 khía cạnh bền vững

Sau khi thực hiện khảo sát sâu hơn về các khía cạnh phát triển bền vững bằng phần mềm SPSS 25. Nhóm đã phát hiện ra rằng các công ty trong top 100 tập trung nhất vào khía cạnh Môi trường và Xã hội, khi có tới 95 công ty (chiếm 95% tổng số công ty khảo sát) đề cập đến khía cạnh Môi trường và 89 công ty (chiếm 89%) đề cập đến khía cạnh Xã hội này. Mặt khác khía cạnh Kinh Tế có xu hướng ít được nhắc tới hơn, khi chỉ 62 công ty (chiếm 62% tổng số công ty khảo sát) có đề cập tới tiêu chí này.

**Bảng 1. Tiêu chí chấm điểm của báo cáo bền vững**

	Giá trị hợp lệ	Giá trị trung bình	Độ lệch lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Bảo đảm bên ngoài	100	0.36	1.150	0	4
Các bên liên quan	100	2.78	1.554	0	4
Tuyên bố CEO	100	2.48	1.951	0	4
Tiêu chuẩn GRI	100	2.48	1.951	0	4
Mục tiêu bền vững	100	3	1.741	0	4
Kinh nghiệm	100	3.48	1.087	0	4
Định dạng	100	3.29	1.233	0	4
Chỉ số GRI	100	0.91	1.342	0	4
Chiến lược đặt mục tiêu bền vững	100	2.36	1.977	0	4
Các khía cạnh cạnh bên vững	100	3.26	1.021	0	4
Tổng cộng	100	24.2402	9.092	0	36

“Tiêu chuẩn GRI” là tiêu chí xét về khía cạnh báo cáo PTBV do doanh nghiệp Việt Nam công bố có đang tuân theo tiêu chuẩn quốc tế nào hay không. Theo số liệu mà Nhóm đã phân tích được từ 100 công ty đứng đầu sàn chứng khoán Việt Nam, phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam chưa áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế để công bố báo cáo PTBV của doanh nghiệp, tỷ lệ này chiếm 41%, cao nhất trong các tỷ lệ. Ngoài ra, tiêu chuẩn GRI là tiêu chuẩn được nhiều doanh nghiệp lựa chọn nhất để công bố. Có 36 công ty trong 100 công ty được chấm điểm (36%) lựa chọn công bố theo tiêu chuẩn GRI và 23 công ty (23%) còn lại lựa chọn công bố theo các tiêu chuẩn khác. Tiêu chí chấm điểm “Chỉ số GRI” đánh giá mức độ tuân thủ tiêu chuẩn GRI theo phần trăm chỉ số GRI mà doanh nghiệp công bố trong báo cáo PTBV. Trong 36 công ty công bố theo tiêu chuẩn GRI, tỷ lệ chiếm nhiều nhất là báo cáo đạt 25%-50%, với 16 công ty (44,4%) công bố 25 đến 50 phần trăm tổng số các tiêu chuẩn GRI. 7 công ty (19,4%) công bố 75-100 phần trăm tổng số các tiêu chuẩn GRI. 9 công ty (25%) công bố 50-75 phần trăm các tiêu chuẩn GRI. Số lượng công ty công bố được 1-25% tiêu chuẩn GRI chiếm ít nhất, 11,1%.

Đánh giá tổng quan về khía cạnh định dạng cũng cho thấy tín hiệu tích cực từ các doanh nghiệp, khi báo cáo phát triển bền vững được viết từ 5 trang trở lên chiếm tới 70% lượng công ty được khảo sát và chỉ có phần ít công ty không có định dạng cho báo cáo phát triển bền vững. Mặt khác, 62 trên tổng số 100 CEO của các doanh nghiệp có tuyên bố hoặc phát biểu liên quan đến phát triển bền vững trên các phương tiện thông tin truyền thông khác nhau. Từ các số liệu trên có thể khẳng định, các công ty thuộc danh sách 100 công ty đứng đầu trên sàn chứng khoán đều chú trọng việc công bố báo cáo phát triển bền vững,

coi việc công bố báo cáo như một công cụ khẳng định trách nhiệm của doanh nghiệp đối với quá trình phát triển bền vững, cho các bên liên quan thấy được các mục tiêu phát triển bền vững đã, đang và có thể đạt được trong tương lai. Với tiêu chí chấm điểm “Bảo đảm bên ngoài”, các công ty chủ yếu chỉ kiểm toán nội bộ báo cáo PTBV. 91 công ty (91%) không có sự xác nhận từ bên ngoài. Chỉ có 5 công ty (5%) có sự kiểm định từ bên ngoài về các hoạt động bền vững của doanh nghiệp cho thấy độ khách quan của các báo cáo PTBV còn chưa cao lắm, cần phải được khắc phục trong tương lai gần

**Đề xuất với các bên liên quan giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng công bố BCPTBV**

*Đối với cơ quan quản lý*

*Một là*, thiết lập chính sách pháp luật của quốc gia liên quan đến bảo vệ môi trường và đảm bảo rằng chúng được thực hiện một cách thống nhất, liên tục và nghiêm minh. Tạo ra các bộ luật và thực thi nghiêm minh đủ sức răn đe và hình phạt thích đáng với những hành vi kinh doanh vi phạm luật có tác động đến môi trường sống và sức khỏe.

*Hai là*, để các cơ quan chức năng chủ quan tránh chồng chéo, công việc phải được phân cấp rõ ràng cho từng cấp Bộ, Ngành trong quá trình triển khai thực hiện. Phân định quyền lực, nghĩa vụ và trách nhiệm cho các bên liên quan phải rõ ràng và dễ hiểu.

*Ba là*, củng cố lực lượng và điều kiện liên quan trong quá trình thực thi công vụ. Đặc biệt, cần nâng cao đạo đức nghề nghiệp của những người thực thi công vụ, đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động và trang bị các công cụ và phương tiện kiểm tra. Đồng thời, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng và các hiệp hội ngành và doanh nghiệp.

*Bốn là*, tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng chức năng với các hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp thông qua việc phổ biến và công khai các văn bản pháp luật cập nhật về các quy định về BCPTBV. Đồng thời, có chế độ thưởng phạt công minh đối với các bên tham gia quản lý và thực hiện công bố BCPTBV của doanh nghiệp.

*Đối với các doanh nghiệp niêm yết*

*Thứ nhất*, nâng cao nhận thức về ảnh hưởng của BCPTBV đến doanh nghiệp.

Mỗi doanh nghiệp phải biết đánh giá những lợi ích mà việc thực hiện công bố BCPTBV mang lại cho công ty của họ. Một đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp có tinh thần trách nhiệm xã hội và kinh doanh có trách nhiệm bền vững rất cần thiết, đặc biệt là cần phải thay đổi tư duy và ý thức về BCPTBV.

*Thứ hai*, doanh nghiệp phải trung thực và quan tâm thực sự đến kinh doanh bền vững và công tác xã hội (CSR). Doanh nghiệp phải xây dựng và thực hiện bộ cam kết CSR cho từng thành viên, cũng như xây dựng và thực hiện bộ quy tắc ứng xử và tinh thần CSR cho từng cấp quản lý. Các quy định CSR là nguyên tắc thực hiện của doanh nghiệp. Kế hoạch sản xuất kinh doanh phải được thực hiện cùng với việc nâng cao nhận thức và cam kết của doanh nghiệp đối với công tác truyền thông xã hội (CSR), đồng thời thưởng phạt cụ thể cho nhân viên đã thực hiện CSR.

*Thứ ba*, công ty phải tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường và các quy định phát triển bền vững khác. Doanh nghiệp ngày nay phải thể hiện trách nhiệm xã hội thông qua việc áp dụng các chứng chỉ và quy tắc ứng xử được quốc tế công nhận và phù hợp với thị trường. Các doanh nghiệp phải tuân thủ các tiêu chuẩn về phát triển bền vững toàn cầu và áp dụng chúng vào thời điểm hiện tại của Việt Nam một cách linh hoạt và phù hợp.

*Thứ tư*, các doanh nghiệp phải tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phát triển bền vững và môi trường như Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023 số 19/2023/QH15, đưa ra các quy định chi tiết về cách thức thực thi một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cũng như các quy định trong các Bộ luật khác có liên quan.

*Thứ năm*, các công ty nên quan tâm đến ý kiến của các bên liên quan thông qua các phương tiện truyền thông xã hội để thực hiện trách nhiệm xã hội, thực hiện đánh giá và truyền thông hiệu quả. Trong quá trình thực hiện trách nhiệm của mình, các doanh nghiệp phải lắng nghe và hiểu mong muốn cũng như đánh giá của xã hội trên các phương tiện truyền thông để cải thiện.

*Đối với các nhà đầu tư*

Kết quả nghiên cứu này cho thấy những doanh nghiệp có thực hành và công bố BCPTBV tốt thì sẽ có hiệu quả cao. Vì vậy, với vai trò là nhà cung cấp tài chính cho doanh nghiệp, để giảm thiểu những rủi ro, tổn thất và mang lại hiệu quả trong hoạt động đầu tư thì các nhà đầu tư này nên có sự am hiểu nhất định về trách nhiệm xã hội cũng như BCPTBV, cần quan tâm xem xét đến thực tế thực hành công bố BCPTBV ở các doanh nghiệp. Điều này có nghĩa nhà đầu tư không chỉ đơn thuần dựa vào những thông tin tài chính để đưa ra quyết định mà còn dựa vào những mức độ công bố thông tin trong BCPTBV của doanh nghiệp để giảm thiểu rủi ro không đáng có thể gặp phải trong quá trình đầu tư. Chẳng hạn như doanh nghiệp bị ngừng hoạt động do gây ô nhiễm môi trường, sản phẩm của doanh nghiệp bị tẩy chay do không đạt tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm,...

Bên cạnh đó, ngoài việc xem xét những thông tin phi tài chính của doanh nghiệp được kiểm toán, nhà đầu tư cần dựa vào những thông tin phi tài chính, đặc biệt là những thông tin liên quan được công bố trong BCPTBV doanh nghiệp công bố được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán có chất lượng để đưa ra quyết định đầu tư hợp lý nhất, nhằm giảm thiểu rủi ro không đáng có./

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Aggarwal, P. (2013) 'Sustainability Reporting and its Impact on Corporate Financial Performance: A Literature Review', Indian Journal of Commerce and Management Studies, 4(3), pp. 51-59.
2. Bộ tài chính (2015), "Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán", Thông tư 155/2015/TT-BTC. Available at: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Chung-khoan/Thong-tu-155-2015-TT-BTC-cong-bo-thong-tin-tren-thi-truong-chung-khoan-2015-293015.aspx> (Accessed: 31 January 2024).
3. Carey, P., Liu, L. and Qu, W. (2017) 'Voluntary corporate social responsibility reporting and financial statement auditing in China', Journal of Contemporary Accounting & Economics, 13(3), pp. 244-262. Available at: <https://doi.org/10.1016/j.jcae.2017.09.002>.
4. Creixans-Tenas, J., Coenders, G. and Arimany-Serrat, N. (2019) 'Corporate social responsibility and financial profile of Spanish private hospitals', Heliyon, 5(10), p. e02623. Available at: <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2019.e02623>.
5. Dissanayake, D., Tilt, C. and Qian, W. (2019) 'Factors influencing sustainability reporting by Sri Lankan companies', Pacific Accounting Review, 31(1), pp. 84-109. Available at: <https://doi.org/10.1108/PAR-10-2017-0085>.
6. Dissanayake, D., Tilt, C. and Xydias-Lobo, M. (2016) 'Sustainability reporting by publicly listed companies in Sri Lanka', Journal of Cleaner Production, 129, pp. 169-182. Available at: <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2016.04.086>.
7. GRI (2015), GRI's History, Global Reporting Initiative, viewed 23 January 2016, available at: [www.globalreporting.org/information/about-gri/gri-history/Pages/GRI's%20history.aspx](http://www.globalreporting.org/information/about-gri/gri-history/Pages/GRI's%20history.aspx).
8. Ngo, Q.T. (2021): Thực trạng công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp niêm yết ngành thực phẩm - Tạp chí Tài chính.(2021). Available at: <https://tapchitaichinh.vn/thuc-trang-cong-bo-thong-tin-phat-trien-ben-vung-cua-cac-doanh-nghiep-niem-yet-nganh-thuc-pham.html>
9. Nguyen T.M.A and Doan T.L. (2022) 'Factors influencing sustainability reporting by Vietnamese listed companies', Hội thảo quốc tế về kế toán, kiểm toán và tài chính ICFAA 2022, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, p.205-216.
10. Park, H. and Kim, J.D. (2020) 'Transition towards green banking: role of financial regulators and financial institutions', Asian Journal of Sustainability and Social Responsibility, 5(1), p. 5. Available at: <https://doi.org/10.1186/s41180-020-00034-3>.
11. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2023), Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng" số 19/2023/QH15.

# PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN

## KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC GỢI Ý CHO VIỆT NAM

TS. Trần Thị Minh Trâm

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

### Tóm tắt

Phát triển kinh tế tuần hoàn trở thành xu hướng của các quốc gia, nhất là khi nguồn tài nguyên trên thế giới ngày càng cạn kiệt, giúp giải quyết bài toán giữa lợi ích kinh tế và môi trường. Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó đặt ra mục tiêu kéo dài tuổi thọ của vật chất, loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường. Việt Nam đang nỗ lực phát triển kinh tế theo hướng bền vững, giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường và nền kinh tế tuần hoàn là mô hình được quan tâm, định hướng phát triển. Tuy nhiên, việc phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam đang gặp nhiều thách thức như: Vốn, công nghệ, nguồn nhân lực. Chính vì vậy, việc học tập kinh nghiệm của các nước đi trước, để vận dụng vào Việt Nam nhằm thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng nền kinh tế tuần hoàn là nội dung quan trọng mà tác giả đề cập tới trong bài viết này.

**Từ khóa:** Kinh tế tuần hoàn; Kinh nghiệm quốc tế; Bài học cho Việt Nam.

### Đặt vấn đề

Theo ước tính của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), đến năm 2030 nếu tiếp tục phát triển với mô hình kinh tế tuyến tính (dựa trên quá trình khai thác, sản xuất, tiêu dùng và cuối cùng thải loại ra môi trường), nhu cầu sử dụng tài nguyên của thế giới sẽ tăng gấp 3 lần so với hiện nay, vượt ngoài khả năng cung ứng của trái đất, lượng chất thải sẽ vượt giới hạn sức chịu tải của môi trường[1]. Thực tế đó dẫn đến yêu cầu cấp bách phải tìm ra mô hình kinh tế hiệu quả, bền vững hơn về sử dụng tài nguyên, giảm ô nhiễm, suy thoái môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Kinh tế tuần hoàn (Circular Economy) đang trở thành xu thế tất yếu trong bối cảnh tài nguyên ngày càng suy thoái, cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm, biến đổi khí hậu diễn biến khốc liệt. Các hiệp định, thỏa thuận toàn cầu về môi trường, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, các hiệp định

thương mại tự do thế hệ mới đề ra nhiều quy định về tiêu chuẩn phát thải chất thải, khí thải. Đây sẽ là tiền đề để thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn.

Tại Việt Nam, việc ứng dụng kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển bền vững, với tăng trưởng xanh đang được quan tâm, đề cập nhiều hơn trong những năm gần đây. Đặc biệt, nội dung về xây dựng kinh tế tuần hoàn được Đại hội XIII của Đảng xác định là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Các chính sách cụ thể như: Phát triển kinh tế tuần hoàn và quản lý chất thải một cách hiệu quả, đồng thời xây dựng hệ thống giám sát, kiểm tra và đánh giá chất lượng môi trường. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển các sản phẩm và dịch vụ tái sử dụng, chia sẻ tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo và thực hiện các hoạt động tái chế và xử lý phế thải.

Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền và nâng cao nhận thức về kinh tế tuần hoàn, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh, bảo vệ môi trường và tài nguyên. Đẩy mạnh đổi mới cơ cấu kinh tế, tăng cường sự đồng bộ giữa các ngành công nghiệp, tạo điều kiện cho phát triển các sản phẩm và dịch vụ tái sử dụng, chia sẻ tài nguyên và sử dụng năng lượng tái tạo. Tăng cường hợp tác quốc tế, đưa kinh tế tuần hoàn vào các diễn đàn và hoạt động quốc tế, tạo ra cơ hội hợp tác và trao đổi kinh nghiệm với các quốc gia và tổ chức quốc tế khác trong lĩnh vực kinh tế tuần hoàn.

### Nội dung

Kinh tế tuần hoàn (hay còn gọi là kinh tế lặp lại) là một hệ thống kinh tế hoạt động trên nguyên tắc tái sử dụng các tài nguyên và phế thải để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ. Nó là một hệ thống thay vì một mô hình tuyến tính truyền thống, trong đó tài nguyên

được tiêu thụ, sản xuất và sau đó bị đổ ra môi trường. Kinh tế tuần hoàn tập trung vào việc tạo ra sự đồng bộ giữa các nguồn tài nguyên, quá trình sản xuất và tiêu thụ, trong đó phế thải được coi là một tài nguyên.

Để xây dựng một kinh tế tuần hoàn, cần phải áp dụng các nguyên tắc và chiến lược để giảm thiểu sự lãng phí và tối đa hóa giá trị tái sử dụng các tài nguyên. Một số phương pháp thực tiễn bao gồm tái chế, chia sẻ tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo và thiết kế các sản phẩm có tính năng tái sử dụng.

Kinh tế tuần hoàn có thể mang lại nhiều lợi ích cho cả môi trường và kinh tế. Nó giúp giảm thiểu lượng rác thải, tiết kiệm tài nguyên và năng lượng giảm thiểu sự phụ thuộc vào các tài nguyên quý hiếm. Ngoài ra, kinh tế tuần hoàn còn tạo ra cơ hội kinh doanh mới cho các doanh nghiệp và có thể tạo ra việc làm mới trong ngành công nghiệp tái chế và xử lý phế thải.

Hiện nay, phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn khởi đầu. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong phát triển kinh tế tuần hoàn, đặc biệt là trong lĩnh vực xử lý và quản lý chất thải.

Các hoạt động tái sử dụng và tái chế đã được triển khai và thực hiện tại nhiều địa phương, từ đó giúp giảm thiểu lượng chất thải sinh ra và tạo ra nguồn tài nguyên mới. Ngoài ra, các sản phẩm và dịch vụ tái sử dụng cũng đã xuất hiện và được sử dụng rộng rãi, như các sản phẩm từ nhựa tái chế, giấy tái chế, túi xách bằng vải tái sử dụng, điện thoại tái sử dụng,...

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức và hạn chế trong phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Một số vấn đề cần được giải quyết gồm: Thiếu ý thức và nhận thức

của người dân về việc bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả, chính sách và cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế tuần hoàn chưa đầy đủ và hiệu quả...

Theo báo cáo mới đây của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Việt Nam đứng thứ 9 trên thế giới về mức độ ô nhiễm không khí nghiêm trọng. Mức độ ô nhiễm nước và đất cũng đang tăng lên. Theo Thông tư 41 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đến năm 2020, số lượng khu vực đô thị đạt tiêu chuẩn về môi trường là 90% và số lượng hồ đập nước thải trên địa bàn cả nước đạt tiêu chuẩn là 60%. Tuy nhiên, thực tế cho thấy chưa đạt được mục tiêu đó. Các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp nặng góp phần làm cho tình trạng ô nhiễm môi trường càng thẳng hơn.[2]

Theo Báo cáo tài nguyên và môi trường Việt Nam 2021, một số tài nguyên quan trọng của Việt Nam đang bị cạn kiệt nghiêm trọng hoặc bị ô nhiễm. Ví dụ, chất lượng nước, mặc dù Việt Nam có lượng nước lớn song nguồn nước đang bị ô nhiễm nặng đất nông nghiệp cũng đang bị xâm nhập mặn nghiêm trọng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, nguồn tài nguyên khoáng sản cũng đang dần cạn kiệt, đặc biệt là với những loại quặng phức tạp và khó tách.[2]

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức về ô nhiễm môi trường, đặc biệt là trong các đô thị lớn và khu công nghiệp. Năm 2020, chỉ có khoảng 20% các cửa hàng bán lẻ và 10% các doanh nghiệp công nghiệp tại Việt Nam tiến hành xử lý chất thải theo các quy định.[5]

Do đó, để giảm thiểu nguy cơ cạn kiệt tài nguyên và đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước, việc phát triển và áp dụng các giải pháp kinh tế tuần hoàn, tăng cường sử dụng các tài nguyên

thay thế và tái tạo, cũng như tối ưu hóa quy trình sản xuất và sử dụng tài nguyên là rất cần thiết. Để phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ, doanh nghiệp và người dân, đồng thời xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tuần hoàn một cách hiệu quả. Trong đó, việc học hỏi các quốc gia đi trước về kinh tế tuần hoàn có ý nghĩa quan trọng.

### **Kinh nghiệm quốc tế**

**Thụy Điển** là một trong những quốc gia đi đầu trong việc phát triển kinh tế tuần hoàn. Kinh nghiệm của nước này là: *Một là*, tạo ra chính sách khuyến khích sử dụng sản phẩm tái chế, giúp tăng cường sự quan tâm của người tiêu dùng đối với sản phẩm và dịch vụ kinh tế tuần hoàn. *Hai là*, tập trung vào việc thu gom và tái chế chất thải bao gồm cả chất thải từ các doanh nghiệp và chất thải sinh hoạt. Điều này giúp giảm thiểu sự lãng phí và ô nhiễm môi trường, đồng thời tạo ra các nguồn tài nguyên mới để sử dụng trong sản xuất. *Ba là*, phát triển các sản phẩm và dịch vụ kinh tế tuần hoàn bao gồm cả các sản phẩm từ chất thải và các dịch vụ như sửa chữa và tái sử dụng sản phẩm; *Bốn là*, tạo ra một hệ thống thuế bảo vệ môi trường để khuyến khích các doanh nghiệp và người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm và dịch vụ kinh tế tuần hoàn. Hệ thống thuế này cũng giúp đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang kinh tế tuần hoàn. *Năm là*, tăng cường hợp tác giữa các bên liên quan bao gồm cả chính phủ, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và người tiêu dùng để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn. Những kinh nghiệm này đã giúp Thụy Điển đạt được sự tiến bộ đáng kể trong việc phát triển kinh tế tuần hoàn

và trở thành một trong những quốc gia hàng đầu thế giới về lĩnh vực này.

**Hà Lan** là một quốc gia khác cũng rất thành công trong việc phát triển kinh tế tuần hoàn và có nhiều kinh nghiệm quý báu mà Việt Nam có thể học hỏi. Hà Lan đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng để thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải. Điều này giúp đảm bảo rằng các quy trình kinh tế tuần hoàn được thực hiện hiệu quả và ít gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Bên cạnh đó, Hà Lan khuyến khích sử dụng các sản phẩm và dịch vụ tái chế bằng cách đưa ra các chính sách khuyến khích và các khoản trợ cấp cho các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm tái chế. Đồng thời, tập trung vào việc tiết kiệm tài nguyên và sử dụng các nguồn tài nguyên thay thế, chẳng hạn như sử dụng năng lượng tái tạo và tăng cường sử dụng nguồn nước tái chế. Xây dựng mối quan hệ tốt giữa các bên liên quan như giữa chính phủ, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn. Các bên liên quan đã hợp tác trong việc đưa ra các chính sách và giải pháp thực tiễn để thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang kinh tế tuần hoàn. Ngoài ra, Hà Lan còn khuyến khích đổi mới công nghệ và đầu tư vào các công nghệ mới để giảm thiểu sự lãng phí và tối đa hóa quá trình kinh tế tuần hoàn.

**Singapore** cũng là một trong những quốc gia tiên tiến nhất thế giới về phát triển kinh tế tuần hoàn. Để phát triển kinh tế tuần hoàn, Singapore tập trung vào giảm thiểu lãng phí. Theo đó, đã đưa ra nhiều chính sách như: Hạn chế sử dụng túi ni lông, cài đặt hệ thống tái chế và thúc đẩy việc sử dụng sản phẩm tái chế.

Các chính sách này giúp Singapore giảm thiểu lượng rác sinh ra và tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên. Singapore xây dựng một hệ thống quản lý rác hiệu quả, đã đầu tư mạnh vào hệ thống thu gom và xử lý rác, giúp đảm bảo rằng các quy trình kinh tế tuần hoàn được thực hiện hiệu quả và an toàn cho môi trường. Ngoài ra, Singapore cũng tập trung vào việc phát triển công nghệ tái chế tiên tiến để tận dụng tối đa tài nguyên. Thúc đẩy sản xuất và sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường cũng là giải pháp được Singapore thực hiện nhằm tạo điều kiện để các công ty sản xuất và sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường. Chẳng hạn như các chính sách khuyến khích sử dụng xe điện, sản phẩm thân thiện với môi trường và phát triển công nghệ tái chế. Ngoài ra, Singapore cũng tăng cường hợp tác giữa các bộ phận và tầng lớp của xã hội từ chính phủ đến doanh nghiệp và cộng đồng, giúp Singapore đạt được kết quả tốt trong việc phát triển kinh tế tuần hoàn.

#### **Tất yếu khách quan phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam**

Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức về môi trường và tài nguyên. Sự lãng phí tài nguyên, ô nhiễm môi trường, thiếu hụt tài nguyên và biến đổi khí hậu đang trở thành những vấn đề ngày càng nghiêm trọng và đòi hỏi các biện pháp cứng rắn để giải quyết.

Phát triển kinh tế tuần hoàn là một giải pháp để giảm thiểu sự lãng phí tài nguyên, tăng cường sử dụng tài nguyên và vật liệu tái chế, giảm thiểu tác động của hoạt động kinh tế lên môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu thiệt hại do sự biến đổi khí hậu. Nếu Việt Nam phát triển kinh tế tuần hoàn, chúng ta có thể tạo ra nhiều giá trị

tăng thêm và cải thiện chất lượng cuộc sống của con người.

Ngoài ra, phát triển kinh tế tuần hoàn cũng là cơ hội để tăng cường sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường toàn cầu, tạo ra nhiều việc làm mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Việt Nam đã cụ thể hóa quan điểm về kinh tế tuần hoàn theo hai khía cạnh chính:

Xây dựng nền kinh tế với sự tham gia tích cực của các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, các cộng đồng và người dân, tạo nên sự kết nối chặt chẽ giữa các ngành, các địa phương, giữa sản xuất, cung cấp dịch vụ và tiêu dùng.

Thúc đẩy việc sử dụng các nguồn lực và tài nguyên hiệu quả hơn thông qua các biện pháp như tăng cường sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên tái chế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến để tiết kiệm nguồn lực, tối ưu hóa quy trình sản xuất và sử dụng tài nguyên, hạn chế lãng phí và ô nhiễm môi trường.

Việt Nam cũng đưa ra mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn trong những năm tới, bao gồm:

Nâng cao năng lực sản xuất và tiêu dùng theo hướng tiết kiệm tài nguyên, hiệu quả và bền vững. Xây dựng và phát triển các chuỗi giá trị tuần hoàn, tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp, các ngành và các địa phương, tạo ra sự kết nối chặt chẽ giữa sản xuất, cung cấp dịch vụ và tiêu dùng.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, tăng cường nghiên cứu và phát triển các giải pháp tiên tiến để tiết kiệm tài nguyên và tối ưu hóa quy trình sản xuất và sử dụng tài nguyên.

Những cụm từ và khái niệm được đề cập trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã thể hiện rõ

quan điểm của Việt Nam về phát triển kinh tế tuần hoàn và những hướng đi cụ thể để thực hiện mục tiêu này trong tương lai.

Do đó, phát triển kinh tế tuần hoàn là một yêu cầu tất yếu đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, và là một trong những hướng đi quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước. Hiện nay, Việt Nam đang đối mặt với nhiều thời cơ và thách thức để thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, bao gồm:

#### *Về thời cơ*

Tăng cường nhu cầu của thị trường: Ngày càng có nhiều người tiêu dùng quan tâm đến việc mua hàng hoá và dịch vụ có tác động thấp đến môi trường. Việt Nam có thể tận dụng thời cơ này để phát triển các sản phẩm và dịch vụ tái chế, tái sử dụng, giảm thiểu lượng chất thải.

Chính sách hỗ trợ từ chính phủ: Chính phủ Việt Nam đang thúc đẩy các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát triển kinh tế tuần hoàn như giảm thuế, hỗ trợ tài chính và đào tạo. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp có thêm nguồn lực để đầu tư vào phát triển kinh tế tuần hoàn.

Nhu cầu đầu tư của các nhà đầu tư: Với các nhà đầu tư quan tâm đến việc đầu tư vào kinh tế xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn có thể là một lĩnh vực hấp dẫn.

#### *Về thách thức*

Thiếu nhân lực có chuyên môn về kinh tế tuần hoàn: Việc thiếu hụt nhân lực có chuyên môn về kinh tế tuần hoàn là một trong những thách thức lớn nhất đối với Việt Nam. Điều này làm cho việc tìm kiếm nhân lực phù hợp để triển khai các dự án phát triển kinh tế tuần hoàn trở nên khó khăn.

Hạn chế về công nghệ: Việc thiếu hụt công nghệ và sự phát triển chậm chạp của ngành

công nghiệp 4.0 là một thách thức đối với Việt Nam trong triển khai kinh tế tuần hoàn. Việc cập nhật công nghệ mới và triển khai các dự án mới có thể tăng chi phí đầu tư và cần phải đảm bảo rằng các công nghệ này có thể được sử dụng hiệu quả tại Việt Nam.

Ý thức của người tiêu dùng: Ý thức của người tiêu dùng vẫn chưa cao về việc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ kinh tế tuần hoàn. Việc tăng cường giáo dục và tạo ra những chính sách thúc đẩy sử dụng các sản phẩm và dịch vụ kinh tế tuần hoàn là cần thiết để tăng cường nhận thức và ý thức của người tiêu dùng.

Quản lý chất thải: Việc quản lý chất thải vẫn còn là một thách thức lớn đối với Việt Nam. Hiện nay, một số địa phương vẫn đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường do chất thải không được xử lý đúng cách. Việc nâng cao khả năng quản lý chất thải và tăng cường giám sát là rất cần thiết để đảm bảo phát triển kinh tế tuần hoàn được thực hiện hiệu quả và bảo vệ môi trường.

#### **Một số gợi ý cho Việt Nam từ các bài học kinh nghiệm quốc tế về phát triển nền kinh tế tuần hoàn**

*Một là*, tập trung vào giảm thiểu lãng phí và tăng cường sử dụng tài nguyên: Việt Nam cần đưa ra các chính sách và giải pháp để giảm thiểu lãng phí và tăng cường sử dụng tài nguyên, chẳng hạn như hạn chế sử dụng túi ni lông, thúc đẩy việc sử dụng sản phẩm tái chế và phát triển công nghệ tái chế tiên tiến.

*Hai là*, xây dựng hệ thống quản lý rác hiệu quả: Việt Nam cần đầu tư mạnh vào hệ thống thu gom và xử lý rác, đảm bảo các quy trình kinh tế tuần hoàn được thực hiện hiệu quả và an toàn cho môi trường. Ngoài ra, Việt Nam cũng cần thúc đẩy phát triển

công nghệ tái chế để tận dụng tối đa tài nguyên.

*Ba là*, khuyến khích sản xuất và sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường: Việt Nam cần tạo điều kiện để các công ty sản xuất và sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường.

*Bốn là*, tăng cường hợp tác giữa các bộ phận và tầng lớp của xã hội: Việt Nam cần thúc đẩy sự hợp tác giữa các bộ phận và tầng lớp của xã hội, từ chính phủ đến doanh nghiệp và cộng đồng. Các chính sách như chính sách giảm thiểu lãng phí được phát triển với sự hợp tác của các bộ phận này sẽ giúp Việt Nam đạt được kết quả tốt trong việc phát triển kinh tế tuần hoàn. Nâng cao nhận thức và giáo dục cho cộng đồng về kinh tế tuần hoàn. Việc tạo ra nhận thức đúng đắn về các vấn đề liên quan đến mô hình kinh tế tuần hoàn sẽ giúp đẩy mạnh sự tham gia và hỗ trợ từ phía cộng đồng.

*Năm là*, xây dựng cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho kinh tế tuần hoàn: Các cơ quan quản lý nhà nước cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng thu gom, xử lý và tái chế rác, đồng thời phát triển các chính sách khuyến khích sử dụng sản phẩm và dịch vụ tái chế. Điều này giúp đảm bảo quy trình tái chế và xử lý rác được thực hiện hiệu quả và an toàn cho môi trường. Đồng thời, thiết lập các quy định và tiêu chuẩn đánh giá cho kinh tế tuần hoàn, giúp tạo ra một hệ thống đánh giá và quản lý chất lượng cho sản phẩm và dịch vụ tuần hoàn, đồng thời giúp đẩy mạnh việc sử dụng sản phẩm và dịch vụ này.

*Sáu là*, xây dựng chiến lược và cam kết của doanh nghiệp để thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn. Bao gồm việc đưa ra cam kết về việc giảm thiểu lãng phí tài nguyên, tăng cường sử dụng sản phẩm và dịch vụ tuần hoàn, tạo ra



sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường. Thực hiện nghiên cứu, phát triển sản phẩm và dịch vụ tuần hoàn để đáp ứng nhu cầu của thị trường giúp cải thiện chất lượng và giá trị của sản phẩm dịch vụ này. Xây dựng mối quan hệ với đối tác và nhà cung cấp giúp đảm bảo nguồn cung và giúp giảm chi phí sản xuất. Các doanh nghiệp cần tìm kiếm các giải pháp tài chính và hỗ trợ để thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn. Bao gồm các chính sách khuyến khích đầu tư, tài trợ cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm và dịch vụ tuần hoàn.

### Kết luận

Chuyển dịch từ kinh tế tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn đang là xu thế chung của toàn cầu và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Đó là cách tốt nhất để giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và các ảnh hưởng tiêu cực tới cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm và suy thoái môi trường. Hay nói một cách khác,

không còn phải đánh đổi giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, thực hiện được đồng thời nhiều mục tiêu của phát triển bền vững. Để thực hiện được định hướng này, đòi hỏi phải có sự nỗ lực của mọi thành phần trong xã hội. Đặc biệt, việc học hỏi các mô hình các quốc gia như Thủy Điển, Hà Lan, Singapore... là cần thiết. Đồng thời, rút ra bài học kinh nghiệm vận dụng vào thực tiễn Việt Nam như: Tập trung vào giảm thiểu lãng phí và tăng cường sử dụng tài nguyên; Xây dựng hệ thống quản lý rác hiệu quả; Khuyến khích sản xuất và sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường; Khuyến khích sản xuất và sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn một cách có hiệu quả và bền vững./.

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Đáp(2021) "Kinh tế tuần hoàn: Những vấn đề lý luận và thực tiễn"<https://tapchinganhang.gov.vn/kinh-te-tuan-hoan-nhung-van-de-ly-luan-va-thuc-tien.htm>

2. Trần Hồng Hà (2021). Phát triển kinh tế tuần hoàn để quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên. Báo Nhân dân Điện tử, <https://nhandan.vn/dang-va-cuoc-song/phan-trien-kinh-te-tuan-hoan-de-quan-ly-va-su-dung-hieu-qua-nguon-tai-nguyen-641799/>

3. Trương Thị Mỹ Nhân (2019). Kinh nghiệm xây dựng nền kinh tế tuần hoàn và các điều kiện để chuyển đổi ở Việt Nam. Tạp chí Tài chính, kỳ 1 tháng 12/2019.

4. Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường (2020). Nghiên cứu, đánh giá, đề xuất các mô hình phát triển nền kinh tế tuần hoàn phù hợp với Việt Nam trong bối cảnh thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Bùi Quan Trung, Phạm Hữu Năm (2020). Một số giải pháp thúc đẩy phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam, Tạp chí Tài chính, kỳ 2 tháng 6/2020.

6. Phạm Sơn (2021) "Lồng ghép kiến thức về kinh tế tuần hoàn vào giáo dục" <https://theleader.vn/long-ghep-kien-thuc-ve-kinh-te-tuan-hoan-vao-giao-duc-1620373340807.htm>

## SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP...

(Tiếp theo trang 25)

Ưu tiên hoàn chỉnh chuỗi giá trị cho các ngành hàng chủ lực quốc gia, hỗ trợ xây dựng chuỗi giá trị cho ngành hàng chủ lực của các địa phương.

Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường như: Nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ

môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyển giao công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...).

Bên cạnh đó, Chiến lược cũng đã đưa ra các giải pháp chính, trong đó có những giải pháp đáng chú ý trong sản xuất nông nghiệp gắn với BVMT như: Phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sinh thái: Áp dụng các quy trình sản xuất thân thiện môi trường, bảo vệ cảnh quan; sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư và tài nguyên đầu vào, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, sức khỏe con người; tôn trọng và vận dụng các quy luật tự nhiên để phát triển nông nghiệp thuận thiên, đa dạng. Chuyển từ ngành sản xuất sang phát triển nền kinh tế nông nghiệp. Từ phạm vi sản xuất nông nghiệp sang tích hợp đa ngành dịch vụ, công nghiệp; từ đơn giá trị nông sản sang tích hợp sản phẩm

đa giá trị. Ưu tiên nghiên cứu phát triển hệ thống sản xuất sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính; phát triển công nghệ chế biến sâu, công nghệ bảo quản, giảm tổn thất, lãng phí trong hệ thống lương thực, thực phẩm. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng. Phát triển thủy lợi đa mục tiêu, ưu tiên các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, cây trồng cạn, vùng sản xuất công nghệ cao, gắn với xây dựng đồng ruộng. Ứng dụng công nghệ quản lý và sử dụng nước hiệu quả để tưới tiết kiệm nước. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh./.

# Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2022

Thu Hiền

**Để đánh giá mức sống dân cư phục vụ hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, từ năm 1993 đến nay, Tổng cục Thống kê đã tiến hành nhiều cuộc điều tra mức sống dân cư. Khảo sát mức sống dân cư năm 2022 được tiến hành theo Quyết định số 939/QĐ-TCTK ngày 30/8/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.**

**N**hằm phục vụ nhu cầu của người sử dụng thông tin thống kê về mức sống dân cư Việt Nam năm 2022, Tổng cục Thống kê biên soạn và phát hành ấn phẩm **“Kết quả Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2022”**.

Ấn phẩm gồm 2 phần lớn:

Phần I: Tổng quan mức sống dân cư Việt Nam năm 2022; trong đó bao gồm các nội dung về: Một số đặc điểm nhân khẩu học cơ bản liên quan đến mức sống; Giáo dục; Y tế và chăm sóc sức khỏe; Việc làm và thu nhập; Chi tiêu; Nhà ở, điện, nước, phương tiện vệ sinh và đồ dùng lâu bền; Giảm nghèo; Các đặc điểm chung của xã; Nhận xét chung.

Phần II: Kết quả số liệu tổng hợp về Khảo sát mức sống dân cư năm 2022; trong đó có các biểu số liệu về nhóm các chỉ tiêu thống kê về mức sống dân cư như ở phần I, được chia thành các mục cụ thể sau: Một số đặc điểm nhân khẩu học cơ bản liên quan đến mức sống; Giáo dục; Y tế và chăm sóc sức khỏe; Lao động - việc làm; Thu nhập; Chi tiêu; Đồ dùng lâu bền; Nhà ở, điện, nước, phương tiện vệ sinh; Tham gia các chương trình xóa đói giảm nghèo; Ngành nghề sản xuất kinh doanh của hộ; Các đặc điểm chung của xã.

Ấn phẩm cho biết, KSMS được tổ chức, triển khai theo đúng nội dung của phương án và quy trình

sản xuất thông tin thống kê cấp cao. KSMS 2022 được triển khai trên phạm vi cả nước với quy mô mẫu 46.995 hộ ở 3.133 xã/phường đại diện cho cả nước, các vùng, khu vực thành thị, nông thôn và tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Mẫu khảo sát phân bổ cho 12 kỳ để tổ chức thu thập thông tin hàng tháng, bằng phương pháp điều tra viên phỏng vấn trực tiếp chủ hộ, các thành viên hộ và cán bộ chủ chốt của xã có địa bàn khảo sát.

Một số kết quả được trình bày trong ấn phẩm đó là: Nhân khẩu bình quân 1 hộ năm 2022 là 3,6 người, số người trong độ tuổi lao động bình quân 1 hộ là 2,1 người. So với năm 2020, quy mô hộ và số người trong độ tuổi lao động không thay đổi. Tỷ lệ phụ thuộc tăng từ 0,69 năm 2020 lên 0,72 năm 2022.

Năm 2022, tỷ lệ đi học đúng tuổi các cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông lần lượt là 95,8%, 90,6% và 77,2%. Trong vòng 10 năm từ năm 2012-2022, các tỷ lệ đi học đúng tuổi đều có xu hướng tăng, đặc biệt là tỷ lệ đi học đúng tuổi trung học phổ thông, tăng từ 59,4% năm 2012 lên 77,2% năm 2022. Đầu tư cho giáo dục của hộ gia đình cũng ngày càng cải thiện, thể hiện ở chi giáo dục, đào tạo bình quân cho 1 người trong 1 năm đi học. Tỷ lệ

người có khám, chữa bệnh trong 12 tháng của năm 2022 là 27,7%, giảm 9,2% so với năm 2020. Năm 2022, có 89,2% người có thẻ bảo hiểm y tế hay sổ/thẻ/giấy khám chữa bệnh miễn phí. Không có sự khác biệt về tiếp cận thẻ bảo hiểm y tế hay sổ/thẻ/giấy khám chữa bệnh miễn phí giữa khu vực, vùng, mức sống và giới tính.

Năm 2022, 10,3% dân số hoạt động kinh tế trong độ tuổi lao động là lao động thanh niên có độ tuổi từ 15-24; 18,7% là lao động có độ tuổi từ 50 trở lên. Thu nhập bình quân 1 người/tháng theo giá hiện hành đạt 4,67 triệu đồng, tăng 11,2% so với năm 2021. Chi tiêu bình quân đầu người một tháng xấp xỉ 2,8 triệu đồng, giảm 3,3% so với năm 2020; trong đó, chi tiêu đời sống chiếm tỷ lệ cao trong tổng chi tiêu bình quân đầu người của hộ gia đình, khoảng 2,7 triệu đồng (chiếm tới 95,5% trong tổng chi tiêu hộ gia đình).

Giai đoạn 2012-2022, chất lượng nguồn nước sinh hoạt của hộ gia đình không ngừng được nâng cao; tỷ lệ hộ có nguồn nước hợp vệ sinh năm 2022 là 98,3%, tăng 0,9% so với năm 2020 và tăng 7,3% so với năm 2012. Kết quả khảo sát cho thấy, hệ thống điện lưới quốc gia đã phủ sóng gần như đến từng hộ gia đình, vùng miền. Từ năm 2012, tỷ lệ hộ sử dụng điện sinh hoạt đã đạt mức 97,6%;

# ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CON ĐƯỜNG ĐƯA ẤN ĐỘ TRỞ THÀNH NỀN KINH TẾ LỚN THỨ BA THẾ GIỚI

Bích Ngọc

đến năm 2020 và 2022 cùng đạt mức 99,9%. Cả nước có 99,9% hộ gia đình sử dụng đồ dùng lâu bền phục vụ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày; tỷ lệ này đạt 100% ở khu vực thành thị, một số vùng kinh tế phía Bắc và các hộ gia đình có thu nhập ở nhóm trung bình trở lên.

Đáng chú ý, theo thông tin từ ấn phẩm, năm 2022 là năm đầu tiên áp dụng chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 với chuẩn nghèo thu nhập và 6 chiều dịch vụ xã hội cơ bản tương ứng với 12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ cơ bản. Theo chuẩn nghèo mới, toàn quốc có 4,2% hộ nghèo đa chiều; trong đó, Trung du và miền núi phía Bắc là vùng có tỷ lệ nghèo đa chiều cao nhất cả nước với 12,8%, Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ nghèo thấp nhất cả nước với lần lượt 0,4% và 0,9%.

Các kết quả được trình bày trong ấn phẩm là những thông tin thống kê quan trọng, có giá trị cao, góp phần củng cố cho những hoạch định, chính sách phát triển kinh tế - xã hội đất nước và đáp ứng nhu cầu của người dùng tin. Ấn phẩm được biên soạn và trình bày song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh để thuận tiện cho độc giả trong và ngoài nước có thể nghiên cứu, tìm hiểu thông tin./.

Năm 2019, GDP của Ấn Độ đạt 2,94 nghìn tỷ USD, đã vượt qua Anh (GDP 2,83 nghìn tỷ USD) và Pháp (GDP 2,71 nghìn tỷ USD) để trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới.

Với đà tăng trên, Ấn Độ từng bước biến giấc mơ “trở thành công xưởng của thế giới” thành hiện thực, với việc thực hiện hàng loạt cải tổ trong các năm qua để mở đường cho tăng trưởng vững chắc.

Đặc biệt trong suốt thời gian đại dịch Covid-19, thời điểm mà khu vực kinh tế tư nhân gặp khó, Ấn Độ vẫn mạnh tay chi hàng tỷ USD cho cơ sở hạ tầng như làm đường bộ, xây cảng, sân bay, hải cảng, đường sắt, mạng lưới cung cấp điện... Chỉ riêng ngân sách năm 2023, quốc gia này đã rót 120 tỷ USD cho các dự án chi tiêu nhằm thúc đẩy kinh tế. Trong giai đoạn 2014 - 2022, Ấn Độ đã bổ sung 50.000 km vào hệ thống đường sắt quốc gia. Với chính sách này, tốc độ xây dựng các dự án cao tốc trên cả nước đã tăng gấp đôi so với 9 năm trước.

Cũng trong những năm qua, Ấn Độ còn tích cực thực hiện chiến lược số hóa nền kinh tế, nhằm giảm nhiều rào cản với hoạt động kinh doanh, giúp người dân Ấn Độ hưởng lợi từ thành tựu kinh tế của đất nước, từ đó làm thay đổi đáng kể cuộc sống của người dân và doanh nghiệp nước này.

Ví dụ như chương trình định danh cá nhân Aadhaar đã thay đổi cuộc sống của hàng triệu người Ấn Độ, khi giúp họ lần đầu được xác thực danh tính. Hiện tại, đây là cơ sở dữ liệu sinh trắc học lớn nhất thế giới, bao quát hầu hết dân số 1,4 tỷ người của Ấn Độ. Nó cũng giúp Chính phủ tiết kiệm hàng triệu USD, khi giảm tham nhũng trong các chính sách an sinh xã hội.

Một chương trình khác là UPI (Unified Payments Interface) - chương trình thanh toán bằng cách quét mã QR được người dân sử dụng ngày càng phổ biến. Thủ tướng Modi cho biết, nhờ cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, Ấn Độ đã đạt mục tiêu tài chính bao trùm chỉ trong 6 năm, thay vì ít nhất 47 năm.

Các công ty Ấn Độ cũng đầu tư rất nhiều cho chuyển đổi số. Các tập đoàn đa ngành hàng đầu nước này như Reliance Industries của Mukesh Ambani và Andani Group của Gautam Adani cũng đã chi hàng tỷ USD cho công nghệ 5G và nhiên liệu sạch.

Bên cạnh các chính sách trên, Ấn Độ đặc biệt chú trọng đẩy mạnh đầu tư máy móc, dây chuyền sản xuất và cơ sở hạ tầng cho nền sản xuất trong nước để thu hút đầu tư FDI. Ấn Độ đã công bố chương trình khuyến khích sản xuất trị giá 26 tỷ USD để thu hút các doanh nghiệp mở nhà máy trong 14 lĩnh vực, từ điện tử, xe hơi đến dược phẩm và thiết bị y tế. Kết quả là một số doanh nghiệp lớn, như Foxconn, Amazon, Microsoft, Verizon, Nokia, Cisco... đã mở rộng hoạt động đáng kể tại Ấn Độ.

Với chiến lược đúng đắn, năm 2023, Ấn Độ giữ vững vị trí nền kinh tế lớn thứ năm thế giới với GDP 3.700 tỷ USD và nổi lên là nền kinh tế chất lượng cao khi có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất năm vừa qua với mức 7,6% dù cho kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng toàn cầu chỉ 2,6%. Đáng chú ý, trong khi thị trường chứng khoán thế giới lao đao và suy giảm thì thị trường chứng khoán Ấn Độ lập các kỷ lục mới. Giá trị vốn hóa của doanh nghiệp trên các sàn chứng khoán đã vượt 4.000 tỷ USD vào cuối năm ngoái. Hiện những doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa giữ vị trí xương sống

trong nền kinh tế Ấn Độ, chiếm 95% số doanh nghiệp, tạo ra 30% GDP, chiếm hơn một nửa giá trị xuất khẩu và sử dụng 110 triệu lao động trực tiếp. Thị trường tiêu dùng nội địa nước này cũng đang phát triển rất nhanh cùng các ngành Công nghiệp lớn mạnh - là yếu tố, về lâu dài sẽ thu hút dòng vốn đầu tư toàn cầu.

Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đặt mục tiêu GDP đạt 5.000 tỷ USD năm 2025. Do đó, trong năm 2024 cũng như thời gian tới, Ấn Độ sẽ tiếp tục tập trung phát triển sản xuất công nghiệp bằng việc đầu tư cơ sở hạ tầng logistics, tăng chi tiêu để xây dựng đường sá, bến cảng và sân bay, đặt nền móng giúp các doanh nghiệp hoạt động dễ dàng hơn. Chính phủ Ấn Độ cũng chuẩn bị mọi điều kiện thuận lợi, nới lỏng các quy định về FDI để thu hút các công ty toàn cầu, để hiện thực hóa mục tiêu trở thành nền kinh tế sản xuất công nghiệp, tiệm cận mục tiêu đưa Ấn Độ trở thành một trung tâm sản xuất lớn của thế giới.

Ấn Độ đồng thời công bố ngân sách tạm thời cho năm tài chính 2024-2025 với mục tiêu phân bổ chi tiêu 3,4% GDP, cao hơn 16,9% so với ước tính năm tài chính 2023-2024.

Đặc biệt, sau gần 16 năm đàm phán, tháng Ba vừa qua, Ấn Độ và Hiệp hội Thương mại tự do châu Âu (EFTA) gồm 4 thành viên Iceland, Liechtenstein, Na Uy và Thụy Sĩ đã ký Hiệp định Đối tác Kinh tế và Thương mại (TEPA). Theo đó, Ấn Độ nhận được cam kết đầu tư 100 tỷ USD trong 15 năm tới. Bộ trưởng Thương mại Ấn Độ Piyush Goyal cho biết, đây là hiệp định thương mại hiện đại đầu tiên của Ấn Độ với một khối gồm các nước phát triển. Việc ký kết hiệp định là một "thời điểm bước ngoặt", giúp Ấn Độ thu hút thêm đầu tư nước ngoài từ EFTA.

Với nhiều tập đoàn đa quốc gia hướng tới quốc gia tỷ dân ở Nam Á, Ấn Độ còn đặt mục tiêu thu hút 100 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mỗi năm trong 5 năm tới. Mục tiêu này cao hơn nhiều so với mức trung bình hàng năm là hơn 70 tỷ USD vốn FDI mà Ấn Độ thu hút các nhà đầu tư nước ngoài trong 5 năm qua (tính đến tháng 3/2023). Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi còn đặt mục tiêu xuất khẩu hàng năm của Ấn Độ đạt 1 nghìn tỉ USD vào năm 2030.

Đặc biệt, với những yếu tố trên, Bộ Tài chính Ấn Độ tự tin dự báo nước này dự kiến trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới vào năm 2028, với GDP đạt 5.000 tỷ USD, vượt qua cả Đức và Nhật Bản. Đây cũng là cam kết của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đưa ra trước thêm cuộc tổng tuyển cử của nước này bắt đầu từ ngày 19/4 sắp tới nếu ông giành được nhiệm kỳ thứ 3 liên tiếp.

Một số tổ chức quốc tế nhận định nền kinh tế Ấn Độ thực sự có khả năng đạt được mức tăng trưởng như dự kiến. Đánh giá của IMF mới đây cho rằng, Ấn Độ sẽ là điểm sáng của kinh tế châu Á với tăng trưởng ổn định ở mức 6,5% trong hai năm 2024-2025. IMF cũng dự đoán nước này có thể đạt vị trí là nền kinh tế lớn thứ ba thế giới sớm nhất là năm 2027. Khi đó, GDP Ấn Độ sẽ là 5.430 tỷ USD, xếp trên Đức - 5.330 tỷ USD và Nhật Bản - 4.570 tỷ USD.

Trong khi đó, đầu tháng 3/2024, cơ quan xếp hạng toàn cầu Moody's dự báo tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ năm 2024 lên 6,8%, cao hơn mức dự báo 6,1% trước đó, trong bối cảnh dữ liệu kinh tế năm 2023 "mạnh hơn dự kiến" và những cơn gió ngược kinh tế toàn cầu đang giảm dần. Đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng GDP của Ấn Độ ước tính đạt 6,4%.

Hãng xếp hạng tín nhiệm S&P Global cũng kỳ vọng Ấn Độ sẽ là nền kinh tế lớn tăng trưởng nhanh nhất trong 3 năm tới, trước khi vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới. Theo dự báo của S&P Global, tăng trưởng GDP của Ấn Độ được sẽ tăng lên 6,9% trong năm tiếp theo và đạt mức 7% vào năm tài chính 2026-2027.

Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này, S&P Global cũng chỉ ra một số vấn đề mà Ấn Độ cần phải giải quyết là phát triển cơ sở hạ tầng logistics để biến quốc gia này từ một nền kinh tế dựa nhiều vào dịch vụ chuyển dịch sang nền kinh tế tập trung sản xuất, qua đó đưa Ấn Độ trở thành trung tâm sản xuất lớn tiếp theo của thế giới. Bên cạnh đó, Ấn Độ sẽ cần phát triển thêm nguồn nhân lực của mình như nâng cao trình độ của người lao động cũng như tăng cường sự tham gia của lao động nữ vào thị trường lao động. Ấn Độ hiện đang có lợi thế từ nguồn lao động trẻ dồi dào và nếu tận dụng tốt lợi thế này sẽ giúp cho nền kinh tế Ấn Độ có những bước chuyển mình đáng kể.

Các chuyên gia kinh tế còn cho rằng, Ấn Độ cũng cần nhanh chóng tư nhân hóa một số doanh nghiệp thuộc khu vực công, đặc biệt là các ngân hàng có lịch sử lâu dài nhưng lợi nhuận thấp. Cải cách thuế cần được ưu tiên khi các doanh nghiệp thường xuyên phàn nàn về một hệ thống phức tạp, thiếu minh bạch.

Có thể thấy, tập trung phát triển sản xuất công nghiệp, chuyển đổi số là con đường chính để đưa Ấn Độ đến với mục tiêu trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới. Cả thế giới đều đang dõi theo Ấn Độ và nước này có thể đi đến đích hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố cả trong nước và quốc tế./.



# NHỮNG ĐIỂM NHẤN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở LẠNG SƠN

## Những kết quả ấn tượng

Năm 2023, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với quyết tâm chính trị cao, cùng sự năng động, sáng tạo trong công tác chỉ đạo, điều hành, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn cơ bản ổn định và có bước phát triển tốt. Nổi bật, tốc độ tăng GRDP đạt 7,0%, xếp thứ 5 trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Thu ngân sách nhà nước 7.806,5 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 2.700 tỷ đồng, vượt 22,7% dự toán năm 2023.

Bằng sự linh hoạt, chủ động trong các hoạt động đối ngoại, Lạng Sơn đã khôi phục hoạt động thông quan tại một số cửa khẩu chủ lực, quan trọng, nâng tổng số cửa khẩu hoạt động trên địa bàn tỉnh lên 07/12 cửa khẩu. Tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu qua địa bàn tỉnh tăng mạnh, đạt 4.780 triệu USD, tăng 56,2%. Tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu của tất cả các loại hình đạt 52,028 tỷ USD, tăng 85,12% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong điều kiện khó khăn về nguồn lực đầu tư, Lạng Sơn là một trong bảy cơ quan, đơn vị trên toàn quốc đạt giải thưởng "Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc" năm 2023, khi xếp thứ 2 toàn quốc về số lượng sản phẩm được đưa lên sàn thương mại điện tử, đứng thứ 4 toàn quốc về số giao dịch thành công, đứng thứ 3 toàn quốc về tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số. Nền tảng cửa khẩu số được duy trì ổn định, 100% phương tiện chờ hàng khai báo



Lạng Sơn cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch, bình đẳng để thu hút đầu tư

trực tuyến và được xử lý trên Nền tảng cửa khẩu số trước khi vào cửa khẩu Hữu Nghị và Tân Thanh.

Công tác giải phóng mặt bằng được tập trung triển khai quyết liệt, UBND tỉnh thường xuyên tổ chức họp chuyên đề đánh giá tiến độ thực hiện theo định kỳ hàng tháng, quý, công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là các dự án hạ tầng giao thông có tính liên vùng được triển khai quyết liệt, đã phê duyệt Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT (dự kiến khởi công trong năm 2024); phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải khởi công dự án Nâng cấp đoạn Km18 - Km80, Quốc lộ 4B thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Các lĩnh vực về văn hóa, xã hội được triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả; công tác an sinh xã hội được quan tâm, thực hiện tốt, đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Các giải pháp ổn định, phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm cho người lao động

tiếp tục được triển khai hiệu quả, giải quyết việc làm mới cho khoảng 17 nghìn lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 6,02%.

## Bước tiến mới trong thu hút đầu tư

Lạng Sơn là một trong những cửa ngõ quan trọng trong hành trình kết nối ASEAN với các tỉnh miền Tây của Trung Quốc. Đây là lợi thế rất lớn để Lạng Sơn thu hút đầu tư, thúc đẩy khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, nhất là về phát triển dịch vụ vận tải và logistics, du lịch, nông lâm nghiệp, công nghiệp điện, chế biến chế tạo...

Xác định rõ tiềm năng, lợi thế cũng như vị thế của Lạng Sơn, trong năm qua, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn tham mưu cho UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 135-NQ/TU ngày 09/11/2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hút đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước



trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2030. Tỉnh cũng đã ban hành một số chính sách hỗ trợ các nhà đầu tư ngay từ khi quan tâm, bằng cách hỗ trợ thủ tục đầu tư, hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, Tỉnh cũng đã có một số chính sách riêng cho các ngành nghề cụ thể như dự án cụm công nghiệp, dự án chợ nông thôn, các dự án lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Ngoài ra, Lạng Sơn cũng đã kiện toàn hệ thống Tổ hỗ trợ đầu tư, bao gồm thành viên các sở, ban, ngành cũng như các Tổ tại các huyện/thành phố trong thực hiện mục tiêu chung là đồng hành, hỗ trợ các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư, tháo gỡ vướng mắc khó khăn.



Một góc thành phố Lạng Sơn hôm nay

Bên cạnh đó, Lạng Sơn cũng thành công trong cải thiện chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Theo công bố của VCCI, năm 2022 với điểm tổng hợp đạt 67,88 điểm, tỉnh Lạng Sơn xếp thứ 15/63 tỉnh, thành trong cả nước, tăng 21 bậc so với năm 2021. Nhờ vậy, bức tranh thu hút đầu tư của địa phương đã thực sự khởi sắc. Nhiều nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại Lạng Sơn, trong đó có nhiều nhà đầu tư lớn từ các nước Đức, Hàn, Nhật, Trung Quốc. Các tập đoàn lớn trong nước đã đến đầu tư tại Lạng Sơn như Vingroup, Sun Group, Sovico, APEC, VSIP, một số tập đoàn khác đang mong muốn được đầu tư như Viglacera, T&T, TH True Milk... Kết quả, năm 2023, Lạng Sơn đã thu hút 15 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 6.922 tỷ đồng; thành lập mới 762 doanh nghiệp, tăng 56% so với cùng kỳ, với tổng vốn đăng ký là 7.171 tỷ đồng, tăng 34%. Điểm nhấn nổi bật nhất trong năm qua, đó là Khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn với quy mô gần 600ha với tổng số vốn đầu tư 6.361,3 tỷ đồng đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. Khi đưa vào đưa vào vận hành, khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn sẽ thúc đẩy thu hút đầu tư, tạo nhiều việc làm cho người dân, tăng thu ngân sách, thúc đẩy phát triển dịch vụ cho địa phương./.

**Trịnh Long**

**N**ăm 2023, giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản của tỉnh Lạng Sơn (theo giá hiện hành) đạt khoảng 12 nghìn tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng ngành đạt 6,55% (đây là tốc độ cao nhất trong 5 năm gần đây, đứng thứ 3 cả nước về tăng trưởng ngành nông nghiệp năm 2023). Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 69,76 triệu đồng/ha, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Các cây trồng có giá trị kinh tế tiếp tục được phát triển, mở rộng diện tích, cụ thể: Vùng Thạch đen diện tích ổn định khoảng 3.000 ha/năm; vùng Na diện tích trên 4.400 ha; vùng cây Thông với diện tích 137.025 ha; vùng Hối diện tích trên 38.000 ha; vùng Quế được mở rộng, phát triển lên 9.000 ha. Các cây trồng chủ lực này đã mang lại giá trị kinh tế cao như: Na tổng giá trị ước đạt 1.600 tỷ đồng; Ớt 655 tỷ đồng; Thạch đen 360 tỷ đồng; Hối 2.250 tỷ đồng; Nhựa thông 1.700 tỷ đồng; Gỗ tròn 700 tỷ đồng.

Nhiều mặt hàng nông, lâm sản đặc sản của Tỉnh đã có thương hiệu và khẳng định vị trí trên thị trường, có thị trường xuất khẩu lớn, như: Thạch đen xuất khẩu sang Trung Quốc, Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, Đài Loan và Hồng Kông; gỗ xuất khẩu sang Trung Quốc, Hàn Quốc và Ấn Độ; Hoa Hối xuất khẩu sang Trung Quốc, Ấn Độ và Bỉ,....

Chương trình mỗi xã một sản phẩm được chỉ đạo theo hướng nâng cao thương hiệu và giá trị sản phẩm, đến nay, tổng số sản phẩm OCOP được công nhận của Tỉnh là 147 sản phẩm (23 sản phẩm 4 sao; 124 sản phẩm 3 sao). Tỉnh đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng mã vùng trồng phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, đến nay, trên địa bàn Tỉnh, tổng số vùng trồng được cấp mã số là 212 mã với diện tích 1.174 ha, 12 cơ sở đóng gói được chứng nhận. Sản phẩm Thạch đen của Tỉnh được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc.

Đặc biệt, các chính sách hỗ trợ phát triển các chuỗi liên kết trong sản xuất nông, lâm nghiệp của Tỉnh đã phát huy hiệu quả cao, giúp người dân, doanh nghiệp có thêm nguồn lực để đầu tư sản xuất, thay đổi tập quán, phương thức sản xuất theo hướng phát triển bền vững, đồng thời mở rộng diện tích vùng sản xuất tập trung.

Đơn cử, trong lĩnh vực lâm nghiệp, việc hình thành chuỗi liên kết trong sản xuất lâm nghiệp đã góp phần tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm, nâng thu nhập cho người sản xuất, thúc đẩy tốc độ tăng giá trị tăng thêm của ngành lâm nghiệp. Cụ thể, tốc độ tăng giá trị tăng thêm của ngành lâm nghiệp trong năm 2022 là 20,09%/năm (tăng 13,16% so với năm 2019),



# LẠNG SƠN: KẾT QUẢ TÍCH CỰC TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG, LÂM NGHIỆP

Những năm qua, tỉnh Lạng Sơn đã đạt được những kết quả tích cực trong phát triển nông nghiệp, các chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Tỉnh tiếp tục phát huy hiệu quả.



*Các sản phẩm từ hoa hồi Lạng Sơn được giới thiệu và bán tại nhiều hội chợ*

giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng từ 3.447 tỷ đồng (năm 2019) lên hơn 4.163 tỷ đồng (năm 2022).

Đến hết năm 2022, tỉnh Lạng Sơn đã có 10 chuỗi liên kết sản xuất, đó là: Dầu sớ xứ Lạng (Công ty TNHH MTV OCEAN LINE); gạo Bao thai (Hợp tác xã nông sản sạch Tràng Định); thạch Chu Hạnh (hộ kinh doanh Chu Thị Hạnh); dầu thực vật cao cấp Dưỡng thần (Công ty TNHH MTV OCEAN LINE); hoa hồi khô (Công ty TNHH MTV Nông lâm sản Dung Sơn); trà xạ đen Lụa Vy (Hợp tác xã chế biến nông sản Lụa Vy); Macadamia Hoàng Liên (Công ty TNHH MTV Hoàng Liên MC); dầu lạc Linh Khôi (hộ kinh doanh Dương Thị Liên); rượu men lá người Dao (Hợp tác xã nông nghiệp Công Sơn); miến dong Minh Khai (hộ kinh doanh

Hứa Văn Thu). Thông qua việc hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất nông, lâm nghiệp, giá trị sản phẩm nông nghiệp của Tỉnh ước tính tăng từ 5 đến 20% so với trước đây.

Hiện nay, để phát triển nông nghiệp bền vững, tỉnh Lạng Sơn đang hướng tới thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, đề án nhằm tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới. Hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu, hàng hóa nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, các nông sản có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong nước và hướng tới xuất khẩu.

Song song với đó, Tỉnh tập trung sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng có tiềm năng,

thế mạnh để thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất, sơ chế, chế biến tiêu thụ và quảng bá xây dựng thương hiệu sản phẩm một cách lâu dài, bền vững, hiệu quả; Triển khai Đề án “Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông lâm nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm; phấn đấu năm 2024 có ít nhất 15 sản phẩm được tiêu chuẩn hóa đạt 3 sao cấp tỉnh trở lên.

Về phát triển lâm nghiệp, Tỉnh tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030; Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn; nghị quyết cải tạo rừng tự nhiên không có khả năng phục hồi; bảo vệ và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có; tiếp tục triển khai việc khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung cây bản địa để nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tăng cường trồng rừng mới, triển khai có hiệu quả Đề án trồng 01 tỷ cây xanh; Phát huy khai thác tiềm năng lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu...; tiếp tục hoàn thiện và thực thi hiệu quả chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng, đơn đốc triển khai nghĩa vụ trồng rừng thay thế của các dự án./

**Thành Nam**



# LẠNG SƠN: HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐỒNG BỘ, KẾT NỐI

**T**rong 2 năm gần đây, Lạng Sơn đã tổ chức khởi công một loạt các công trình giao thông trọng điểm, hiện đại và có tính kết nối, liên kết vùng, lan tỏa lớn. Đó là: Dự án dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng, cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh; dự án Nâng cấp Quốc lộ 4B (đoạn Km3+700-Km18 và đoạn Km18-Km80), Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18.... Hiện nay, lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND Tỉnh đang bám sát tiến độ triển khai dự án, tập trung chỉ đạo các địa phương, đồng hành tháo gỡ khó khăn với chủ đầu tư, nhà thầu để đảm bảo tiến độ triển khai.

Để đẩy nhanh việc xây dựng kết cấu hạ tầng, trong bối cảnh ngân sách địa phương còn khó khăn, hạn chế, tỉnh Lạng Sơn đã đẩy mạnh việc huy động nguồn lực từ các nhà đầu tư theo phương án đối tác công tư (PPP) dưới các hình thức BOT, BT... Tiêu biểu nhất là các dự án Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - TP. Lạng Sơn (đoạn Km45+100-Km108+500), kết hợp tăng cường mặt đường QL.1 (đoạn Km1+800-Km106+500), tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức Hợp đồng BOT có mức đầu tư 12.183 tỷ đồng; Dự án tuyến cao tốc của khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng

Với quan điểm “giao thông đến đâu phát triển đến đó”, những năm qua, ngành Giao thông - Vận tải (GTVT) Lạng Sơn đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương tranh thủ tối đa các nguồn lực từ Trung ương và nhà đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội.

theo hình thức BOT với tổng mức đầu tư là 11.029 tỷ đồng (đang trong quá trình triển khai các bước thủ tục).

Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn Tỉnh hiện có 1 tuyến đường bộ cao tốc, 7 tuyến quốc lộ, 23 tuyến đường tỉnh, 110 tuyến đường huyện và các tuyến đường đô thị, đường giao thông nông thôn, đường tuần tra biên giới với tổng chiều dài trên 14.110 km. Các tuyến quốc lộ, đường tỉnh cơ bản được thảm bê tông nhựa hoặc láng nhựa, đảm bảo cho người dân đi lại thuận tiện.

Công tác phát triển giao thông nông thôn cũng đạt được kết quả rất tích cực. Các huyện, thành phố đã ưu tiên nguồn lực, đẩy mạnh vận động Nhân dân tham gia thực hiện cứng hóa các tuyến đường theo phương châm “Nhà nước hỗ trợ, Nhân dân tự làm”. Tính đến nay, số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa là 164/181 xã (đạt 90,6%), số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt trên 71%. Nhiều tuyến đường được cứng hóa giúp người dân đi lại, trao đổi hàng hóa nông sản thuận tiện, bộ mặt nông thôn thay da đổi thịt, ngày càng khởi sắc.

Công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường được quan tâm và huy động nguồn lực xã hội hóa để thực hiện, khắc phục tình trạng hư hỏng xuống cấp của các tuyến đường, góp phần bảo đảm an toàn giao thông và nâng cao năng lực lưu thông phương tiện, hàng hóa, hành khách.

Với tầm nhìn dài hạn dựa trên vị trí nằm ở cửa ngõ kết nối các nước Đông Nam Á với Trung Quốc, Lạng Sơn đã xác lập rõ trong quy hoạch phát triển hạ tầng giao thông tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Tỉnh xác định tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng giao thông, tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh, đồng bộ, hướng tới hiện đại, có tính kết nối cao từ trung ương đến tận thôn, bản và tiếp cận hệ thống giao thông đô thị thông minh; Ưu tiên tập trung phát triển hệ thống giao thông đối ngoại, các trục đường đô thị khu vực thành phố Lạng Sơn để kết nối với các tỉnh và các trung tâm kinh tế lớn, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; Đa dạng các loại hình vận tải và phương tiện vận tải nhằm thỏa mãn nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách, phát huy lợi thế của từng phương thức vận tải với chất lượng ngày càng cao. Các đầu mối kết nối hạ tầng giao thông được tập trung đầu tư bao gồm: Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, Đồng Đăng, Cửa khẩu Chi Ma, Tân Thanh, Bản Chắt, Bình Nghị, các trung tâm kinh tế như TP. Lạng Sơn, huyện Cao Lộc, Văn Lãng, cảng cạn Lạng Sơn, trung tâm logistics, khu công nghiệp tại huyện Hữu Lũng, quần thể du lịch Mẫu Sơn, khu di tích Chi Lăng, khu du lịch cộng đồng tại các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Hữu Lũng./.

**Đình Đình**



Tuyến Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đưa vào khai thác giúp rút ngắn đáng kể thời gian lưu thông từ Lạng Sơn đến Hà Nội





# LẠNG SƠN: CHĂM LO PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Lạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới vùng Đông Bắc của Tổ quốc, với 83,91% người dân là đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Những năm qua, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về chăm lo đời sống đồng bào DTTS, bên cạnh các chương trình, dự án phát triển kinh tế, tỉnh Lạng Sơn cũng đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào DTTS, qua đó góp phần nâng cao dân trí, giúp đồng bào DTTS và miền núi có cơ hội tiếp cận bình đẳng với các dịch vụ giáo dục công, từng bước nâng cao đời sống.



Tiết học Tin học của học sinh Trường Tiểu học xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

## Nhiều cơ chế chính sách phát triển giáo dục đã được triển khai thực hiện

Tỉnh Lạng Sơn đã ban hành nhiều chính sách phát triển giáo dục vùng DTTS, như: Đề án đầu tư xây dựng nhà bếp cho trường mầm non; đề án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia cho trường học thuộc các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020; quyết định về việc ban hành quy định đối tượng và điểm cộng ưu tiên, khuyến khích trong tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; nghị quyết của HĐND về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ loại hình giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2018 - 2025.

Bên cạnh đó, Sở Giáo dục và Đào tạo GD&ĐT Lạng Sơn đã tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh ban hành nhiều cơ chế, chính sách để phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Đặc biệt, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 07 Nghị quyết của HĐND tỉnh, nhiều Kế hoạch, Đề án của UBND tỉnh liên quan đến cơ chế, chính sách và một số quy định trong quản lý, quy hoạch phát triển ngành, thu học phí trên địa bàn tỉnh, đào tạo giáo viên, hỗ trợ giáo dục mầm non vùng khó khăn...

Theo đó, ngành GD&ĐT tỉnh Lạng Sơn đã có những chủ trương lớn như: Cử hàng trăm lượt cán bộ quản lý, giáo viên đi tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề do Bộ, Sở GD&ĐT tổ chức; luân chuyển,

điều động, biệt phái giáo viên khá, giỏi giúp đỡ giáo viên và học sinh vùng khó khăn; hằng năm tổ chức bồi dưỡng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác giáo dục dân tộc cho hàng nghìn lượt giáo viên cốt cán.... Qua đó, động viên đội ngũ giáo viên an tâm công tác, nhất là công tác tại các cơ sở giáo dục, điểm trường thuộc vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa; hỗ trợ học sinh và trẻ mầm non tích cực ra lớp, duy trì sĩ số.

Đặc biệt, Sở GD&ĐT được Tỉnh giao phục trách Tiểu dự án 1 - Dự án 5 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030. Trong đó, Tiểu dự án 1- Dự án 5 tập trung vào việc đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS.

Đến nay, sau gần 02 năm thực hiện, Chương trình đã tạo được niềm tin, sự ủng hộ trong đồng bào DTTS&MN, sự đồng thuận của các cấp ủy chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, đã có 100% trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở đã được chuyển đổi thành trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông. Điều này không chỉ mở rộng cơ hội học tập cho học sinh



DTTS mà còn góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận và hoàn thiện chương trình giáo dục phổ thông toàn diện.

Bên cạnh đó, Sở GD&ĐT Lạng Sơn luôn chú trọng đến việc cung cấp chỗ ở cho học sinh. Với 93% nhu cầu chỗ ở cho học sinh dân tộc nội trú đã được đáp ứng, cùng với 35% chỗ ở cho học sinh bán trú. Điều này không chỉ cải thiện điều kiện sống và học tập của học sinh mà còn góp phần giảm thiểu các trở ngại về địa lý và kinh tế cho học sinh ở các vùng sâu, vùng xa.

**Giáo dục và đào tạo đạt được nhiều kết quả tích cực**

Những năm qua, đã có hàng ngàn học sinh của Tỉnh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh cấp THCS và THPT; đạt giải cao tại các kỳ thi học sinh giỏi văn hóa quốc gia, khu vực và quốc tế; các cuộc thi và sân chơi trí tuệ cấp quốc gia. Với nhiều giải pháp đồng bộ, chất lượng giáo dục toàn diện của Tỉnh từng bước nâng lên vững chắc, tạo được nền tảng căn bản cho giáo dục mũi nhọn và giáo dục chất lượng cao. Tổ chức an toàn nghiêm túc, đúng quy chế Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 và năm 2023, tỉ lệ tốt nghiệp đạt trên 97%.

Năm 2022, tỉnh Lạng Sơn có 12 học sinh giỏi (HSG) quốc gia các môn Văn hoá (trong đó có 01 giải nhất); năm 2023, Tỉnh có 16 học sinh đoạt giải HSG quốc gia các môn Văn hóa, 01 dự án đoạt giải Ba cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh Trung học; 01 dự án đoạt giải 3 Cuộc thi HSSV với ý tưởng Khởi nghiệp cấp Quốc gia và nhiều HSSV đoạt nhiều giải thưởng tại các cuộc thi, hội thi khác.

Toàn Tỉnh duy trì tốt tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Tỉnh được Bộ GD&ĐT công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; duy trì chuẩn biết chữ mức độ 2. Năm 2023, công tác xóa mù chữ vượt chỉ tiêu: Tỉ lệ người biết chữ mức độ 1 đạt 99,12% (tăng 0,12%); Mức độ 2: 96,46% (tăng 0,59%); xây dựng trang thông tin điện tử cho 200 Trung tâm học tập cộng đồng tại 100% xã trên địa bàn Tỉnh.

Quy mô, mạng lưới trường, lớp học từng bước được sắp xếp hợp lý bảo đảm công tác giáo dục toàn diện; tăng cường hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học cho học sinh. Trong 02 năm học vừa qua, toàn Tỉnh thực hiện rà soát sắp xếp mạng lưới trường lớp cho phù hợp với quy mô, điều kiện kinh tế xã hội và dân cư các địa phương, thu gọn đầu mối. Kết quả đã sáp nhập được 36 trường, giảm 18 trường học. Năm 2022 công nhận mới đạt chuẩn quốc gia cho 17 trường, năm 2023 là 16 trường, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia toàn Tỉnh lên 285 trường, vượt 3 trường so với kế hoạch đề ra. Thành tích này góp phần đáp ứng nhu cầu thụ hưởng giáo dục cho con em các dân tộc trong Tỉnh./.

T.N

Tỉnh Lạng Sơn có nguồn lao động nông thôn khá dồi dào, song chất lượng lao động chưa cao, dẫn đến khó khăn trong vấn đề tìm việc làm và chuyển đổi nghề nghiệp khiến cho công tác giảm nghèo gặp nhiều khó khăn. Trước thực trạng đó, Lạng Sơn xác định đào tạo nghề là giải pháp căn cơ giúp người nghèo có việc làm, có thu nhập ổn định, sinh kế bền vững. Để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, ngành Lao động Lạng Sơn đã chủ động tham mưu Tỉnh ủy, HĐND Tỉnh Ban hành Nghị quyết và Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.



Đào tạo nghề Công nghệ ô tô tại Trường CĐ Nghề Lạng Sơn.

Ảnh: Anh Tuấn

Theo đó, tỉnh Lạng Sơn huy động các nguồn lực từ chương trình MTQG và ngân sách địa phương để tăng cường đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, định hướng để các trường/trung tâm đổi mới chương trình, gắn với nhu cầu sử dụng của xã hội. Cụ thể, với các trường Cao đẳng trên địa bàn sẽ ưu tiên cho các ngành, nghề trọng điểm quốc gia và khu vực phù hợp với định hướng phát triển và thu hút đầu tư của Tỉnh; đối với các trung tâm GDNN, tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phục vụ đào tạo trình độ sơ cấp đối với các ngành, nghề thiết thực với từng khu vực nông thôn. Ngành Lao động cũng chỉ đạo các trường, trung tâm rà soát, chỉnh sửa và đổi mới chương trình đào tạo, kịp thời đưa vào những nội dung cập nhật, theo sát với thực tiễn để đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và xã hội.

Với sự chủ động của các trường, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, năm 2023, công tác giáo dục nghề nghiệp hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62%, tăng 2% so với năm 2022, đạt 100% so kế hoạch. Không dừng lại ở việc đào tạo, công tác tư vấn, hướng nghiệp và giải quyết việc làm được các đơn vị, trường rất quan tâm, phối hợp chặt chẽ với Trung tâm dịch vụ việc làm Tỉnh để kết nối với thị trường lao động trong



## Lạng Sơn:

# GIẢI QUYẾT TỐT BÀI TOÁN ĐÀO TẠO NGHỀ, TẠO VIỆC LÀM GÓP PHẦN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

và ngoài nước. Trong năm qua, Lạng Sơn đã giải quyết việc làm mới cho khoảng 17.000 lao động (đạt 100% kế hoạch), trong đó trên 1 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài (chủ yếu tại thị trường Nhật Bản chiếm 70%), số còn lại chủ yếu làm việc tại các KCN ở Bắc Giang, Bắc Ninh.

Những kết quả trong công tác đào tạo, giải quyết việc làm đã góp phần nâng cao thu nhập của người dân, tạo nền tảng giảm nghèo bền vững cho nhiều hộ gia đình. Cùng với giải pháp về đào tạo, giải quyết việc làm, công tác hỗ trợ người nghèo thoát nghèo được Lạng Sơn triển khai bài bản, theo nhiều hướng tiếp cận, từ hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp; đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình kinh tế hiệu quả giúp người dân chủ động, nỗ lực phấn đấu và vươn lên thoát nghèo. Nhờ vậy, tỷ lệ hộ nghèo của Tỉnh giảm dần

**Nằm ở vùng đất phen dậu của Tổ quốc, Lạng Sơn trong nhiều năm qua đã nỗ lực để nâng cao chất lượng sống, giảm nghèo bền vững thông qua các chủ trương, chính sách thiết thực. Đặc biệt ưu tiên công tác đào tạo nghề, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm, tạo sinh kế để người dân tiếp tục vươn lên, xây dựng cuộc sống ấm no hơn, góp phần xây dựng biên cương vững mạnh.**

tỷ lệ hộ nghèo từ 12,2% năm 2021 xuống còn 8,92% cuối năm 2022 và còn 6,02% cuối năm 2023 (giảm 2,9%); hộ cận nghèo giảm từ 10,36% năm 2022 xuống còn 8,96% năm (giảm 1,4%). Hộ nghèo giảm bình quân giảm 3,09%/năm,

đạt mục tiêu Nghị quyết số 47-NQ/TU của BCH Đảng bộ Tỉnh đề ra.

Tuy tỷ lệ giảm nghèo hàng năm đạt và vượt mục tiêu, kế hoạch nhưng lại chưa đồng đều giữa các xã, thị trấn. Các chỉ tiêu quan trọng đánh giá tính bền vững như: Thu nhập, thiếu hụt các dịch vụ cơ bản chưa cao. Do đó, để phát huy những kết quả đạt được, tháo gỡ khó khăn thách thức trong công tác giảm nghèo, Lạng Sơn tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, đơn vị có liên quan, nhất là trách nhiệm người đứng đầu thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong công tác giảm nghèo; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái” của Nhân dân các dân tộc với người nghèo.

Bên cạnh đó, Tỉnh tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án giảm nghèo. Bố trí ưu tiên đủ nguồn lực thực hiện các chính sách đối với người nghèo, hộ nghèo; nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; kết hợp lồng ghép kế hoạch giảm nghèo của Tỉnh với kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025./.



Lớp học chăn nuôi gia cầm cho lao động nông thôn tại huyện Cao Lộc.

Ảnh: Duy Chiến

**Đình Long**



# LẠNG SƠN: KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI ĐẠT KẾT QUẢ TÍCH CỰC

**Những năm qua, tỉnh Lạng Sơn đã thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án của Trung ương, của Tỉnh đối với vùng miền núi, dân tộc và đã đạt được nhiều kết quả tích cực.**

**L**ạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới, thuộc vùng Đông Bắc của Tổ quốc. Dân số của Tỉnh là 781.655 người ( số liệu tổng điều tra dân số năm 2019), là tỉnh đồng dân đứng thứ 52/63 tỉnh, thành phố trong cả nước và thứ 9/14 tỉnh trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, trong đó người dân tộc thiểu số chiếm 83,91%.

Từ năm 2022 đến nay, tỷ lệ hộ nghèo các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

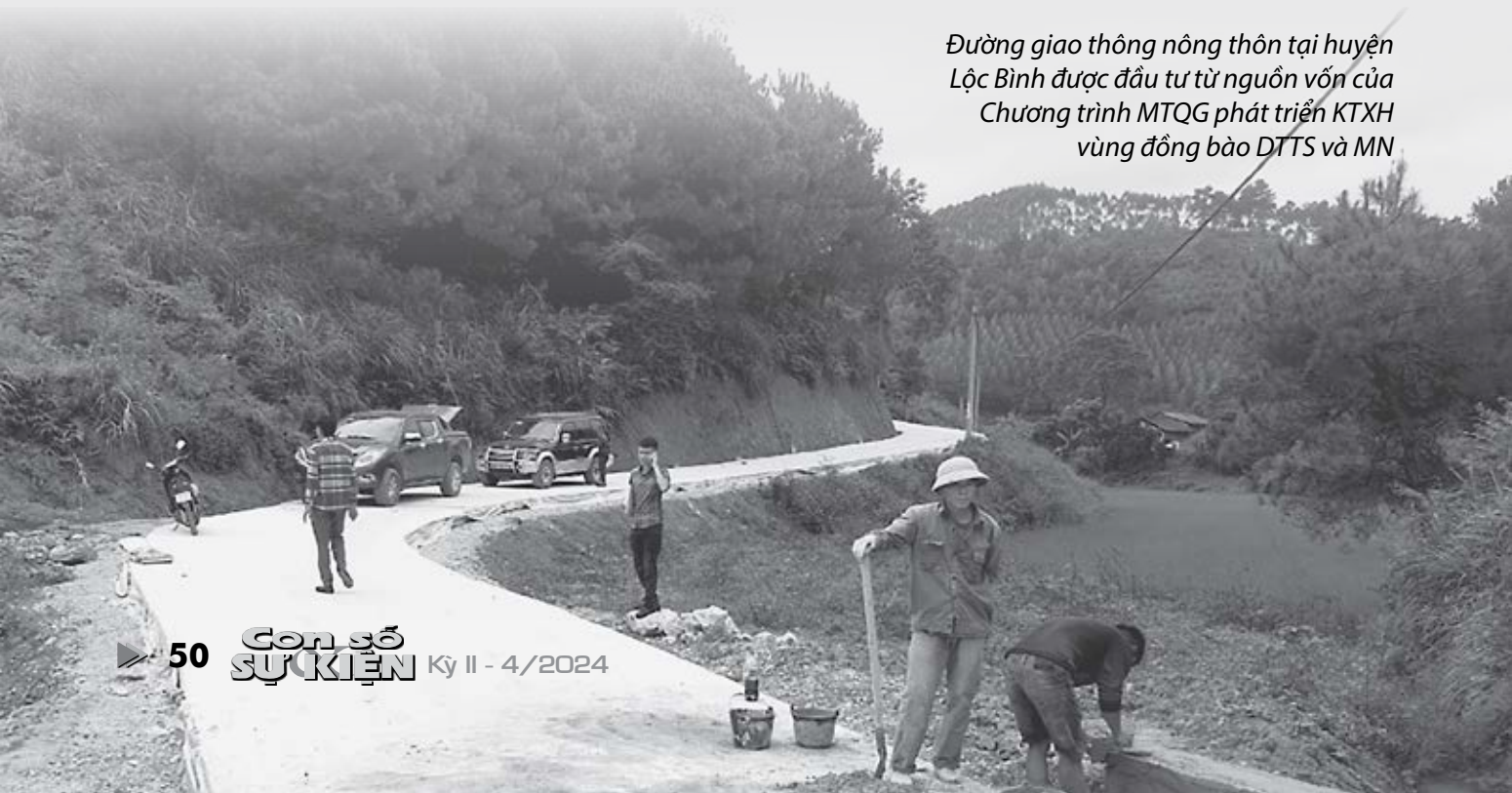
(DTTS&MN) của tỉnh Lạng Sơn giảm bình quân trên 3%/năm, hết năm 2023, đã có 09/88 xã của Tỉnh thoát khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn. Đã có 96,1% số xã của Tỉnh có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; có 99,99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện hợp pháp khác; trên 90% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp tục được đầu tư phát triển. Hàng năm, tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi, học sinh trong độ tuổi học tiểu học, học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở đến trường đạt 99,9%.

Tỉnh đã đầu tư xây dựng 155 công trình nước sinh hoạt tập trung; giải quyết nước sinh hoạt cho 12.805 hộ, thực hiện hỗ trợ 4.057 hộ nước sinh hoạt phân tán.

Đã có 656 hộ nghèo người DTTS không có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng còn tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ được hỗ trợ giải quyết nhà ở; sắp xếp ổn định dân cư cho 22 hộ; hỗ trợ thực hiện chính sách cho 1.649 người uy tín, đồng thời tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn toàn Tỉnh.

Đặc biệt, qua 03 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, hệ thống các văn bản của Trung ương, của Tỉnh để triển khai thực hiện đã được hoàn thiện. Bộ máy quản lý điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình từ tỉnh đến huyện, xã đã đi vào hoạt động nền nếp. Đội ngũ cán bộ quản lý Chương trình các cấp được tập huấn, đào tạo hướng dẫn, trang bị kiến thức, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã nhận thức rõ vai trò

*Đường giao thông nông thôn tại huyện Lộc Bình được đầu tư từ nguồn vốn của Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN*





trách nhiệm trong công tác tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Đến nay, các dự án của Chương trình đã được thực hiện khá hiệu quả. Năm 2023, Tỉnh đã thực hiện giải ngân được gần 548 tỷ đồng nguồn vốn đầu tư phát triển, đạt 96% kế hoạch; thực hiện hỗ trợ nhà ở cho 169 hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh; hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề cho 587 hộ; thực hiện hỗ trợ 14 dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị với 24 dự án mô hình chăn nuôi, 30 dự án mô hình trồng trọt; đầu tư cứng hóa trên 70 km đường đến trung tâm xã, đường liên xã, xây dựng 78 công trình giao thông nông thôn... Thông qua triển khai hiệu quả Chương trình MTQG phát triển KH - XH vùng đồng bào DTTS&MN đã góp phần xóa đói, giảm nghèo thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân DTTS&MN của Tỉnh, nhất là ở các xã đặc biệt khó khăn.

Để đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, tỉnh Lạng Sơn đã và đang phát huy mọi tiềm lực và lợi thế của miền núi để thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững cho các xã vùng DTTS&MN, bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên cho các địa bàn còn hạn chế về cơ sở hạ tầng thiết yếu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, tránh sự chông chéo với các chương trình, kế hoạch khác. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, công khai minh bạch trong phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn I từ năm 2021 đến 2025, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát huy quyền làm chủ cùng sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

Cùng với đó, Tỉnh chỉ đạo cấp huyện, xã chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; chủ động bố trí ngân sách địa phương, tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa để phát triển; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS; cơ bản hoàn thành việc quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí các hộ đang cư trú phân tán rải rác trong rừng đặc dụng, nơi có nguy cơ xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở; giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS.../.

**Minh Hùng**

## CỤC HẢI QUAN LẠNG SƠN: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, XÂY DỰNG THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH CỬA KHẨU THÔNG MINH

Nhờ đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa các hoạt động nghiệp vụ, Cục Hải quan Lạng Sơn đã nâng cao năng lực thông quan, tạo thuận lợi cho các hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn Tỉnh, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm được Bộ và Tỉnh giao.

Lạng Sơn là tỉnh miền núi phía Bắc, có đường biên giới dài 231,74km tiếp giáp với Khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây, nước CHND Trung Hoa, với 2 cửa khẩu quốc tế, 1 cửa khẩu song phương và 9 cửa khẩu phụ. Lạng Sơn có vị trí đặc địa, đầu cầu quan trọng kết nối Khu mật dịch tự do Trung Quốc - ASEAN và Hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Những năm qua, Lạng Sơn luôn là một trong những khu vực thông quan và xuất nhập khẩu hàng hóa lớn của cả nước.

Với vai trò thực hiện công tác quản lý nhà nước về hải quan trên địa bàn, thời gian qua, Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn luôn quan tâm triển khai nhiều phương án, giải pháp nhằm nâng cao năng lực thông quan, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động XNK hàng hóa qua địa bàn Tỉnh. Trong đó, công tác phối hợp, hợp tác, trao đổi thông tin với Hải quan Trung Quốc trong quá trình thông quan hàng hóa XNK là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Theo đó, Cục duy trì các kênh liên lạc với nước bạn Trung Quốc phục vụ cho mục đích tạo thuận lợi thương mại và thực thi hiệu quả kiểm soát hải quan, tiến hành trao đổi số liệu dữ liệu theo yêu cầu phục vụ công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại. Cục chỉ đạo các Chi cục Hải quan cửa khẩu chủ động trao đổi, hợp tác với Hải quan Trung Quốc trong công tác quản lý hàng hóa XNK, nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nâng cao năng lực thông quan hàng hóa XNK tại địa bàn Chi cục quản lý. Đồng thời, Cục cũng tham gia



đoàn công tác của Tổng cục Hải quan làm việc song phương với Hải quan Trung Quốc về mô hình “Hải quan thông minh, Biên giới thông minh, Kết nối thông minh” tại Nam Ninh, Trung Quốc....

Song song công tác phối hợp với nước bạn, Cục Hải quan Lạng Sơn đã đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan. Ngay từ năm 2014, toàn bộ thủ tục hải quan đã được triển khai bằng phương thức điện tử và thực hiện thống nhất toàn quốc trên hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS. Đến năm 2022, Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn tiếp tục xây dựng “Kế hoạch chuyển đổi số trong công tác nghiệp vụ” nhằm tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số phục vụ doanh nghiệp gắn với thực hiện cửa khẩu số. Đến nay, 100% thủ tục hành chính được triển khai trên hệ thống dịch vụ công, 80% hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan được thực hiện thông qua môi trường số, 50% hàng hóa xuất nhập khẩu có độ rủi ro cao được giám sát bằng seal định vị điện tử, 100% các cửa khẩu, các kho, bãi kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn đáp ứng điều kiện

triển khai hệ thống quản lý, giám sát hải quan tự động để giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra bằng phương pháp điện tử.

Nhờ đẩy mạnh chuyển đổi số, hoạt động xuất nhập khẩu diễn ra rất thuận lợi, doanh nghiệp thực hiện khai báo thủ tục hải quan mọi lúc mọi nơi, trên nhiều thiết bị, nhiều trường hợp, doanh nghiệp chỉ khai thông tin hàng hóa một lần để thực hiện nhiều thủ tục hành chính, giúp nâng cao tính minh bạch, phòng chống tham nhũng. Ngoài ra, thời gian thông quan hàng hóa được rút ngắn giúp doanh nghiệp giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh. Kết quả, trong năm 2023, tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu qua địa bàn tỉnh Lạng Sơn của tất cả các loại hình xuất nhập khẩu (kinh doanh, quá cảnh, chuyển cửa khẩu, vận chuyển độc lập) đạt 52,028 tỷ USD, tăng 85,12% so với năm 2022. Lượng phương tiện xuất nhập khẩu trung bình đạt 1.100 xe -1.300 xe/ngày.

Thời gian tới, thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của ngành Hải quan và định hướng trong Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2030, Cục Hải Quan Lạng Sơn

đang chuẩn bị các điều kiện để khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ xây dựng thí điểm cửa khẩu thông minh tại tuyến đường chuyên dụng vận tải hàng hóa cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị và cửa khẩu Tân Thanh. Với cửa khẩu thông minh, hai nước Việt - Trung cùng phối hợp xây dựng tuyến đường chuyên dụng xuất nhập khẩu hàng hóa độc lập, khép kín tách biệt với đường vận chuyển hàng hóa hiện nay đang sử dụng, trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại vào quá trình “giao nhận” hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua việc áp dụng phương thức vận chuyển hàng hóa không người lái di chuyển theo tuyến đường cố định, không gián đoạn 24/7 từ Việt Nam sang Trung Quốc và ngược lại, kết hợp với các thiết bị cầu container tự động hóa trên cơ sở định vị vệ tinh và công nghệ 5G. Việc đầu tư xây dựng cửa khẩu thông minh dự kiến được chia thành hai giai đoạn. Giai đoạn 1 (từ tháng 2/2024 đến tháng 12/2025), tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng. Giai đoạn II (từ tháng 1/2026 đến tháng 12/2028) đi vào vận hành thí điểm.

Với mô hình cửa khẩu thông minh, Lạng Sơn phấn đấu đến năm 2030, nâng cao năng lực thông quan tại các cửa khẩu Hữu Nghị, Tân Thanh lên khoảng 4 - 5 lần so với thời điểm hiện tại. Mục tiêu đến năm 2030, tổng kim ngạch hàng hóa xuất, nhập khẩu tất cả các loại hình qua cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị đạt từ 100 tỷ USD trở lên; qua cửa khẩu Tân Thanh đạt từ 25 tỷ USD trở lên. Đặc biệt, mô hình này sẽ giải quyết tình trạng ùn ứ hàng hóa tại khu vực cửa khẩu, giảm chi phí vận chuyển, thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu./.



Khu vực tiếp nhận, trả hồ sơ hải quan tại Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị Ảnh: Tuấn Dũng

Đ.L

# TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH

## GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH LẠNG SƠN

Những năm qua, nguồn vốn vay tín dụng chính sách đã mang lại sinh kế, tạo thêm việc làm, đẩy quá trình hoàn thành các chỉ tiêu trong xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Lạng Sơn.

**L**ạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới vùng Đông Bắc của Tổ quốc, dân số là 807.300 người gồm 7 dân tộc chính, trong đó, 83,91% là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu ở địa bàn nông thôn, miền núi.

Thực hiện Nghị định số 78 ngày 04/10/2022 của Chính phủ, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh Lạng Sơn đã chuyển tải nguồn vốn tín dụng chính sách đến 100% số thôn, bản, khối phố, thông qua 19 chương trình cho vay, trong đó có 13 chương trình tín dụng cho vay để phát triển kinh tế, còn lại là cho vay hỗ trợ cho học sinh, sinh viên (HSSV) có hoàn cảnh khó khăn (HCKK) đi học, hỗ trợ về nhà ở, xây dựng công trình nước sạch, vệ sinh để cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống,... với tổng dư nợ đến ngày 31/12/2023 là 4.406.497 triệu đồng.

Nguồn vốn tín dụng chính sách (TDCS) đã giúp nhiều hộ nghèo, hộ khó khăn ở vùng nông thôn tỉnh Lạng Sơn phát triển sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, bộ mặt nông thôn được cải thiện. Tính đến năm 2022, sau 20 năm thực hiện Nghị định 78, nhờ phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị tham gia chuyển tải nguồn vốn tín dụng chính sách của Nhà nước đến đúng đối tượng được hưởng thụ, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, nguồn vốn ưu đãi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã giúp gần 45 nghìn hộ vượt qua ngưỡng nghèo, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh bình quân trên 3%/năm; tạo việc làm cho hơn 28 nghìn lao động; hơn 31 nghìn HSSV được vay vốn trang trải chi phí

học tập; xây dựng hơn 128 nghìn công trình nước sạch và vệ sinh môi trường; gần 8 nghìn ngôi nhà được sửa chữa, cải tạo, xây mới giúp người dân cải thiện cuộc sống.

Trong năm 2023, tiếp tục có trên 5,6 nghìn lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo của Tỉnh được vay vốn. Nguồn vốn TDCS đã tạo việc làm cho trên 4,1 nghìn lao động; trên 8 nghìn công trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn được xây mới, sửa chữa cải tạo từ nguồn vốn tín dụng chính sách; trên 2,7 nghìn hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn được vay vốn.

Đặc biệt, nguồn vốn TDCS đã góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Tại nhiều xã, tỷ lệ giảm nghèo nhanh không chỉ giúp đẩy nhanh quá trình hoàn thành các chỉ tiêu trong xây dựng nông thôn mới, mà còn làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nhất là tại các vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Hầu hết các hộ khó khăn trước đây, nhờ vay vốn tín dụng ưu đãi cho người nghèo phát triển kinh tế, nay đã thoát nghèo, xây dựng được nhà cửa khang trang, đời sống vật chất và tinh thần được nâng lên rõ rệt.

Bên cạnh đó, nguồn vốn TDCS còn giúp cho hàng chục nghìn học sinh, sinh viên của Tỉnh được vay vốn ưu đãi để đóng học phí, mua các thiết bị học tập, có cơ hội được đến trường nâng cao học vấn, tri thức, tạo dựng hành trang vững chắc cho tương lai, cung cấp nguồn lao động chất lượng cao cho xã hội.

TDCS thực sự đã là một trong những trụ cột giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế; góp phần thiết thực vào thực hiện các tiêu chí thu nhập, tiêu chí hộ nghèo, môi trường... trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Tỉnh.

Với vai trò quan trọng đó, hoạt động TDCS cũng luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh và sự phối hợp của các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội. Các cấp Hội đoàn thể luôn tích cực trong công tác tuyên truyền, vận động, quan tâm tới vốn ủy thác cho vay để phối hợp với cơ quan chức năng lồng ghép các dự án giúp hộ vay sử dụng vốn hiệu quả.

Để nâng cao chất lượng tín dụng, Chi nhánh NHCSXH tỉnh và tổ chức CTXH thường xuyên quan tâm, chú trọng thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng nhận ủy thác.

Cùng với đó, Chi nhánh NHCSXH tỉnh luôn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động, hướng dẫn Nhân dân tham gia các mô hình sản xuất, liên kết sản xuất phù hợp với ngành nghề lĩnh vực sản xuất kinh doanh; hỗ trợ phổ biến chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình trong sản xuất kinh doanh.

**Minh Châu**



Cán bộ Ngân hàng CSXH Lạng Sơn tập huấn nghiệp vụ ủy thác năm 2023

# MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ NĂM 2024



*Tháng Tư về nắng vàng như đổ mật  
Ngành Thống kê tất bật với điều tra  
Dân số là gốc rễ của Quốc gia  
Chính phủ giao, toàn Ngành chung nhiệm vụ*

*Từ Cà Mau ngược lên trên Lũng Cú  
Điều tra viên không quản ngại nắng mưa  
Vẫn miệt mài đi đến hệ thống trư  
à  
Quên cái nắng đã tắt dần sau núi*



...  
Đoạn thơ được trích trong bài thơ:  
**Thống kê trong trái tim tôi**  
của tác giả **Trần Phương Thảo**  
Cục Thống kê TP. Hà Nội

